

TẠO DÂN

văn học
Việt Nam

giọt máu chung tình

TÂN DÂN TỬ

TIỂU THUYẾT

vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

Mục lục

| | |
|-----------------------------|--|
| <u>Lời Phụ Thuyết</u> | |
| <u>Hội Thứ Nhất</u> | |
| <u>Hội Thứ Nhì</u> | |
| <u>Hội Thứ Ba</u> | |
| <u>Hội Thứ Tư</u> | |
| <u>Hội Thứ Năm</u> | |
| <u>Hội Thứ Sáu</u> | |
| <u>Hội Thứ Bảy</u> | |
| <u>Hội Thứ Tám</u> | |
| <u>Hội Thứ Chín</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười Một</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười Hai</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười Ba</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười Bốn</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười Năm</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười Sáu</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười Bảy</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười Tám</u> | |
| <u>Hội Thứ Mười Chín</u> | |
| <u>Hội Thứ Hai Mươi</u> | |
| <u>Hội Thứ Hai Mươi Một</u> | |
| <u>Hội Thứ Hai Mươi Hai</u> | |
| <u>Hội Thứ Hai Mươi Ba</u> | |
| <u>Hội Thứ Hai Mươi Bốn</u> | |
| <u>Hội Thứ Hai Mươi Năm</u> | |
| <u>Hội Thứ Hai Mươi Sáu</u> | |
| <u>Hội Thứ Hai Mươi Bảy</u> | |
| <u>Hội Thứ Hai Mươi Tám</u> | |

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Lời Phụ Thuyết

Xưa nay những nhà văn chương hễ có xúc cảnh quan tình thì hay ngâm thi vịnh phú, hoặc đặt ra những trường thiên đoản cú, cho đăng tởa cái tình tứ ước uất ừ sâu. Song các sách ấy, duy tiểu-thuyết là một truyện có tình-tứ cao xa, có tư tưởng rộng rãi hơn hết, chẳng những đọc đến thì đăng khiến muộn tiêu sâu mà thôi, lại cũng đăng mở mang trí thức thêm nữa.

Vì vậy trong lúc mưa Âu gió Mỹ, thời đợi văn-minh này, tiểu-thuyết cũng đăng chiếm một địa vị cao đăng, để làm phương châm mà chỉ vẽ những việc phải quấy của thế thối nhờn tình ; và làm cái gương khuyến trừng cho đám dân đoàn xã-hội.

Nên những nhà tiểu-thuyết đại danh bên Tây-Âu, và các tay Hồng nho danh sĩ bên Đông-Á, mỗi năm xuất bản cũng đã sa số hăng hà. Như : Victor Hugo, Alexandre Dumas là nhà tiểu-thuyết đại danh bên Pháp-quốc ; như Bồ-tòng-Linh, Trần-Câu là nhà trước tác đại danh bên Trung-Hoa. Còn Việt-Nam ta thì có Nguyễn-Du, Nguyễn-đình-Chiêu, và các ông khác nữa.

Những truyện sách của các ông ấy, để đến ngày nay hãy còn miệng thế nhắc nhở bia truyền, người tuy mất mà phương danh chẳng mất.

Nay Tân-dân-Tử đại nhơn ra quyển tiểu-thuyết này chẳng phải dám đối với các bậc tiền triết trên đây, song nhơn lúc phong triều tiểu-thuyết đã phần phát nơi cõi Á-Đông nên đem sự tích của một công-tử là con của một vị tướng quân đã vị quốc vong xu trong lúc Hoàng-triều Gia-Long phục nghiệp, ngộ đăng xem đến sự tích công-tử, thì nhớ tới lịch sử của tướng quân ngày

xưa, cho khỏi tiếng mai một những người anh-hùng trong xứ sở.

Quyển tiểu-thuyết này dùng theo thể cách Tây-Âu mà bố trí một sự tích hoàn toàn ước gần hai trăm trường, đem những sự tử biệt sanh ly của gái sắc trai tài, mà diễn nên một pho tình sử, rất thanh tân tao nhã, như mấy lối bi tình thảm trạng, cũng khiến cho kẻ đọc xót dạ, mà ủ mặt châu mày ; như mấy cơn hân hạnh kỳ phùng, cũng khiến cho người xem được vui lòng, mà chơn xoan tay múa.

Vậy nếu quyển tiểu-thuyết này, may mà đăng hậu thế ham mộ ban hành, và đem mà khai diễn nơi các võ-đài trong xứ ta thì cũng chẳng khác chi truyện sách của các đứng tiền triết trước đây, chừng ấy cái danh dự của tác-giả có lẽ cũng đăng chút thơm rơi trong đất Việt.

Thủ-đức

Châu-sơn : NGUYỄN-ĐĂNG-CAO

Lời tự

Những nhà đại gia văn chương trong xứ ta khi trước, hay dùng sự tích sử truyện nước Tàu, mà diễn ra quốc-văn của ta, như : Kim-vân-Kiều, Nhị-độ-Mai, Phan-Trần truyện, Lục-vân-Tiên, thì toàn dùng cách văn lục bát mà thôi, chưa thấy truyện nào đặt theo cách văn lưu thủy là văn xuôi theo tiếng nói thường của mình ; cho dễ hiểu mau nghe, và cũng chưa thấy Tiểu-thuyết nào làm ra một sự tích của kẻ anh-hùng hào kiệt và trang liệt-nữ thùyên quyền trong xứ ta, đăng mà bia truyền cho quốc dân rõ biết.

Hỏi thử : Trương-Lương, Hàn-Tín, Hạng-Võ, Tiêu-Hà, thì sự tích lâu thông ; còn hỏi lại ai là anh-hùng hào-kiệt trong nước ta, thì ngẩn ngơ chẳng biết.

Như vậy thì trong xứ ta chỉ biết khen ngợi sùng bái người anh-hùng liệt-nữ của xứ khác, mà chôn lấp cái danh giá của người anh-hùng liệt-nữ trong xứ mình, chỉ biết xưng tụng cái oai phong của người ngoại bang, mà vùi lấp cho lu mờ cái tinh thần của người bốn quốc.

May thay cho chúng ta gặp nhằm thế kỷ hai mươi này là một thế kỷ văn-minh, là một thời đại quốc-văn ta đương lúc nảy tước đâm chồi, đơm hoa kết trái và cũng một thời đại của Tiểu-thuyết trong xứ ta đương lúc sanh thai xuất thế, phát khởi thanh hành, vì vậy nên đã có nhiều quyển Tiểu thuyết xuất bản ra đời, song những Tiểu thuyết ấy phần nhiều nói về hoa-nguyệt phong tình của đám hạ lưu nam nữ, còn những sự tích anh-hùng liệt-nữ, và những bậc danh sĩ nhơn tài trong xứ ta, thì chỉ có một ít truyện sử đó thôi, kỳ dư hãy còn chôn lấp nơi chỗ tối tăm, chưa ai chịu khó kiếm tìm mà phô trương cho mắt đời xem thấy.

Nay quyển tiểu thuyết “Giọt máu chung tình” này vẫn là một tiểu thuyết phô diễn sự tích của một trang hồng nhan liệt-nữ, với một trang niên thiếu anh-hùng, là con của một vị khai quốc công thần trong đời Cao-Hoàng trung hưng phục nghiệp.

Tôi chẳng nài lao tâm khổ não đem những ngày giờ dư giả trong lúc đêm tịnh canh trường, mà tìm tòi một sự tích có thú vị, có ân tình, có tinh-thần, có phẩm giá, đặt phô diễn ra đây, trước là phụ ích với các nhà Tiểu thuyết đương thời, sau là tỏ rằng trong xứ ta cũng hiếm kẻ khí phách anh-hùng, trung trinh liệt-nữ như các nước khác kia vậy.

Trong quyển tiểu thuyết này có ba điều đại yếu :

1 o trai như Đông-Sơ là một trai có tinh thần đờm lược, khí phách anh-hùng, chỉ biết lấy một gan đờm mà đền đáp nợ nước ơn nhà, cho rõ phận sự tu mi đứng trong hoàn vũ.

2 o gái như Thu-Hà là một gái tánh tình cao thượng, biết lấy một sự trung trinh tiết hạnh mà đối đãi với chồng cho khỏi tiếng sỉ tiết ô danh, tồi phong bại tục.

3 o Triệu-Dũng là bạn giao tình kết nghĩa song cũng giữ một lòng nhiệt thành chí tín, mà đối đãi với cố hữu thân bằng ; hoạn nạn chung cùng, xem đường anh em đồng bào cốt nhục.

Trong quyển tiểu thuyết này, những lời nói giọng tình câu chuyện đặt để kỹ cang, có lối văn chương, có mùi tao nhã, chỗ thì cao đàm hùng biện, mà làm ngọn roi kích bác cho phong tục đương thời, chỗ thì nghị luận khuyên trừng, làm một phương thuốc bổ ích tinh thần cho kẻ học sanh hậu tấn, chỗ lại bi, hoan, ly, hiệp, tình tứ thâm trầm, khiến cho độc giả cũng có lúc xúc động tâm thần mà nheo mày chặt lưỡi, cũng có lúc vui lòng hứng chí, mà được giải khuây một ít cơn sầu, cũng có khi dựa gối cúi đầu, ngẫm nghĩ cuộc đời mà thương người nhớ cảnh.

Chẳng phải như Tây-Du, Phong-Thần là truyện huyền hoặc hoang đàng, đọc tới thêm mê muội tâm thần, làm cho hai mươi mấy triệu linh hồn của quốc dân ta đến ngày nay hãy còn mơ màng theo lối xóm quỷ làng ma, lẫn bần theo thói tình tà tưởng mị, đã chẳng lợi dụng cho quê hương, mà cũng chẳng ích chi cho trí thức.

TÂN-DÂN-TỬ

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Nhất

Trong lúc lửa hạ vừa tàn, gió thu đổ lá, kia xóng róng một đám rừng thung cụm liễu, cây đứng xơ rơ, trợn mắt trơ trơ, dường như giận cái phong-cảnh tiêu điều, mà phai màu xủ lá. Nọ một dãy trường-san vọi vọi, nằm dọc theo mé biển Đông-dương, dơ sóng phơi sườn mà thêm thiếp im lìm ở dưới trời nam, dường như buồn thảm cái thời tiết đổi dời, nên không động dạng.

Còn phía Đông-nam một giã, thì cỏ hoa lúp xúp, mấy tòa cửa hoạn nhà quan ; day mắt ngó ngang, thì thấy một giã đồn quân trại lính ; ấy là một cảnh Tỉnh-thành Bình-định đẹp thay thủy tú san kỳ. Còn nhắm lại cảnh Tây-bắc phía sau, thấy chóp chỡ non cao, sờ sờ một cái Cổ-tháp của nước Chiêm-thành khi xưa, đã thuộc về Việt-nam ta chiếm cứ, tuy là lờ mờ bụi đóng rêu phong ; nhưng cũng còn trơ trơ một tòa tháp nguy nga nên gộp đá.

Vậy nên xưa những đứng thi nhơn danh sĩ đi ngang qua xứ này, thấy cái cảnh tình sự nghiệp của nước Chiêm-thành đã tiêu điều , duy còn cái tháp này trải qua chẳng biết bao nhiêu gió táp mưa sa, thỏ tà ác lặn, thì cảm cảnh mà làm câu thi như vậy

Đa thiếu phiến ba vân cộng khứ,

Duy dư tiền tháp lão càn khôn.

(Nghĩa là : chốn phiến-ba thị tứ của nước Chiêm-thành (tục kêu là Chàm) đã theo mây gió mà tan-tành, duy còn một cái tháp tiền này kình với lão càn khôn mà đứng trơ trơ lên bàn-thạch.)

Đó rồi ngó qua phía trên, thì thấy trong đám rừng hoang cỏ rậm, lấy cây làm gác, bẻ lá che chòi, đặng mà đụt nắng trốn mưa, ấy là rải-rác ít nhà con mọi.

Trong khi đương chiêm-châm mắt ngó cái cảnh tượng của Võ-trụ san-hà, mê mẩn thú nước biếc non xanh, làm cho ngơ ngẩn tâm thần, rồi đứng sững chần ngẩn, như điên như ngốc, thỉnh thoảng thấy một làn khói mù mịt, xung xăng bay lên dựa mé rừng kia, rồi lần lần bay qua triền núi nọ.

Kế một lát nghe tiếng lạc đồng rảng rảng, chợt thấy một bóng ngựa kim ô, bốn vó bỏ liền vo, chạy nghe lộp bộp. Chừng chạy lại gần, thì rõ ràng một con ngựa cao lớn vạm vỡ phi thường, chớp mao xủ trán, hình như sư-tử hạ sơn, lông gáy dựng ngay, dạn giống kỳ-lân xuất thế, yên cương đẹp đẽ, kiêu khẩu rõ ràng ; thật là một giống hùng mã long-cu, chớ chẳng phải ngựa tầm thường sánh kịp.

Trên ngựa ấy thấy một trang niên thiếu, lưng mang đoản kiếm, mình mặc võ trang, tướng mạo đường đường, thật đáng một vị anh-hùng hào-kiệt, đương buông cương giục ngựa, bốn ba lượt dặm quan-hà, vượt bụi băng rừng vội vã theo đường tiểu lộ.

(Khán quan có biết một vị thiếu niên này là ai chẳng ? Nếu tôi không cầm viết chỉ ngay ra dưới đây, thế thì liệt vị khán-quan có lẽ cũng còn hồ nghi mà tưởng rằng một người tha bang dị chủng.

Song người thiếu-niên này chẳng lạ, người này tên là Võ-đông-Sơ, vẫn là con của một vị Khai-quốc công-thần của đức Cao-hoàng khi xưa, là quan Hậu-quân Võ-Tánh.)

Đây tôi xin nhắc sơ lược sự tích của quan Hậu-quân Võ-Tánh. Nguyên là người ở Baria, sau nghe Cao-hoàng muốn phục-nghiệp trung hưng, thì ngài đem binh ứng nghĩa, đánh với Nguyễn-Nhạc Tây-Sơn, đến đâu thì kỳ khai

đắc thắng, mã đáo thành công, bọn giặc đều táng đờm kinh tâm, mà cho ngài là một vị Võ-công danh tướng.

Khi ngài bị một vị tướng quân của Tây-Sơn là Trần-quan-Diệu vây thành Bình-Định ba năm, trong đã hết lương, ngoài không binh cứu. Đường lúc thế cùng binh nhược như vậy, ngài bèn lên cái lầu Bát-giác kia, rồi kêu tướng-sĩ đến mà nói như vậy : “Các tướng-sĩ ôi ! ta cảm ơn tướng-sĩ đã tận tâm kiệt lực, lướt đạn xông tên, mà chịu cực khổ với ta trong thành này đã ba năm dư, cũng tưởng hết sức với nước nhà mà trừ loài nghịch tặc, nhưng binh giặc càng ngày càng đông, mà trong thành lương tiền đều hết. Vậy nay ta quyết mượn ngọn lửa này mà vị quốc quyền sanh, cho khỏi nhọc lòng tướng sĩ ; nhưng ta xin tướng sĩ một điều là sau khi ta thác rồi, thì các tướng sĩ sẽ mở cửa thành ra mà trở về quê hương xứ sở, đừng nuôi dưỡng cha mẹ vợ con, chớ chẳng nên dục lợi cầu vinh mà hàng đầu kẻ giặc.”

Nói rồi day qua hướng Nam lạy vua 4 lạy, rồi lấy điều thuốc của ngài hút liệng trên giàn hỏa, thuốc súng bắt lửa bùng lên.

Ôi ! cái hồn trung liệt của một vị khai quốc công thần, nay đã theo ngọn lửa vô-tình này ; phất phất phiêu phiêu, mà tiêu diêu nơi cõi thọ.

Đây tôi xin nhắc lại tên Võ-đông-Sơ khi cha người là Võ-Tánh mất rồi, thì Đông-Sơ còn nhỏ ở với mẹ là Ngọc-Du công-chúa tại Nam-Kỳ, đến khi lớn lên thì mẹ đã từ trần. Đông-Sơ bèn ra ở với chú tại thành Bình-Định mà học nghề văn, tập nghiệp võ. Thật là một vị con dòng cháu giống của cửa tướng nhà quan, tánh chất thông minh học ít biết nhiều, nên văn võ gồm hai, đáng một bậc nhơn tài tuần kiệt.

Chú thấy Đông-Sơ thông-minh hào-hiệp, thì thương cháu cũng như con ; bởi vậy nên đã nhiều phen muốn tính việc nhơn duyên, đặt định cho cháu sánh bề giai ngẫu. Nhưng Đông-Sơ chối từ không chịu, mà thưa với chú rằng :

Thưa chú ! chú đã đem lòng hạ cố mà nghĩ thương chút phận đơn cô, nên muốn tính việc lứa đôi, thì cháu chẳng xiết muôn ngàn cảm tạ. Nhưng mà cháu nghĩ phận trẻ đương lúc bèo mây trôi nổi, nào biết đâu là biển ái nguồn ân, vì cái áng công danh còn ngơ ngơ ngẩn ngẩn nơi chốn phong trần, chưa biết chừng nào đang mở mang mây mặt, lẽ đâu dám vội quên chữ lập thân hành đạo, cho hiển tổ vinh tông, lại đem cái chí khí nam-nhi mà ràng buộc theo dây tình thê-nữ ? Vả lại : sự chồng vợ là một mối luân thường rất trọng, trong lúc thời đợi văn minh, xin chú để cho cháu lóng đục dò trong, mà lựa một bậc đức hạnh song toàn, sắc tài xứng đáng, đang ngày sau lấy cái sự tài đức của phần đại quần-xoa mà cầm quyền tề gia nội trợ thì mới đáng, ấy là chí bình sanh sở nguyện của cháu như vậy.”

Chú nghe Đông-Sơ phân giải cặn kẽ mấy lời, thì chum chim miệng cười, thỉnh thoảng vuốt râu, rồi gật đầu mà cho là phải.

Cách ít bữa, Đông-Sơ thưa với chú xin ra Đông-kinh du học, trước là trau dồi việc võ, sau là tập luyện nghề văn, cho tinh thuộc hoàn toàn, đang đợi hội thu-vi ra mà lập công danh với thế, đoạn mới sắm sửa đồ hành trang và lộ phí, rồi một mình giục ngựa buông cương, giải nắng dầm sương, theo quan lộ băng chùng thẳng tới.

Đây tôi xin nhắc khán quan nhớ lại trong khoản trước tôi đã nói một vị thiếu-niên anh-hùng cỡi ngựa chạy nơi mé rừng kia, làm cho một lẫn khói bụi bay lên mù mịt, đó là lúc Võ-đông-Sơ đã từ giã chú rồi, cỡi ngựa ra Đông-kinh mà du học, nên đây tôi xin tiếp theo.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Nhì

Khi Đông-Sơ giục ngựa theo quan lộ, ngày đi đêm nghỉ, xuống ải lên đèo, lúc gần tới Đông-kinh, thì thấy một cảnh tỉnh thành đô-hội, đài các nguy nga, thật là một chỗ đại địa phiên ba, cửa nhà đông đảo.

Nguyên chỗ Đông-kinh này là một kinh-đô cũ của triều Lê kêu là Thăng-long-thành, nay gọi là Tonkin, tục danh là Hà-nội, vì cái Thăng-long-thành này kề cận nước Tàu, bị quân Tàu nhiều phen giấy động can qua, đem binh xâm loạn, nên sau dời kinh-đô về tỉnh Thừa Thiên, nay tục kêu là Huế.

Khi Võ-đông-Sơ đương dạo xem phong cảnh, xảy thấy một người phong nghi tề chỉnh, tướng mạo đường đường, tay cầm một cây gươm, tay xách một tấm bảng, đương đứng ngơ ngẩn ngó mông, xem nét mặt dường như có điều chi sâu não.

Đông-Sơ bước lại thấy trên tấm bảng viết 4 chữ “Mại kim táng thân” nghĩa là bán gươm mà chôn mẹ, thì lấy làm lạ, liền bước lại, gạn hỏi căn do, và tánh danh xứ sở của tên ấy.

Tên bán gươm nói : “Tôi là người ở Hà-đông tên là Triệu-Dũng. Nguyên cha tôi mất sớm, nên gia đạo hàn-vi, vì vậy tôi thường lên núi Tây-kỳ mà chuyên nghề săn bắn. Rủi thay mấy tháng nay mẫu thân tôi bệnh nặng, mảng lo săn sóc thuốc thang, và ở nhà mà giữ sự thần tỉnh mộ khang, nên cuộc sanh nhai bê trễ ; nay rủi mẹ đã ly trần, phần thì gia đạo cô bản, không tiền bạc đặng lo bề tổng táng. Nên cực chẳng đã tôi phải đem gươm ra bán, hiềm vì chưa gặp người mua. Có người hỏi tôi bán bao nhiêu, tôi nói 30 lượng bạc,

thì chê rằng mắc."

Đông-Sơ nghe nói liền xuống ngựa, và bước lại nói với tên ấy rằng :
"Cảm phiền tráng-sĩ, xin cho tôi coi thử cây gươm", rồi lấy gươm rút vỏ ra coi, thấy một ánh hào quang chói lòa con mắt ; thì biết là một cây gươm báu, trên cán đều khảm vàng và chạm đầu sư-tử, còn bên cán có khắc 4 chữ
"Vĩnh-Lịch niên chế"

Đông-Sơ xem rồi liền rút vỏ và day lại hỏi tên ấy rằng : "Nguyên cây gươm này là của người Tàu chế ra trong năm vua Vĩnh-Lịch, đời Minh bên Trung-quốc, song chẳng biết duyên cớ nào lại về nước Nam ta, mà vào tay tráng-sĩ ?"

Tên bán gươm nói : "Phải, gươm này là của một vị tướng quân triều nhà Minh."

Đông-Sơ nghe nói day mắt ngó tên kia và lấy làm lạ mà hỏi rằng :
"Nhưng tráng-sĩ có rõ vị tướng quân ấy tên chi chẳng ?"

Tên kia nói : "Tôi là lớp hậu sanh niên thiếu cũng như quới khách, lẽ đâu rõ đặng, song khi cha tôi còn sanh tiền có thuật cái lai-lịch gươm ấy cho tôi nghe."

Đông-Sơ nói : "Vậy thì xin tráng-sĩ vui lòng thuật lại cho tôi nghe ước có đặng chẳng ?"

Tên bán gươm nói : "Nguyên cây gươm này gốc của một vị tướng quân triều nhà Minh tên là Lý-Tường. Khi Mãn-Châu qua lấy Trung-quốc rồi, thì Lý-Tường theo hộ giá vua Vĩnh-Lịch chạy qua tá ngụ nơi nước Miến-Điện. Chẳng dè Ngô-tam-Quế đem binh rượt theo, rồi gởi tờ công hịch cho vua Miến-Điện, hạn nội ba ngày phải bắt vua Vĩnh-Lịch mà hiến nạp, bằng không, thì sẽ đem binh qua đập đổ thành quách nước Miến-Điện ra bụi tro

bình địa. Vua Miến-Điện thất kinh, liền bắt vua Vĩnh-Lịch mà nạp.” Nói tới đây thì thở ra một cái và ngó Đông-Sơ mà nói rằng : “Quối khách có biết vua Vĩnh-Lịch sẽ trở ra thế nào chăng ?”

Đông-Sơ nói : “Xin tráng-sĩ hãy nói luôn, tôi đâu rõ đặng.”

Tên bán gươm bèn nói tiếp rằng : “Vua Vĩnh-Lịch bị Ngô-tam-Quế giết chết tại Vân-nam một cách rất ghê gớm, thảm thay cho dòng dõi cơ đồ của Triều nhà Minh, từ đây bị một tay Ngô-tam-Quế mà tiêu điều tận tuyệt.”

Đông-Sơ nghe nói nhượng mắt ngó sững tên bán gươm mà nói : “Tôi nghe rằng : Ngô-tam-Quế vẫn là một vị Phiên trấn đại thần của Triều Minh ; quyền cao tước trọng, lộc cả ngôi sang, và tổ phụ của Ngô-tam-Quế cũng đều hưởng thọ tước lộc của Triều Minh, sao lại phụ phản Triều Minh mà sát hại vua Vĩnh-Lịch. Vậy thì rõ ràng là một đứa gian thần tặc tử lắm chăng ?”

Tên bán gươm thở ra một cái nữa rồi nói : “Phải. Hễ con người như vậy, thì là một đứa đã táng tận lương tâm, nào kể chi ngọn bút của sử quán châm chích chê bai, và miệng thế-gian nghị luận. Song cái sự độc ác ấy làm cho trời giận đất hờn, nhơn dân đều bầm gan tím ruột. Rồi có một sự quả báo kia trả liền trước mắt.”

Đông-Sơ nghe nói mắt ngó tên kia sững sờ mà hỏi rằng : “Tráng-sĩ nói một sự quả báo trả liền trước mắt, mà quả báo làm sao ?”

- Quả báo ấy là khi Triều Thanh vua Mãn-châu dòm thấy cái tim đen của Ngô-tam-Quế chứa những quỷ ma độc ác phi thường, thì biết là một đứa phản tặc nghịch thần, liền bắt mà tru di tam tộc.

Đông-Sơ nghe rồi gật đầu hai ba cái, và mỉm cười mà nói rằng : “Vậy mới gọi là Hoàng-thiên hữu nhĩ, tạo hóa công bình, đó là một gương quả báo nhĩn tiền để mà răn người bạo ngược. Còn như cây gươm này vì làm sao mà

ngày nay về tay tráng-sĩ ?”

Tên kia nói : “Khi vua Vĩnh-Lịch bị Ngô-tam-Quế giết rồi, thì các tướng tâm-phúc của vua đều phân phân tứ tán, tốp thì chạy qua Xiêm mà trú ngụ, tốp thì chạy qua nước Nam ta mà tiềm tàng. Lúc ấy có một Tướng-quân tên là Lý-Tuồng, gặp ông cố tôi làm Tổng-binh tại Bắc-giang, bèn cho cây gươm này để làm kỷ-niệm : Vì vậy gươm này của Tổ-phụ lưu truyền qua tới tôi đây đã 4 đời rồi, nay rủi tôi gặp cơn gia biến, thảm thay ! bị chữ sàng đầu kim tận, làm cho tráng-sĩ vô nhan, tôi đã hết thế lo toan, nên bất đắc dĩ phải đem gươm ra bán.”

Đông-Sơ nghe nói rồi liền thò tay vào túi, lấy ra 50 lượng bạc, hai tay đưa cho tên kia mà rằng : “Tráng-sĩ ôi ! trong lúc gặp gỡ thành-linh, vậy tôi xin tráng-sĩ nhậm lấy của mọn này mà tống táng tử-nương. Còn gươm này thì xin tráng-sĩ giữ lấy mà làm dấu tích của Tổ-phụ lưu truyền, và như tráng-sĩ bằng lòng, thì tôi xin kết làm bằng-hữu.”

Triệu-Dồng (tên bán gươm) thấy Đông-Sơ thật một người khoan nhơn bác ái, hào hiệp trượng phu, thì vói tay lấy 50 lượng bạc, rồi rưng rưng nước mắt mà đáp rằng : “Quới khách ôi ! nay quới khách trao cái của này mà giúp cho kẻ hàn vi hạ sĩ trong cơn thắt ngặt cùng đồ, thì tôi biết lấy chi mà báo đáp ơn sâu, ví tày sông biển ; vậy tôi đứng giữa trời cao đất rộng này, xin nguyện một lời rằng : nghĩa ấy tôi tạc dạ ghi xương, ngày sau sẽ đền ơn tri ngộ.”

Đông-Sơ nói : “Sự ấy là lẽ tự nhiên của người ở thế-gian này, phải giúp nhau trong cơn hiểm nguy thắt ngặt, nếu thấy sự lâm nguy ngộ biến, mà tọa thị bàng quan, làm mặt lấp tai ngơ, chẳng biết thi ân trọng nghĩa mà giúp đỡ anh em, thương yêu nòi giống, thì người ấy có ích chi cho nước non xã hội.” Nói rồi hai người gá nghĩa anh em kết tình bằng hữu. Triệu-Dồng nhỏ hơn Đông-Sơ một tuổi nên kêu Đông-Sơ bằng anh.

Lúc đó anh em bịn rịn nhau một hồi, rồi mới phân tay từ biệt, kẻ về Hà-

đông lo cất táng mẫu thân, người lại Đông-kinh đặt kiếm nhà thuê ngụ.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Ba

Khi Đông-Sơ đi tới một xóm kia ở cách kinh thành chừng ít dặm, thì thấy một cái nhà, chung quanh có vườn cây mát mẻ, phòng buồng khoảng khoát, bàn ghế sẵn sàng, thì mượn nhà ấy ở và mượn một tên thơ-dồng để khi quạt nước pha trà, cho có người sớm khuya hủ hỉ. Đó rồi tháng ngày thơ thẩn, chỉ lo bạn với sách đèn, có rảnh việc dư công, lại tập rèn võ nghệ.

Thiều quang thấm thoát, mấy phen thoả lặn ác tà, cúc muện sen tàn, lẫn bản tính gần sáu tháng. Xảy nghe kinh thành đăng bảng, tới kỳ mở hội thu-vi. Nào là văn-sĩ, nào là võ-sanh, người quần trắng, kẻ áo xanh, náo nức chờ ngày hội thí.

Khi Đông-Sơ đương đứng trước cửa xảy thấy một người ngoài ngõ bước vô, xem tướng diện cũng một khách sĩ hạnh nho phong, dung nghi tề chỉnh. Khi bước vô tới cửa thì chào Đông-Sơ rồi nói rằng :

“Tôi là khách tha hương mới đến, lỡ bước tới đây muốn kiếm nhà tá túc một đêm, đợi chờ mai sẽ vào trường ứng thí, xin quới-quan có biết nhà nào trống chủ, xin chỉ làm ơn, đợi ở đỡ ít ngày thì tôi hết lòng cảm tạ.”

Đông-Sơ nói :

"Tôi cũng người xứ lạ, mới mượn đặt nhà này, nhưng có một cái phòng mà thôi, e quới-khách không tiện bề trú ngụ. Vậy để tôi hỏi lại thơ-dồng coi nó có biết nhà nào chỉ dùm cho quới khách."

Tên thơ-dồng nghe nói, liền lật đật chạy ra và nói :

“Có, có, gần đây có một nhà vắng chủ, bỏ trống mấy tháng nay, nhưng mà không ai dám ở.”

Đông-Sơ nghe nói lấy làm lạ, day lại hỏi rằng :

“Sao mà không ai dám ở ?”

Thơ-dồng nói : “Nhà đó có một con ma 4 cẳng dữ lắm.”

Tên khách kia nói :

“Mà mi chắc có ma không ?”

"Thưa chắc, vì tháng trước đây có một tên lái buôn phương xa tới mướn, nửa đêm con ma ấy hiện ra làm cho tên lái buôn hoảng kinh, tông cửa mà chạy, cách ít lâu có tên khách Quảng-dông tới ở, rồi cũng nửa đêm xách gói chạy la. Hỏi y thì y nói nhà có quỷ ma, nên không dám ở.”

Đông-Sơ nghe nói đứng sững chưa kịp buông lời, thì tên kia chồm chồm miệng cười rồi vỗ vai thơ-dồng mà nói : “Mình là một loại người có khí phách tinh thần, có thịt xương gan ruột, lẽ đâu sợ một giống không máu mủ thịt xương, sợ cái bóng dáng phưởng phất trong cũi u-u minh-minh, vô hình vô dạng, không hề gì đâu. Người ta nghe nói ma thì sợ, chớ tôi trông gặp nó đặng coi nó làm thế nào cho biết, có can gì mà ngại.”

Thơ-dồng nghe nói thì le lưỡi như răn lục.

Tên khách ấy day lại nói với Đông-Sơ rằng :

“Cũng một dịp may mắn cho tôi đặng ở gần gũi với quới-quan cho tiện bề tới lui đàm đạo.” Nói rồi mượn tên thơ-dồng dắt qua coi nhà, đặng mướn mà ở.

Đông-Sơ lật đật biểu thơ-dồng dắt đi và mỉm cười mà nói với tên khách

ấy rằng :

“Tôi ước ao cho quới-hữu đến ở cho bình yên vô sự, và xin quới-hữu có rảnh ngày giờ, thì đến đàm đạo cùng tôi chơi cho giải muộn.”

Nói rồi tên khách ấy cúi đầu từ giã Đông-Sơ và đi với thơ-đồng một lượt.

Nguyên tên khách này là Trần-Đạt, quê ở Sơn-tây, đã có thi đỗ một khoa Tú-tài rồi, nay đến kinh thành đăng tính vào hội thí.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Tư

Gương ô thắm thoát, trời đã xế chiều, ngọn kim phong phường phất gió hiu hiu, như dục khách thừa lương ngoạn cảnh.

Đông-Sơ mới sửa sang xiêm áo rồi đi dạo xem cảnh vật sơn xuyên, chợt thấy bên mái Tây-hiên đồ sộ một tòa thành quách, bèn lần lần đi tới, thì rõ ràng một cảnh hoa-viên, chỗ thì liễu dựng tầng cao, chỗ lại cây khoe bóng mát. Kìa, dòng dảnh mấy nhành dương xao xác, nhún tới đưa lui, dường như nó thấy khách tha hương, mà múa men mừng rỡ. Nọ, lẳng lú mấy con hoàng anh thỏ thẻ, nó đáp lại bay qua, dường như thấy khách phương xa, nhảy ra mà chào hỏi.

Đó rồi ngó lại phía sau, thấy một vòng thành rộng rãi, nguồn suối bọc quanh, dòng nước trong xanh, nó chảy nghe rí rả. Thật là, một cảnh tình thanh lịch, xem đường cửa động đào nguyên. Ngoài thì có vách phấn tường vôi, xây bọc một vòng viện-lạc.

Đông-Sơ dừng chơn đứng ngó một hồi, thấy phía trước xa xa, có một tòa nhà rất nguy nga đẹp đẽ, rồi đi sang phía tả, thì thấy một hòn giả sơn chón chờ, ở giữa hồ sen, gập đá do de, nước khe trong veo. Thật là :

Hoa cỏ mĩ mai vườn Thượng-uyển,

Nước non mường tượng cảnh Bồng-lai.

Gần đó có một tòa miếu nhỏ nhỏ, ở dựa mé tường, trước có trồng một bụi hải-đường, với vài đoá phù-dung, nó đương sánh sắc so tài, mà khoe màu rực

rõ. Đông-Sơ bèn mon men bước tới, thấy có một tấm biển sơn đen, đề ba chữ “Quan-âm-các” rõ ràng, nét vàng chói ra rành rạnh.

Trong lúc đương đứng xem hoa nhấm cảnh, phút đà nhụt dĩ trầm tây, kế trống đèn quân hơi vắng vắng mái đông thành, tiếng khoan nhặt đã nghe thùng thùng rắc rắc, cái tiếng ấy nó thình thoảng bên tai, dường như kêu khách du phương mà thôi thúc rằng : “Trăng đà lộ bóng, trời đã tối rồi, sao chưa vội trở gót hài, mà còn ngẩn ngơ ở đó ?” Nhưng mà Đông-Sơ mải mê theo cái cảnh kỳ hoa dị thảo, thình lịch u nhàn này mà đứng sững trơ trơ, dựa nơi góc tường kia, như tưởng ai đem hồ keo mà dán vào đó vậy.

Lúc ấy trăng thu tỏ rõ, bóng dọi tường thành, Đông-Sơ ngó quanh thấy một cái cửa nhỏ, thì xô cửa bước vô, rồi đi lần tới Quan-âm-các, đương đứng nhấm trước xem sau, bỗng thấy một vị Tiểu-thơ ở trong tòa nhà lầu phía trên bước ra, rồi xầm xầm đi tới, và có một đứa thể-nữ bưng hương đăng trà quả theo sau. Đông-Sơ vội vã ẩn theo bóng cây, rồi bước vào bụi phù-dung mà núp.

Khi cô ấy và thể-nữ đi thẳng tới Quan-âm-các, mở cửa bước vô. Đông-Sơ lén lén bước theo, thì thấy thể-nữ sửa soạn thắp hương, còn Tiểu-thơ thì đứng trước tòa Quan-âm, khăn vái lâm thâm rồi nghiêng mình cúi lạy.

Cơn ấy đèn khêu tỏ rõ, trăng dọi sáng lò, thì rõ ràng là một người tuyệt sắc giai nhon, mình mặc một vóc áo cấm-nhung, đầu dặt một vành trâm kim tước, tay đeo chiếc vòng kim-xuyến nhận ngọc kim cang, cổ mang sợi chiềng liên-hoàn ; xen hàng cấm thạch. Tóc mây dợn trán, dường như tiên-nữ xuống phàm gian, má phấn ửng hồng, miệng tượng phù dung khoe sắc lịch, dung nghi yếu điệu, cốt cách dịu dàng. Đẹp thay một vẻ hồng nhan, đáng mặt hương trời sắc nước, thật là:

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà.

Phong-nghi sẵn đúc một tòa thiên nhiên.

Khi Đông-Sơ đương núp dựa vách mà coi, thì thấy phía bên kia, có một bóng đen đương leo qua vách tường nhảy vô, rồi lại đứng trước Quan-âm-các, tay cầm một ngọn đoản đao, mặt mày dữ tợn, mắt ngó lườm lườm Tiểu-thơ.

Đông-Sơ biết là một đứa hung-đồ chẳng phải người lương-thiện. Kể đó Tiểu-thơ trong các bước ra, thẳng cường-bạo kia nhảy xốc lại, dơ dao vừa muốn đâm Tiểu-thơ thì Đông-Sơ đã nhảy tới lẹ như nháy mắt, gạt cánh tay thẳng ấy một cái rất mạnh làm cho cây đoản đao kia văng lên trên không, rồi rớt xuống mé thềm tiếng nghe cang cang.

Thằng khốn ấy bị Đông-Sơ đánh bồi thêm một cái nữa té nhào xuống đất, nằm bất tỉnh. Lúc đó Tiểu-thơ và thể-nữ hoảng kinh, chạy trở vào đứng nấp trong miếu.

Đông-Sơ lật đặt lượm cây đao lên cầm nơi tay rồi, bước vô cúi đầu chào Tiểu-thơ và nói cách lễ nghi tề chỉnh rằng : “Xin cô chớ sợ, cây dao của tên khốn nạn này đã vào tay tôi đây, không sao phòng ngại.”

Tiểu-thơ nghe nói thì đã hồi tâm định tĩnh, rồi chậm rãi bước ra, thì thấy thằng ấy đã tỉnh hồn, và lồm cồm ngồi dậy.

Đông-Sơ bèn nói với Tiểu-thơ rằng : “Xin cô hãy bước ra hỏi nó vì có lẽ nào dám vào đây làm đều ám hại như vậy.”

Song sự dữ tợn thành-linh ấy đã làm cho Tiểu-thơ kinh tâm táng đờm, mà ngơ ngẩn sững sờ. Nhưng Tiểu-thơ tuy là phận quần xoa bồ liễu, song cũng có chí khí liệt-nữ thuyền quyên, nên đối sợ làm thường, đối kinh làm tĩnh, rồi bước tới cách dạn dĩ nghiêm trang, mà hỏi rằng :

“Ở tên khốn nạn kia, ta vẫn là người khuê môn bất xuất, ở nơi tử các hồng

lâu, ta chẳng hề làm đều chi khắc bạc hành hà, cũng chẳng hề làm một đều chi gây thù kết hận, cũng chẳng làm đều chi mịch lòng đến người và xúc phạm đến ai hết cả, sao mi chẳng biết lấy sự lễ nghi khuôn phép, mà đối đãi với một bậc thực-nữ thuyền-quyên, mi lại mua chác những sự tàn bạo hung hăng, mà bán lương tâm cho ma quỷ ? Mi chẳng kiêng pháp luật, chẳng kể ngục hình, và dám đến đây thành-linh, mà làm đều ám hại như thế ?”

Tên kia nghe hỏi thì lồm cồm đứng rồi nói : “Tôi là một đứa nghèo khổ cơ hàn, ăn chẳng bữa nào no, mặc không bữa nào ấm, lấy đình miếu làm nhà, lấy đất gạch làm chiếu, lấy rừng bụi làm xóm riêng, lấy rau cỏ trái cây làm cơm gạo. Cái sự đói khát ấy làm cho tôi hết biết lễ nghi pháp luật, hết biết liêm sỉ phải chăng ; nó làm tôi giận đất ghét trời, ghét tạo hóa chẳng công bình, để cho kẻ giàu có kia cửa tía lầu son, để cho kẻ hào hộ kia của tiền dư giả, miếng ngon ăn chẳng hết, gấm nhiều mặc ê-hề, cho đến cổ, chuỗi tay vòng, bông xoàn xuyên ngọc; còn kẻ thì bụng đói xệp ve như chần hiu, cơm chẳng đủ ăn, làm cho máu hết thịt tiêu, sườn lòi mắt lộ như khu chén ; làm cho hết biết sự vui sướng trong cõi nhơn gian, hết biết sự sống của người dương thế. Sự đói khát khốn nạn này nó dục tôi đêm nay đến đây mà giết cô, giết cô đặng lấy của dư dả nó nhong nhánh ràng buộc nơi cánh tay cô ; đặng đem về mà đỡ đói ít ngày, rồi chết cũng cam tâm với thẳng tạo hóa.”

Tiểu-thơ nghe tên ấy nói bấy nhiêu lời, thì nét mặt có sắc thâm sầu, và thở ra một cái, rồi làm thỉnh chẳng nói. Đông-Sơ thấy vậy thì bước tới kêu tên ấy mà nói rằng : “Ớ tên kia, mi nói rằng mi oán trách Tạo-hóa chẳng công bình, để cho mi đói khát cơ hàn, nên mi phải giết người mà lấy của phải chăng ? Song những điều mi thán oán này giờ, không hề làm cho động lòng một ai mà thương xót mi đặng. Vì những lời mi thán oán đó là lời của một đứa táng tận lương tâm ; của một đứa điên cuồng đại dột, vì cái lương tâm và linh hồn mi nay đã bị một con quỷ tàn bạo nó hãm hiếp buộc ràng, nó bị sử sai khiến mi làm những điều nhẩn tâm hại lý, khốn nạn dữ dằn, nên mi đem gươm đao mà làm một trò chơi với màu men xác thịt của người vô can ; mà mi không ăn

năn hồi ngộ.

Ta nói cho mi biết, những sự giàu có của cái kia, là bởi trong cái giọt nước mờ hôi mà nhả ra, ở trong trí não tài năng của người, tính lo cực khổ mới có đặng. Nào có phải cái của cái ấy Tạo-hóa đem đến mà cho riêng một người nào đâu ? Sao mi gọi rằng Tạo-hóa chẳng công bình mà hờn trời giận đất ?

Vả lại mọi người trên thế-gian này, đều có quyền tự-do thông thả, mà hưởng dùng sự phú quý tiền tài của mình, chẳng hề một ai đặng dòm hành xúc phạm. Nếu lấy những điều tàn bạo hung gian mà xúc phạm cướp đoạt của người, thì phép luật kia sẽ can dự vào, ngục hình kia nó ở trước mắt, gươm đao kia, nó kề bên cổ, trăn trói kia nó ở nơi chơn tay, cái địa ngục kia ở sờ sờ nơi cõi nhơn-gian, nào phải nơi miền địa-phủ.

Mi hãy chống con mắt cho lớn lao mà coi, những đứa đoạt tài hại mạng người ta, không bao giờ khỏi vào nơi cái địa-ngục ở thế-gian này đặng.

Nhưng ta tưởng cặp mắt của mi, ngày nay đã bị con quỷ tàn-bạo kia nó che lấp, dầu có mắt cũng như đui, có xác mà không hồn là người bây giờ đó !

Ở tên cường-bạo kia ôi ! ta ứa nước mắt mà khóc giùm cho cái linh hồn mi đã chết rồi, cái xác thịt tuy còn chạy chạy đi đi trong cõi thế-gian này, song cái lương-tâm của mi đã mất, duy còn một hơi thoi-thóp đó mà thôi. Nếu mi chẳng biết cái ác tàng lương, khử tà qui chánh, thì cây đao phép luật nó sẽ kề nơi cổ mi, mà làm cho mi đầu một nơi mình một ngả.

Ở tên khốn nạn kia ôi ! nhưng ta chẳng nỡ để cho mi mang những điều lỗi lầm tội ác ấy, vậy ta khuyên người phải sử dụng cái tấm thân mi lên mà mạnh mẽ, kêu rủ mấy cái gân cốt huyết mạch mi, kêu rủ cái gan đảm tinh thần của mi, đặng xúm lại mà xua đuổi con quỷ tàn-bạo kia, nó ở trong trái tim mi, nó đã cám dỗ xui dục mi bấy lâu nay, làm cho mi ra một đứa ác nhơn, nửa sống nửa chết. Cái nghề leo tường khoét vách, cái nghề đón ngả chặn đường ấy có

tốt lành chi, mà mi đeo đuổi tập luyện.

Ở tên kia ôi ! Vậy ta xin khuyên người một lời chót này nữa : là người hãy mau mau cải ác tùng lương, khử tà qui chánh, đừng lo mà làm ăn công nghệ, lo mà buôn bán sanh nhai, lo giúp đỡ đồng-bào mà cạnh tranh quyền lợi ; làm sao cho ra một người ích nước lợi nhà, mà đứng đọt với võ-trụ san hà, cho khỏi mang tiếng nhục như nòi giống.”

Tên kia gục đầu nghe biện chiết một hồi, rất rõ ràng sách hoạch, dường như cái lưỡi Đông-Sơ đã thành ra một ngọn đao bén kia, đem mà châm chích trong gan ruột tâm thần rất đau đớn, nhức nhối hơn là đao thiệt kia đâm vào xác thịt. Những lời ấy rồn-rồn rảng-rảng ở trong chót lưỡi Đông-Sơ tuôn ra như một ngọn thủy-triều kia nó đương cuộn cuộn chảy tới, làm cho tên ấy phải thành lòng kính phục, rồi ngược mặt ngó lại Đông-Sơ mà đáp rằng : “Những lời Quan-nhơn phân trần răn bảo tôi đó, ví như tôi đương mê mẩn trong một giấc ngủ kia, bỗng nhiên nghe một tiếng sấm sét nổ bên tai, làm cho tôi dứt mình mà kinh tỉnh, và như một ánh sáng kia dội vào hang kín, làm cho bao nhiêu những sự tối tăm mờ mịt đều tan mất, mà ngó thấy một cảnh thanh thiên ; một gương bạch nhật, hiển hiện ra trước mắt.

Bấy lâu tôi cũng như một đứa mắc chứng mê tâm, nay gặp nhằm thuốc hay uống vào, làm cho tôi tâm thần đều trở ra sáng kiện. Nếu tôi không gặp Quan-nhơn ngày nay, thì tôi tưởng từ đây sắp sau, tôi sẽ còn mang nhiều điều tội lỗi.

Vậy tôi xin thệ một lời giữa đây : tôi sẽ cải ác tùng lương, khử tà qui chánh.”

Tiểu-thơ thấy tên ấy đã hồi tâm tỉnh ngộ, thì bước ra nói rằng : “Ở tên kia ! nay mi đã ăn năn tội lỗi của mi mà cải quá tự tân, thì ta cũng rộng lòng dung thứ. Vậy ta khuyên mi phải nhớ những lời của Quan-nhơn đây, cũng như một kinh sám hối, để mà siêu độ cái linh hồn mi cho khỏi vòng tội lỗi. Và mi phải

nhớ rằng : cái đao mi đem tới mà ám hại ta ngày nay đây, nếu mi không chừa cái nghiệp tàn-bạo ấy đi, thì ngày kia nó sẽ trở lại mà giết mi một cách rất ghê gớm.” Nói rồi thò tay vào áo lấy ra 10 lượng bạc trao cho tên ấy mà dặn rằng : “Mi hãy lấy bạc này về lo làm ăn đặng mà nuôi dưỡng cái linh-hồn mi cho ra một người tánh tính lương thiện.”

Tên kia thò tay lấy bạc rồi cúi đầu cảm ơn mà đi. Đó rồi Tiểu-thơ day lại nói với Đông-Sơ rằng : “Quan-nhơn ngày nay cứu tôi khỏi tay cường-bạo ấy, thì ơn đó tôi sẽ tạc dạ ghi xương, dầu ngàn năm cũng không quên ơn tri-ngộ, và nếu Quan-nhơn vui lòng, thì cho tôi biết quý danh và quý xứ.”

Đông-Sơ nghe nói thì phới phở mừng thầm, liền lấy cái danh-thiếp của mình ra trao cho Tiểu-thơ và nói : “Nếu Tiểu-thơ có lòng hạ cố thì tôi xin gạn hỏi một lời...” nói tới đây thì kể một con thể-nữ ngoài cửa bước vô, chạy lại thưa với Tiểu-thơ rằng : “Ông đòi cô vào dạy chuyện.”

Tiểu-thơ nghe cha là Binh-bộ Thượng-thơ đòi, liền từ-giã Đông-Sơ rồi lật đật đi cùng thể-nữ. Còn Đông-Sơ thì ghé mắt ngó theo một hồi rồi cũng vội vã bước ra. Bỗng thấy một cái khăn lụa rút dựa mé thềm, liền lượm lên xem ; thấy trong khăn có thêu một nhánh bông mẫu-đơn rất tốt, một bên chéo khăn lại thêu 3 chữ “Bạch-thu-Hà” hãy còn thoang thoảng hương trầm, mùi thơm phát mũi. Đông-Sơ biết là khăn của Tiểu-thơ, liền bỏ vào túi rồi trở về thơ-viện.

Khi Đông-Sơ trở về đến nhà, lấy khăn ra xem, sâm soi và hun hít cái mùi hương trầm hãy còn thơm tho phương phất.

Đoạn một mình ngồi với ngọn đèn leo lét trong thơ-phòng mà thầm thương trộm nghĩ rằng : thật cái buổi chiều nay là một buổi rất may mắn kỳ phùng, khiến cho mình đặng thi ơn mọn với Tiểu-thơ, mà làm cho Tiểu-thơ mang ơn chắc nghĩa và làm cho mình đặng dịp mà nhìn xem cái vẻ sắc nước hương trời của một người giai nhơn thực-nữ, và cái khăn này thể cũng một

mai mỗi chi cho mình chẳng ? Nếu chẳng vậy, thì dễ đâu thỉnh không mà lượm đặng cái vật của người trong khuê các ? Thế thì cũng là một cái nhờn duyên chi đây, nên mới khiến cho mình gặp đều kỳ ngộ như vậy ! Nhưng mà, không biết Tiểu-thơ người có rõ thấu những điều tâm sự của mình đây chẳng, nàng có biết cho mình trong lúc canh khuya đêm vắng, ngồi với một ngọn đèn leo lét mà tư tư tưởng tưởng đó chẳng ?

Ở cái khăn kia ôi ! mi phải là một mai nhờn nguyệt lão, để kết chỉ xe tơ mà dệt một mối ân tình của người hồng-nhan với kiệt-sĩ đó chẳng ?

Ở cái bông mẫu-đơn trong khăn này ôi ! có phải mi khoe cái vóc thiên-hương đẹp dễ, mà trêu ngươi cho kẻ mến người thương đó chẳng ? Hay là mi khoe cái màu quốc sắc tốt tươi, mà làm cho người mê kẻ đắm đó chẳng ?

Đông-Sơ những mảng thăm thương trộm nhớ mà trần trọc canh tràng, rồi dựa gối mơ màng, thì lần bỗng đã canh tàn đêm lụn.

Kế đó thơ-đồng bước vô kêu rằng : “Thưa Quan-nhơn, trời đã gần sáng, xin Quan-nhơn tỉnh giấc đặng sắm sửa vào trường.

Đông-Sơ thức dậy sắm sửa áo khăn, và trà nước xong rồi, liền đi vào trường ứng thí.

(Nguyên khoa này là khoa tuyển một Tấn-sĩ, nên phải văn võ toàn tài, thì mới đặng vào ứng thí, một bữa khảo thí trường văn, một bữa khảo thí trường võ. Vì vậy nên Đông-Sơ phải vào trường văn trước rồi mai sẽ qua diễn-trường thí võ).

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Năm

Khi Đông-Sơ nấp vở trường văn rồi về nhà thì trời đã tối. Cơm nước vừa xong, kể Tú-tài Trần-Đạt đến viếng. Hai người liền dắt tay ra nhà sau chuyện trò đàm đạo.

Trần-Đạt nói : “Hôm nay anh đã vào văn trường rồi, vậy chẳng biết anh có tính vào diễn-trường mà thí võ chẳng ?”

Đông-Sơ nói : “Hội công danh ai ai cũng muốn, lẽ đâu tôi dám bỏ qua, còn quới-hữu tính lẽ nào, xin nói cho tôi biết với.”

Trần-Đạt nói : “Tôi văn tài còn sơ siển, sức khó tranh đua, khoa này tôi chịu nhịn thua, để khoa khác sẽ ra ứng thí, cũng chẳng muộn.”

Đông Sơ nói : “Hôm nay quới-hữu có đều chi lạ chẳng ? Xin nói cho tôi biết với ?”

Trần-Đạt nói : “Không chi lạ hơn là con ma bốn cẳng.”

Đông-Sơ nghe nói thì ngó Trần-Đạt và lấy làm lạ rồi hỏi : “Mà quả thật có ma sao ?”

- Quả thật như lời thề thơ-dồng của anh nó nói với tôi hôm nọ.

- Mà con ma ấy làm sao ? Xin quới-hữu thuật lại cho tôi nghe thử ?

Trần-Đạt nói : “Đêm hôm qua khi tôi đi ngủ, tôi có để một cây gương trên đầu giường, rồi tắt đèn lại nằm, và lóng nghe cho tới canh tư, song tôi không

một chi lạ hết, tôi mới nghĩ thầm rằng : Đó là chuyện huyền hoặc, người ta đặt đều đặn nhát mình chơi vậy thôi, chứ ma đâu có. Đó rồi tôi ngủ cho tới sáng, qua đêm sau tôi cũng còn hồ nghi, nên khi vô buồng đi ngủ cũng có để cây gươm trên đầu giường, rồi nằm lắng lắng làm thình, mở mắt lóng tai mà nghe coi có chi lạ không. Xảy nghe trống trở canh ba, mà không thấy chi hết, hai con mắt đã sập mí mơ màng, bỗng nghe một cái sạt trên rường nhà, tôi dứt mình mở mắt trao tráo và ngóc đầu dậy lắng nghe cho rõ. Kế nghe một cái rẹt nữa, nghe rõ thì là dơi đáp muỗi nó bay, đó rồi tôi cũng nằm lắng lắng làm thình một hồi lâu, thoát nghe bên vách kia có tiếng rọc rạch, té ra rõ lại thì chuột chạy dơi bay, mà nó làm cho tôi hồ nghi không ngủ được.

Đó tôi nằm lại một hồi mới vừa thiu thiu, thoát nghe tiếng cục kịch nơi cửa buồng, tôi lật đặt ngóc cổ dậy dòm, thì thấy một bóng đen thui, thấp thoáng qua cửa, tôi nói thầm rằng phen này chắc nó. Kế đó cái bàn nhỏ trên đầu giường tôi thình không ngã xuống ; thì tôi thấy bóng con quái ấy xốc lại dường như muốn chụp tôi, tức thì tôi nhảy xuống giường rồi hươi gươm chém xuống một cái rất mạnh, làm cho cây gươm lút vào trong vách, thì thấy con quái ấy tràn qua phía đường tôi, rồi mất.

Tôi liền nhảy lại chặn ngang cửa buồng, một tay nắm cánh cửa, một tay cầm gươm mà thủ, sợ con quái ấy thoát ra. Đó tôi la lên : Bớ người ta, ma, ma, xin đến tiếp cứu.

Mấy người ở gần nghe la thì chạy lại, kẻ cầm hèo người xách gậy, đứng lấp ló nơi cửa, mà chẳng dám vô. Tôi lại la lên rằng : Tôi đã chặn được nó đây, hãy đem đèn vô, cho kíp.

Mấy người liền đem đèn vô, rồi hỏi : Nó đâu, nó đâu ? Tôi nói : Nó đây, nó đây. Họ bèn đem đèn lại rọi vào buồng, thì không thấy chi hết. Tôi nổi nóng nhảy lại lấy đèn rọi dưới giường, cũng chẳng thấy chi. Tôi bèn rọi dựa cái tủ để nơi dưới góc giường

Thì thấy một đồng đen thui, hai mắt ngó lườm lườm, hơi thở khò khè, nhả răng trắng nhè. Tôi liền la lên, nó đây, nó đây, mấy người đem đèn rọi coi, thì thấy rõ ràng một con chó mực đương ngồi xo ro. Ai nấy ngó nhau chừng hửng, rồi cười ngất một hồi. Còn tôi thì bị thức trọn hai đêm, mắt đỏ hào-quang, nghĩ cũng tức cười, mà cười không ra tiếng.”

(Vậy tôi xin phê dưới đây ít hàng cho khán quan xem chơi giải muộn).

Quái thay !

Khi đương tối tăm sớ sết, thì tưởng chó là ma ; chừng xem tường tận rõ ràng, mới biết ma là chó.

Khảng khái bấy tên Tú-tài hươu quyền mà dụng võ ; giận đổ thần hung.

Tội nghiệp thay con chó mực, bị đánh đã kinh hồn, sợ ngồi cú rữ.

Té ra trót đêm chẳng ngủ, anh Tú kia khùng khỉnh nghĩ cười thâm.

Ôi thôi ! Nhảm thế không xong, con chó nọ nguýt đuôi rồi khự mất.

Trần-Đạt nói rồi ngược mặt cười hà hà, Đông-Sơ thấy vậy cũng tức cười nôn ruột. Đó rồi hai người dắt nhau ra trước thơ-phòng. Đông-Sơ liếc mắt bỗng thấy một cái thơ, để trên bàn và một ngọn dao cắm lủng ngang phong thơ, lút tuốt xuống ván, thì sững sờ và lấy làm một sự quái gở. Liền bước lại xem phong thơ ấy, thấy ngoài bao đề “Võ-đông-Sơ khai khán” tức thì lấy thơ xé ra coi, coi rồi sắc mặt liền đổi.

Trần-Đạt thấy vậy bước lại và hỏi : “Chẳng biết thơ ấy có sự chi lạ chẳng, mà sao tôi xem anh dường như có sắc kinh nghi tràn ra nét mặt ?”

Đông-Sơ thấy hỏi thì trao thơ ấy cho Trần-Đạt xem, trong thơ nói như vầy :

“Võ-đông-Sơ, ta nói cho người biết rằng : khoa Tấ-Sĩ này người phải nhượng lại cho ta, thì ta chẳng những cảm ơn, mà lại còn trọng đáp. Bằng không, thì trước khi tới diễn-trường, người sẽ như cái thơ với cây đao này vậy. Chừng ấy ta e cho người ăn năn đã muộn.

Ký tên : Tây-Thôn Võ-Sĩ

Xem thơ rồi hai người ngó nhau sững sờ, dường như sấm nổ vang tai, đất bằng dậy sóng.

Trần-Đạt hỏi : “Vậy mà trong ý anh có biết chắc ai gởi thơ này không ?”

Đông-Sơ nói : “Tôi chẳng quen với ai, và cũng chẳng biết ai hết, song theo ý tôi tưởng, cái thơ này là như một cái hình giả kia, để nhát chim sẻ sẻ đó thôi. Còn tôi thì chẳng hề nhượng khoa này cho ai cả, thà tới diễn-trường, tranh tài đấu lực, chừng đó đắc thất sẽ hay, lẽ đâu vì một lá thơ này, mà làm cho lòng công danh bằng lảng.”

Trần-Đạt nói : “Song anh cũng phải cẩn thận đề phòng những điều bất trắc.”

Đông-Sơ gật đầu và nói : “Phải, nhưng cái thơ rơi đó là một sự dọa dẫm của kẻ tiểu nhơn, chớ chẳng phải người anh-hùng khí phách, xin quới-hữu chớ nhọc lòng nghi ngại.” Đó rồi Trần-Đạt từ giã trở về ; Đông-Sơ vào phòng còn nằm suy nghĩ, xảy nghe ngoài cửa có tiếng cục kịch, kể nghe một tiếng dường như vật chi rớt xuống đất vậy.

Đông-Sơ lật đật đem đèn ra coi, thì thấy một phong thơ rớt nằm dựa cửa, liền bước lại lượm lên rồi dỡ ra coi thì thấy trong thơ nói như vậy :

“Kính vài lời cùng Quan-nhơn rõ : trước khi ra diễn-tràng, đi ngang qua một cây đại thọ dựa ngã ba đường, thì xin phải đề phòng cẩn thận, vì chỗ đó sẽ có người tàng ẩn mà ám hại Quan-nhơn, chẳng nên sơ thất mà mang họa.

Nay kính

Thơ này không ký tên ai hết.”

Đông-Sơ xem rồi nghĩ nghĩ trong trí một hồi mà cũng không hiểu thơ ấy của ai, thật là một điều rất lạ, rồi tầm tư tự nghĩ rằng : Lạ thay ! như cái thơ trước là thơ hăm dọa người nên không ký tên cũng phải, chí như thơ này là thơ ơn, song chẳng rõ có nào mà không ký tên, cũng một điều rất quái. Hai cái thơ ấy làm cho Đông-Sơ, trót đêm bồi rồi trí khôn, đứng nghĩ ngồi suy, nằm chẳng an nơi, ngủ không ngon giấc.

Bỗng nghe Đông-thành vắng vắng trống đã sang tư, gương tỏ bóng tà, inh ỏi canh gà dục thúc. Đông-Sơ bèn thức dậy trà nước rồi tắm rửa y cân, thì thơ-đồng đã thẳng ngựa gác yên, đứng chờ trước ngõ. Đông-Sơ nai nịt xong rồi, bèn giục ngựa lên đường, nhắm diển-trường thẳng tới. Còn thơ-đồng và Trần-Đạt cũng thỉnh thoảng nối gót theo sau.

Khi Đông-Sơ đi đặng một đôi, gần tới ngã ba, liếc thấy phía trước xa xa có một tàng đại-thọ rất lớn, thì nhớ trong cái thơ sau có dặn rằng hễ tới đây thì phải đề phòng cẩn thận. Vì vậy nên Đông-Sơ rút gươm cầm nơi tay, rồi dục ngựa chạy mau, còn mắt thì nhắm trước xem sau, thấy hai bên đường bụi cao bụi thấp, trong lúc bóng trăng nhấp nháng, cây cỏ lơ mờ ; dậm quan san bươn bả bước anh-hùng, cương tuấn mã xông pha đường lữ khách. Kế đó thành-linh bỗng nghe một cái rẹt, thì thấy trước mặt đã xẹt ra một mũi tên, phăng phăng thẳng tới. Đông-Sơ liền né qua, thì mũi tên ấy bay xốt bên tai, rồi đi tuốt. Tên nọ vừa qua, kế một mũi tên nữa bay tới. Đông-Sơ liền lấy gươm gạt một cái, tên ấy rớt ngay xuống đất. Đó rồi Đông-Sơ quất ngựa chạy tuốt ra diển-trường. Chạy đặng một đôi xa xa, thì trời đã rạng đông, ác vừa lộ bóng.

Đông-Sơ liền gò cương dừng ngựa, rảo mắt ngó quanh. Bỗng thấy bên thành, cỏ cây lúp xúp, người ngựa lao xao, chính giữa có một đài cao trước

mái cặm một cây long-kỳ gió bay phưởng phất, hai bên giáo gươm la liệt, quân-ngũ sắp hàng, ấy là một chỗ diễn-trường, xem rất nghiêm trang tề chỉnh. Kế nghe trống chiêng inh ỏi, gióng đủ ba hồi, thì thấy ba vị đại-thần, cỡi ngựa bước ra, rồi lên diễn-trường mà ngồi, xem rất oai-nghi lắm liệt, đó là ba vị giám-khảo. Còn chung quanh diễn-trường, nào là nho-sĩ, nào là võ-sanh, kẻ ở thị-thành, người trong thôn-lý, dắt nhau náo nức đến xem, đứng đã chật đường, đông dường nhóm chợ.

Xảy thấy phía Nam thoát ra một người cỡi ngựa Hồng-lô, tướng mạo khôi ngô, y cân tề chỉnh, dục ngựa thẳng ra trước diễn-trường, rồi một tay gò cương, một tay chống nạnh, đứng cách kiêu hãnh nghiêm trang, rồi rảo lại đi qua, xem rất xuê xang oai võ.

(Liệt vị khán-quan xem tới đây thế cũng ẩm ức trông mong, mà coi người cỡi ngựa Hồng-lô này là ai cho biết. Nhưng mà người này chẳng lạ, vốn tôi đã nói ló một sự tích xáng qua trong khoản trước đây, song tôi còn núp ngòi bút mà ẩn danh, làm cho liệt-vị khán-quan nhọc lòng trông đợi chơi trong một giây phút. Vậy tôi xin dẹp cái diễn-trường lại đó một chút, đặt chỉ người cỡi ngựa Hồng-lô này cho khán-quan rõ trước.)

Nguyên người này tên là Bạch-xuân-Phương, vẫn là con của một vị Binh-bộ Thượng-thơ ở tại Tây-viên là anh ruột của một vị tiểu thơ Bạch-thu-Hà, tôi đã nói trong hồi trước.

Nguyên cách hai ngày trước, Bạch-xuân-Phương nghe Võ-đông-Sơ ra tranh Võ-khoa Tấn-sĩ, thì kêu một tên bộ hạ tâm phúc là Hồ-Hội, vào thơ-phòng mà dặn rằng : “Nội đêm nay người phải ra núp tại ngã ba cây đại-thọ, đợi chờ Đông-Sơ đi ngang qua mà giết cho được, trước khi nó tới diễn-trường, chẳng nên sơ thất.” Chẳng dè Tiểu-thơ Bạch-thu-Hà đứng sau bình-phong lóng tai nghe, biết anh mình thiết kế mà ám hại Đông-Sơ, đang tranh khoa Tấn-sĩ, thì lật đật trở lại tư-phòng, rồi thầm lo trộm nghĩ rằng :

“Vả Đông-Sơ là người đã thi ân cứu mạng của mình trong lúc gặp thẳng cường bạo tại Quan-âm-các, và lại là một người hào ba phong nhã, đáng mặt thiên tài, nếu tọa thị bàng quan, mà điềm nhiên đi, thì chẳng những mình là kẻ vô tình, để cho anh mình hại một vị anh-hùng tuấn-khiết, thì lòng này sao nổi.”

Tiểu-thơ nghĩ như vậy, liền lại văn-phòng viết một cái tư-thơ, rồi sai con thế-nữ tâm phúc, biểu đem thơ ấy lập tức bỏ tại trước cửa Đông-Sơ, đặt cứu người cho khỏi lâm đại họa. Song không cho Đông-Sơ biết mình là ai. Nên không ký tên thơ ấy. Vì vậy nên Đông-Sơ mới khỏi lâm cái mũi tên độc thủ trong lúc tắm tối giữa đường.

Còn anh Bạch-thu-Hà là Xuân-Phương chắc là Đông-Sơ thế nào cũng chẳng thoát khỏi mũi tên kia ghim vào gan ruột, nên khi cỡi ngựa tới diễn-trường, thì coi bộ hiu hiu tự đắc.

(Tới đây xin tiếp luôn theo khoản trên đã nói khi nãy).

Trong lúc Bạch-xuân-Phương đứng trước diễn-tràng rảo mắt ngó 4 phía, bỗng thấy Võ-đông-Sơ cỡi ngựa đứng phía bên kia, thì nẫu ruột nhả mày sững sờ và lấy làm lạ, chẳng dè Đông-Sơ thoát khỏi cái độc kế mà tới đặt diễn-trường ! Kế nghe trên diễn-đài một vị giám quan kêu tên Bạch-xuân-Phương vào trường ứng thí.

Bạch-xuân-Phương lật đật bước tới cúi đầu thi lễ rồi lấy cung tên cỡi ngựa chạy một vòng, nhắm kim-tiền mà bắn, bắn 2 mũi đầu đều lọt vào lỗ kim-tiền, còn mũi thứ 3 thì trúng ngoài vành mà thôi, không vô lỗ đặt.

Kế tới phiên Đông-Sơ cũng cỡi ngựa chạy một vòng, rồi dương cung ráp tên nhắm kim-tiền, xạ luôn 3 mũi đều vô lỗ hết. Các người coi đều khen hay.

Đông-Sơ quày ngựa lại trước diễn-trường cúi đầu, rồi trở ra một bên mà

đứng. Xảy thấy Xuân-Phương cỡi ngựa ra thừa với 3 vị giám-khảo rằng :
“Đông-Sơ chẳng phải giỏi, ấy là may mà trúng đỏ thôi. Như Đông-Sơ thiết tài, thì tôi xin thí võ, chừng ấy mới biết sức hơn thua, và biết tài cao thấp.”

Ba vị chủ khảo thấy Xuân-Phương kêu nài, thì hạ lệnh cho, nhưng không dùng gươm giáo thiết, e rủi thương nhằm tánh mạng, phải dùng trường côn vắn giẻ hai đầu mà thôi ; đó rồi truyền quân sắm sửa hai cây, cân phân bằng nhau, để trước diễn-trường cho hai người lựa chọn.

Đông-Sơ nhường cho Xuân-Phương lấy trước, rồi Đông-Sơ lấy sau. Bỗng nghe trên đài dục trống ba hồi, vừa dứt thì 2 người mới ra tay thủ đoạn.

Nguyên Bạch-xuân-Phương bộ tướng dềnh-dàng, vóc hình cao lớn, còn Đông-Sơ thì nhỏ hơn vài phân, ước một mười với một tám vậy. Vì vậy nên Xuân-Phương chắc ý, thế nào cũng thắng đặng Đông-Sơ, khoa Tấn-sĩ này sẽ vào tay mình chớ ai dám vô mà tranh đặng. Còn hai bên diễn-trường thấy Xuân-Phương sức lực mạnh mẽ bộ tướng dềnh dàng, thì ai ai cũng nghi sợ cho Đông-Sơ không bề thắng nổi.

Khi hai người thủ 2 ngọn trường côn rồi xáp lại, kẻ đánh người đâm, kẻ gạt người đỡ, xem thấy hai ngọn trường côn qua lại liên vo, tới lui vùng vục, làm cho cát giảy bụi bay xung xăng, mù mịt như khói. Đánh nhau một hồi như lưỡng hồ hạ san, đường giao long xuất hải, làm cho hai bên diễn-trường ai ai đều lắng lặng làm thinh, mắt ngó chằm chằm xem thôi sững sốt.

Kế đó Đông-Sơ quày ngựa nhảy ra, thì Xuân-Phương đổi qua miếng Phi-tiên, hai tay nắm đầu roi trường côn, vụt vụt như chóng chóng, chơn thì giục ngựa xốc tới, coi thể dữ dằn. Còn Đông-Sơ thì rảo ngựa chạy quanh, như gà kia xỏ lá.

Xuân-Phương cứ huơi côn vụt vụt xốc tới, thiên-hạ ai ai cũng chắt lưỡi lắc đầu, sợ cho Đông-Sơ sức yếu tài sơ mà cự địch không nổi. Chẳng dè Đông-

Sơ thành-linh quày ngựa lại lệ làng, rồi hươi côn bắt ngọn roi của Xuân-Phương một cái rất mạnh, đến đổi ngọn roi của Xuân-Phương đương vụt vụt như giông, bỗng chút vắng ra xa hơn 4 trượng, làm cho Xuân-Phương và ngựa đều day ngang như bươm kia bị gió thổi mạnh đứt lèo, làm cho ghe day theo mà muốn lật đi vậy, rồi mắt đổ hào quang cả và tay chơn đều rúng động.

Đông-Sơ thừa dịp ấy, hai chơn nhảy đứng trên lưng ngựa mình, rồi đập một cái nhảy phóc qua hất Xuân-Phương một roi, té nhào xuống đất, ngó lại thì Đông-Sơ đã ngồi trơ trơ trên ngựa Hồng-lô, nhớn-nhớn nhơ-nhơ, hình như Tiết-nhơn-Quí ở nơi Sơn-đông, cỡi ngựa Huỳnh-phiêu, dường như Lữ-phụng-Tiên đứng trước Viên-môn, tay gò Xích-thố. Cả thấy hai bên diễn-trường đều la lớn lên một tiếng hay, hay, như sấm dậy vang tai, rồi rần rần vỗ tay bốp bốp như pháo nổ. Miếng này gọi là “Đại bàn phi thạch động, Sư-tử thượng lâu đài.” Đó rồi Đông-Sơ cỡi ngựa thẳng tới trước diễn-trường cúi đầu mà từ tạ.

Còn Bạch-xuân-Phương bị té một cái, làm cho trật mũ rất khấn, rồi xẻn-lên ra về, như Tào-a-Man thất trận.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Sáu

Khi Bạch-xuân-Phương về tới nhà xuống ngựa rồi quất con ngựa một roi, làm cho ngựa thất kinh chạy ra sau vườn, đứng ngóng cổ ngó ra, như tuồng không biết việc chi mà chủ bất bình và thanh nộ. Vợ Xuân-Phương là Trần-thị thấy chồng về lật đật chạy ra, gặp Xuân-Phương bước vô, mặt tràn sắc giận, thì hỏi : “Lang quân ! hôm nay mình ra diễn-trường thí võ, đắc thất thế nào, mà sao xem nét mặt không vui, dường như có điều chi nghịch ý ? Xin mình nói cho tôi rõ.”

Xuân-Phương quăng cái roi ngựa trên bàn rồi nói : “Tôi rất giận con ngựa Hồng-lô, hôm nay nó để một kẻ nghịch kia cỡi trên lưng nó trước diễn-trường, làm cho tôi thẹn buồn hết sức.”

Trần-thị nói : “Mình nói sao lạ vậy, ngựa là loại súc vật biết ai là người thù, biết ai là kẻ nghịch, hễ ai nhảy lên lưng nó và nắm đăng cương rồi, thì khiến sao nó phải hay vậy, mà ai cỡi nó xin mình nói cho tôi nghe.”

Xuân-Phương chưa kịp trả lời, thì thấy Tiểu-thơ Bạch-thu-Hà đã bước vô chào anh và hỏi : “Bữa nay anh ra diễn-trường thế nào, chắc anh đã chiếm đăng chức Võ-khoa Tấn-sĩ rồi phải chăng ?” Xuân-Phương thở ra và nói : “Hôm nay công việc qua đã sắp đặt hoàn toàn rồi, và qua cũng chắc rằng, khoa tấn-sĩ này sẽ vào tay, mười phần không trật một.” Vợ là Trần thị nói : “Phải, tôi cũng chắc như vậy, vả lại mình là một vị công-tử của cửa tướng nhà quan, ai ai lại không biết, mà rồi sao ? mình nói phứt cho tôi nghe, kéo lòng này nghi ngại.”

Xuân-Phương nói : “Nhưng chẳng dè có tên Võ-đông-Sơ kia dám cả gan, đến tranh tài đấu lực mà chiếm đoạt khoa trường làm cho thình giá nhà ta đều hư, và công danh ngày nay trở ra thất bại, thật là một điều rất nên đáng giận.”

Trần-thị nghe nói sững sờ rồi hỏi : “Vậy thì tên Võ-đông-Sơ ấy cũng võ nghệ cao cường lắm sao ? nên mới dám cả gan đối địch cùng lang-quân như thế ?”

Xuân-Phương nói : “Chẳng những võ nghệ cao cường mà thôi, mà văn trường nó cũng xuất chúng.”

Tiểu-thơ Bạch-thu-Hà nghe anh nói thì càng đem lòng ái mộ Đông-Sơ, rồi day lại kiếm lời phui pha mà khuyên giải rằng : “Thưa anh, trong chốn diễn-trường là một chỗ danh vọng chung của các đứng anh-hùng hào-kiệt, ai ai cũng trông mong đến đó mà tranh tài đấu lực, đăng lập nổi công danh, ấy là lẽ thường của nhơn tình thiên hạ, xin anh chớ mua sầu chuốc hận chi cho mệt trí nhọc lòng, và e miệng đời nói mình là người hẹp hòi độ lượng.”

Xuân-Phương nghe nói, thì rút gươm bên lưng ra mà chỉ nơi cánh tay mà nói : “Chừng nào cây gươm này hết thép, mạch máu này hết chảy, thì ta mới hết lòng thù hận đặng.” Nói rồi trở vô tư phòng, thay xiêm đối áo. Còn Tiểu-thơ nghe rồi thì cái vẻ buồn kia nó đã lần lần tràn ra nét mặt, làm cho cái màu hoa sắc-nước hương-trời, đương ửng ửng trên má hồng nhan, phút chốc trở ra vài phần ử dật.

Đó rồi trở về khuê phòng ngồi một mình mà thầm suy trộm nghĩ rằng : Từ khi ta tri ngộ Võ-đông-Sơ tại Quan-âm-các đến nay, tuy là chưa tỏ một lời chi gọi là biển hẹn non thề, nhưng mà cái mối dây tình kia nó xấn văn đường như đã vấn vít vào lòng, khiến cho mình nhớ gió trông mây, thương hình tượng dạng. Nhớ là nhớ cái ơn phò nguy cứu nạn, trong lúc gặp gỡ thành-linh. Thương là thương cái tài võ lược văn thao, đáng phường kim môn ngọc bội. Nhưng mà chưa biết ba sanh duyên nợ, trăm năm có đặng như nàng Thôi-thị

với Trương-quân ấy chẳng ? thật nghĩ rồi lại buồn, buồn là buồn :

Người đâu gặp gỡ làm chi ,

Trăm năm biết có duyên gì hay chẳng ?

Vả lại anh mình nay lại sanh một điều gây thù kết hận với Võ-đông-Sơ, thì biết ngày nào cho liễu nợ đặng kè mai, biết chừng nào cho loan kia gần đặng phụng.

Mảng đương thâm suy trộm nghĩ như vậy, bỗng đâu hiu hiu gió mát, ngó ra thì ác đã tà tà, bèn bước chơn ra dạo kiểng chơi hoa, đặng xem cây cỏ cho tiêu sầu khiên-muộn. Xảy thấy trong đám nhành che lá phủ kia, có một bông hải-đường rất xinh đẹp, mùi hương phưởng phất, phong kín nhụy hồng, dường như ở đó mà núp lủ bướm đoàn ong, cho khỏi bị chúng nó trộm hương nếm phần, đặng chờ những khách giai-nhơn kiệt sĩ thì mới chịu trổ sắc khoe màu ; và đợi gặp người tiếc ngọc thương hương, mới chịu trao thân gởi phận.

Khi Tiểu-thơ xem rồi thì đứng ngẫm nghĩ một hồi, và nói : “Thật là xinh đẹp thay cho cái bông hải-đường này, hèn chi cổ thi có câu rằng :

Đáo để bất vi phong diệp luyến,

Thĩ tri hoa vị thăng quần phương.”

(Nghĩa là cái hoa nào mà không bị ong bướm ve vãn, thì hoa ấy mới thiệt xinh đẹp thơm tho hơn các thứ hoa).

Đó rồi Tiểu-thơ đi sang qua mé tường đông, gần phía Quan-âm-các, thì thấy một con chim bạch-yến, đương đứng sè cánh rĩa lông trên một nhánh dương kia, và kêu hát giọng rất líu lảnh thanh thót, bỗng đâu một con dều trên không thành-linh đáp xuống, bắt chim bạch-yến nơi dưới vầu chừa, rồi há miệng khè khè, dường như muốn ăn tươi nuốt sống chim bạch-yến kia

vậy. Chim bạch-yến thất kinh, kêu la, tiếng rất ai bi thê thảm, tuồng như khóc than năn nỉ với đều rằng :

“Ồ vua loại phi cầm ôi ! tôi là một loại rất nhỏ mọn yếu đuối, ở dưới tay chơn ngài, chưa hề dám làm điều chi xúc phạm đến oai ngài, và cũng chẳng hề mích lòng đến ai hết. Nay tôi lâm lụy vào dưới chơn ngài, thế nào tôi cũng chẳng thoát khỏi ngài phan thanh xé thịt, nhưng mà xin ngài lấy lòng nhờn từ đại độ, mà dung thứ tôi một phen, và ban cho tôi một sự thông thả, đừng tôi về nuôi dưỡng con tôi, kéo nó chiu chiu chích chích trong một ổ kia, và sẽ bị đói lạnh mà chết ; tôi xin hứa với ngài một lời, mỗi bữa tôi sẽ đến mà ca hát những tiếng thanh thao tao nhã, cho ngài nghe mà giải khuây.”

Con đều tàn bạo này liền hả miệng dang cánh ra, kêu tiếng khè-khè, dường như nói với chim bạch-yến rằng : Bụng tao đói, lỗ tai tao chẳng biết nghe, đó rồi lấy mỏ xé thịt chim bạch-yến mà nuốt phứt.

Tiểu-thơ thấy sự quái gở dữ tợn ấy, thì nhớ trực lại sự gặp thẳng cường bạo hôm nọ nơi miếu Quan-âm, nó còn phưởng phất trong trí khôn, thì dụt mình quày chơn mà trở lại.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Bảy

Khi Tiểu-thơ trở vô tới khuê-phòng, thì trong lòng hãy còn hồi hộp, rồi nghĩ đến sự chim bạch-yến bị tan xương nát thịt dưới một vấu churen con đều kia, mà không ai cứu tử hườn sanh, thì lại càng đau lòng thê thảm. Sự ấy nó làm một gương dữ tợn mà dọi ngay nơi lòng Tiểu-thơ, đặng mà nhắc Tiểu-thơ nhớ lại sự thẳng cường bạo hôm nọ, nếu chẳng có Đông-Sơ cứu mạng thì trong nháy mắt cũng bị hại như con chim bạch-yến ngày nay đó vậy. Nghĩ như vậy chừng nào lại càng tơ tưởng Đông-Sơ chừng nấy.

Bởi vậy nên cái mối duyên nợ nó càng ngày càng ràng buộc tấm lòng thương, còn con sóng ân tình nó cũng càng ngày càng tràn trề nơi biển ái.

Cách ít bữa Tiểu-thơ và thể-nữ dắt nhau ra lương-đình xem trăng hứng mát. Nguyên chỗ lương-đình này là một chỗ cảnh tình thanh lịch, gió mát trăng trong, chung quanh có trồng đủ các thứ hoa, nào là mẫu-đơn thược-dược đỏ trắng xen hàng, nào là vạn-thọ tường-vi, xanh vàng ửng sắc, bên thì thấy cụm trúc nó lao rao tiếng quỳnh ; bên thì mấy nhành đào nó đong đánh đưa duyên, phía trước thì thấy do de mấy bụi tóc tiên, dây thì vấn theo sơn ly, dây thì vấn theo cửa sổ, bông hoa đà đuột, hình như Tây-thi mê giấc, mà trâm chuỗi bỏ lòng thông, nhành lá phất-phơ, dường như thực-nữ sầu ai, mà tóc tai cài đã dượi.

Còn phía trong lương-đình thì có đủ văn-phòng tứ bửu, liễn cần màn thêu, chén bạc đĩa vàng, ghế bàn tinh khiết. Trên vách có treo một mặt Tỳ-bà, vành ốc xoa-cừ, đầu dơi ngậm tui. Kế đó lại có treo một tấm tượng nhứt họa nhứt thi, vẽ hình Yêu-Ly đương đàm Khánh-Kỵ.

Khi Tiểu thơ và thể-nữ đi thơ thần theo mấy vòng hoa, rồi vô lương-đình ngồi dựa cửa sổ, thấy một cái bông tường-vi với phù-dung đương đưa qua phát lợi, dường như nó ngả ngốn giỡn trăng, và run rẩy băng xăng, dường như nó lẳng lơ cười gió, rồi thấy cung trăng lấp ló, trong mấy lùm mây, ẩn ẩn tàng cây, và giọi ngay cửa sổ, tợ hồ nàng Hằng-nga ở nơi nguyệt-điện, thấy Tiểu-thơ ngồi đó, mà lấp ló dòm chơi, đặt sánh sắc so hình, coi ai đẹp xinh cho biết.

Tiểu-thơ thấy trăng thanh gió mát, thì xúc cảnh quan tình, chẳng lẽ làm thính, bèn ngâm chơi ít vận.

Ngâm thơ như vậy :

Tơ lóc lẳng xăng mỗi sự tình,

Bên trời vặc vặc bóng trăng thính.

Thuyền-quyên sóng sắc đào trên nhánh,

Quân-tử phơi hình trúc dựa ranh.

Sương đọng cỏ đeo châu trắng trắng,

Gió đưa màn絮 liễu xanh xanh.

Hải-đường ngơ ngẩn còn phong nhụy,

Chưa khứng cho ai bẻ một nhành.

Ngâm rồi day mặt ngó qua Tây viên. Bỗng thấy một người phăng phăng đi tới, lưng mang gươm, tay cầm một ngọn roi, quất bốp bốp trên đôi võ hài và đi và hút gió. Chừng đi gần tới thì Tiểu-thơ mới biết anh mình là Bạch-xuân-Phương, bèn vội vã bước ra chào hỏi. Xuân Phương và Tiểu-thơ trở vô ngồi nơi ghế. Thể nữ lật đặt bưng trà cho Công-tử uống. Tiểu-thơ day lại hỏi

rằng : “Thưa anh, chẳng biết anh đi đâu về khuya vậy ?”

Công-tử nói : “Anh đi tháo luyện võ nghệ bên Tây-viên về, thấy em ở lương-đình, nên ghé lại chơi và hứng mát luôn thể.”

Tiểu-thơ thấy anh vui-vẻ thì kiểm chuyện đàm đạo và hỏi rằng : “Thưa anh, em có nghe người ta thường nói : Hễ lúc thái-bình thì yển võ tu văn, còn cơn bác loạn mới yển văn mà tu võ. Chớ như nay triều Nguyễn đức Gia-Long đã trung hưng phục nghiệp, nhứt thống san hà ; Nam, Bắc và Trung-kỳ, lê dân đều an cư lạc nghiệp, vậy lúc này là lúc yển võ tu văn, mà sao anh còn tập rèn võ nghệ làm chi cho mệt nhọc ? Và lại trong bốn năm nữa mới có một kỳ võ-khoa, thì từ đây tới đó còn xa, anh cần chi tập luyện mỗi ngày, tôi e nhọc nhằn vô ích.”

Công-tử nghe nói thì mỉm cười rồi đáp rằng : “Sở là em chưa rõ, để qua nói cho em nghe. Sự tập luyện võ nghệ này chẳng những là làm cho huyết mạch đặng sung túc châu lưu cả và tứ chi, và các đường gân cốt đặng nở nang mạnh mẽ, mà lại làm cho tráng kiện tinh thần, cho mở mang trí thức hơn nữa ; và làm cho những sự biếng nhác giật gờ, trở ra siêng năng chăm hăm, tinh thần liệt nhược, trở ra phấn chấn hùng hào, làm cho các bệnh hoạn ít đến mà cảm xúc xâm nhiễm vào mình, và đặng trở ra khương ninh trường thọ.

Vậy qua nói tắt một lời sự tháo luyện võ nghệ ấy nó làm cho con người đặng tráng kiện gân cốt tinh thần ; cũng như vật thực kia làm cho bổ dưỡng tráng kiện thân thể vậy, chớ chẳng phải như bọn liệt nhược tinh thần, quần áo xúng-xính, móng tay đà đứt, chẳng biết cử động tứ chi, chẳng biết tháo luyện thân thể, để cho gân teo thịt bủng, bộ tướng giống cò ma, vóc yếu mình gầy, hình thù như mèo ướt, dầu ai phun nước miếng trên mặt cũng chẳng dám hờn, ai đánh trên lưng cũng chẳng dám giận. Bởi vậy nên qua mới tập luyện cho mạnh mẽ tinh thần, dầu chẳng ra mà tá quốc an bang, công thành đoạt trại, thì ở nhà cũng có sức mà chống cự với đũa côn đồ, và trừ đặng quân thù kẻ nghịch, sao mà em gọi rằng vô ích ?”

Tiểu-thơ nói : “Ấy là tánh anh phòng lo như vậy đó thôi ; chứ tôi tưởng nhà mình là nhà đại gia binh bộ, tước trọng quờn cao, bộ hạ gia đình, nó tiền hô hậu ủng, nào ai dám kết oán gây thù mà anh phải nhọc lòng nghi ngại ?”

Công-tử trợn mắt ngó Tiểu-thơ và nói : “Thế em quên rồi sao ? Kẻ nghịch thù với nhà ta là Võ-đông-Sơ đó chứ ai, em lẽ nào không nhớ ? Qua nói thật qua với Võ-đông-Sơ cũng như Yêu-Ly với Khánh-Kỵ trong tấm tường treo nơi vách này vậy. Yêu-Ly giết Khánh-Kỵ rồi thì mới an lòng ; còn qua giết Đông-Sơ rồi thì mới đành dạ.” Nói rồi từ giã Tiểu-thơ, bước ra khép cửa lại, mà trở về tư thất.

Lúc này Võ-đông-Sơ đương đứng ngoài hoa-viên, có ý chờ cho Thu-Hà ra đặng tỏ ít lời tâm sự, xảy nghe Xuân-Phương buông lời thù hận, thì cái lửa giận nó đã lừng lẫy phừng gan, liền rút gươm ra, muốn xốc vô lương-đình mà giết quách Bạch-xuân-Phương cho rảnh, nhưng tự nghĩ rằng : nếu mình cùng Xuân-Phương vì một chút cừu riêng mà gây ra việc sống chết phi lý như vậy, thì sao cho khỏi mịch dạ Thu-Hà, thì việc mình muốn gá nghĩa lương duyên cùng nàng, e cũng khó bề xe tơ kết tóc. Nghĩ vậy liền dừng chơn đứng lại, và nhẩn khí hàm thình, rồi trở ra đứng dựa bụi phù-đụng đặng chờ dịp gặp Tiểu-thơ mà tỏ lời hơn thiệt.

Còn Tiểu-thơ nghe anh nói như vậy, thì lại càng dầu dầu sắc mặt, bối rối tơ tình, không biết phương thế chi mà khuyên giải anh mình cho nguôi lòng oán hận.

Thế-nữ thấy Tiểu-thơ ngồi buồn, thì kiểm đều khuyên giải mà nói : “Thưa cô, trong lúc canh khuya đêm tịnh, gió mát trăng trong này, sao cô không đàn một ít bài chi mà giải khuây, nỡ để ngồi không cho canh tàn đêm lụn, thế thì cũng uổng.”

Tiểu-thơ nghe nói thì day lại mà biểu rằng : “Vậy thì con hãy lấy cây tỳ-

bà lại đây.”

Thế-nữ lật đật lấy rồi trao cho Tiểu-thơ. Tiểu-thơ bèn vận trực lên giây, rồi đờn một bài tương tư gọi là Phong-quang hảo diệu.

Cái giọng đờn ấy tiếng to tiếng nhỏ, lúc nhịp lúc khoan, cái giọng tích tịch tồn tang, dường như ai khóc ai than nghe rất tiêu tao thâm.

Ấy là :

Khúc đờn Tư mã hoàng cầu ,

Nghe ra như oán như sầu với ai !

Lúc này Võ-đông-Sơ đương đứng ngoài hoa viên muốn bước tới lương-đình, đang cạm tỏ với Tiểu-thơ ít lời tâm sự. Song cửa lương-đình đều đóng chặt, vì vậy nên phải đứng đợi ngoài hoa-viên. Bỗng nhiên nghe cái tiếng đờn thâm trầm tao nhã ấy nó văng vẳng lọt vào tai, làm cho Đông-Sơ mê mẩn tâm thần, dường như hồn tiêu phách lạc. Nghe rồi thì biết khúc đờn ấy là đờn bài Phong quang hảo.

Nguyên Đông-Sơ tuy là văn nho võ sĩ, song cũng đứng bực tài tử phong lưu, nên khi nghe Tiểu-thơ đờn tới mấy câu tao nhã tuyệt diệu ấy, thì xúc động tâm tình, rồi đứng dưới bụi phù-dung, ca bài Phong quang hảo đó như vậy :

Ôi nhơn duyên, ôi nhơn duyên !

Nhìn mái lương-đình cảnh tợ tiên.

Chạnh tình riêng.

Tương tư mấy khúc cung đờn dập,

Hơi cao thấp,

Khiến kẻ bên hoa bắn ruột phiền,

Hỡi Thuyền-quyên !

Tiểu-thơ nghe tiếng ca ngâm vắng vắng ngoài hoa-viên, thì thôi đồn mà nói với thể-nữ rằng : “Con hãy nghe coi ai ca ngâm ở đâu vậy ?” Thể-nữ lật đặt lại vạch cửa sổ ngó thấp thó ra hoa-viên, song chẳng thấy ai hết, thì nói : “Thưa cô, không có ai hết. Tưởng tiếng ca ấy ở ngoài đường, chớ chẳng phải trong hoa-viên.”

Tiểu-thơ cũng hồ nghi, nhưng không biết ai, song nghe câu ca thì dường có ý vị thâm trầm, chắc là những bọn trộm phẩn buôn hương nào đây, nó thấy mình trong lúc canh khuya đêm vắng, nên nó thả giọng bướm lời ong, mà trêu hoa ghẹo nguyệt đó chẳng ? Nghĩ vậy bèn biểu thể-nữ đóng mấy cửa sổ lại rồi lấy đồn mà đồn nữa.

Đông-Sơ nghe đồn thì ca thêm một bài nữa như vậy :

Ôi trăng thính, ô i trăng thính !

Soi thấu cho ta mấy đoạn tình,

Giữa trời thanh.

Bên tường mỗi mắt năm canh nguyệt,

Lòng tư thiết,

Biết có ai thương tới phận mình.

Nỡ làm thính !?

Cái tiếng ca ngâm thanh thao êm ái này nó thỉnh thoảng lọt vào tai Tiểu-thơ, rồi lần lần thấm vào gan ruột, làm cho Tiểu-thơ cảm động tình thương, liền buông đờn mà ngồi sững, rồi day lại kêu thể-nữ và nói rằng : “Lạ thay cái tiếng ca ngâm này ta nghe thỉnh thoảng gần đây, thật là văn tứ thâm trầm, tình từ tao nhã, sao mi gọi là ngoài đường cũng lạ, mà ai vậy ?”

Thể-nữ nói : “Vậy thì xin cô bước lại cửa sổ dòm coi, ai dám cả gan vào hoa-viên trong lúc canh khuya đêm vắng.”

Tiểu-thơ liền bước lại cửa sổ vạch màn, ló mắt dòm ra. Lúc này Đông-Sơ đương đứng dưới bóng tối bụi phù-dung ngó vô. Bỗng thấy Tiểu-thơ ló mặt dòm ra, trên thì bóng trắng giọi xuống, làm cho Đông-Sơ thấy rõ ràng Tiểu-thơ, mặt mày như tiên-nữ hạ bồng-lai, cách điệu như Hằng-nga ly nguyệt-điện, làm cho Đông-Sơ mắt ngó chằm chằm và đứng trơ trơ như tượng gỗ.

Còn Tiểu-thơ thì rào mắt kiểm coi, khi ngó tới bụi phù-dung, bỗng thấy một người đứng trơ, y cân hoa mĩ, tướng mạo trang nghiêm, khiến cho Tiểu-thơ dựa cửa mà sững sờ, ngó không nháy mắt. Lúc này cũng như Điêu-Thuyền với Lữ-Bố, kẻ liếc mắt, người đưa tình, mừng tượng Phụng-nghi-đình một thứ vậy.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Tám

Kế đó Đông-Sơ bước tới ít bước, rồi dừng chơn đứng lại nơi dưới bóng sáng trắng và cúi đầu chào Tiểu-thơ một cách lễ nghi lịch sự.

Tiểu-thơ thấy rõ Đông-Sơ thì sắc mặt tràn ra nửa đỏ nửa xanh, trong lòng nửa mừng nửa sợ. Mừng là mừng thấy người tình xưa nghĩa cũ, nay đặt tái hội trùng phùng. Sợ là sợ nỗi gương oán giáo thù, sanh đều tai lây họa gởi. Vì vậy nên Tiểu-thơ rối loạn tâm thần mà ngẩn-ngơ hình dạng. Đó rồi day lại biểu thể-nữ ra mời Đông-Sơ vào.

Khi Đông-Sơ bước vô lương-đình, đương liếc mắt mà ngó Tiểu-thơ, còn Tiểu-thơ thì khép nép một bên, rồi cũng nhắm Đông-Sơ tướng mạo, thì thấy đầu chít một khăn thanh cân, có thêu kim ngân lạc khoản, mình mặc một bộ đồ võ phục, có thêu huê dạng rõ ràng, dưới chơn thì mang đôi võ hài, nịt tất thủy ba cao lên chí gối, bên lưng đeo một cây đoản kiếm, vỏ bạc cán vàng, trên vai thì choàng một sợi hồng-la, nó nhỏng nhánh có thắt hoa kết tui

Thật là :

Dung nhan tướng mạo phi thường,

Phong nghi đáng một đường đường trượng-phu.

Đó rồi Tiểu-thơ mới nhích môi yển chi đỏ đỏ ; hờ răng bạch ngọc trong trong, liếc cặp mắt thu ba, rồi buông lời thanh bai mà hỏi : “Thưa Quan nhơn, trong lúc đêm khuya tịch mịch, người dầm sương đội nguyệt, lướt dặm băng ngàn, mà đến đây, chẳng biết có điều chi cần kíp muốn tỏ cùng tôi, xin nói

cho tôi rõ.”

Đông-Sơ nghe hỏi thì đáp rằng : “Thưa Tiểu-thơ, không có điều chi cần kíp hơn là điều tôi đã ôm ấp và cất để trong một góc lòng tôi. Từ khi tri ngộ Tiểu-thơ đến nay, không giây phút nào mà tôi rời nó ra đặt, và cũng không điều chi thiết yếu hơn là điều tôi đã gánh vác nơi vai tôi mấy đêm nay, mà đứng đợi ngồi trông nơi một góc vườn này, ước ao cho gặp Tiểu-thơ, đặt giở ra cho Tiểu-thơ xem, và nói ra cho Tiểu-thơ rõ, như Tiểu-thơ đem lòng hạ cố, mà hỏi tôi điều ấy là điều chi, thì tôi xin lỗi cùng Tiểu-thơ mà trả lời rằng : điều ấy là một điều tâm sự rất thiết-yếu của tôi với Tiểu-thơ đó thôi ; chứ không điều chi cần kíp hơn nữa.”

Tiểu-thơ nói : “Quan-nhơn nói rằng điều tâm sự ấy là một điều cần kíp, nếu Quan-nhơn nói vậy thì tôi e cho lời đó rất lầm, vì có một điều rất cần kíp hơn nữa, là điều tôi muốn hỏi Quan-nhơn bây giờ đây : Quan-nhơn có biết chỗ này là một chỗ rất nguy hiểm cho Quan-nhơn lắm chăng ? Chỗ này là một chỗ người ta bủa lưới giăng rập mà hãm hại Quan-nhơn. Quan-nhơn đến đây chẳng khác nào đến chỗ gươm đao, và vào hang hùm cọp đó vậy. Tôi tưởng sự ấy là một sự rất cần kíp cho Quan-nhơn phải biết mà tránh đi, song chưa rõ Quan-nhơn biết chăng, hay là chẳng biết ?”

Đông-Sơ nghe rồi mỉm cười và day lại đáp rằng : “Tôi rất cảm ơn Tiểu-thơ thanh tình chiếu cố, mà tỏ sự nguy hiểm ấy cho tôi nghe, song tôi đã biết trước rồi, sự nguy hiểm ấy nó ở nơi lỗ miệng của một người ngồi đây nói chuyện với Tiểu-thơ khi nãy ; và chẳng những tôi biết đây mà thôi, mà tôi cũng biết tới sự nguy hiểm trong khi tôi vào diễn-trường mà thí võ nữa. Nhưng mà sự ấy không đủ làm cho tôi kinh tâm táng đờm ? Và không đủ làm cho tôi rùn chí nguôi lòng, vì cái phẩm hạnh dung nghi của Tiểu-thơ làm cho tôi hết biết sợ sệt cái bầy rập nguy hiểm người ta giăng trước mắt tôi, và cái lòng tư tưởng quyến luyến Tiểu-thơ làm cho tôi hết biết kinh khủng sự cọp hùm đao kiếm. Tôi cũng biết rằng Tiểu-thơ đem lòng thương tưởng đến kẻ

phước bạc tình suy, nên mới dám đến đây mà cặn tỏ niềm riêng, ngỏ xin đài gương soi xét ; dầu rằng tan xương nát thịt, tôi cũng cam lòng, miễn là tôi đặng Tiểu-thơ đoái chút tình thương, thì cũng đủ làm cho tôi đặng vinh vang danh giá.”

Tiểu-thơ nói : “Thưa Quan-nhơn, tôi chưa hề khi nào nói với Quan-nhơn rằng : tôi thương tưởng Quan-nhơn.”

Đông-Sơ nói : “Tiểu-thơ ôi ! thật Tiểu-thơ chẳng nói rằng thương tôi, nhưng mà Tiểu-thơ cũng chẳng nói rằng chẳng thương. Và lại tôi tưởng nếu Tiểu-thơ không đem lòng thương tưởng, thì tôi đã bị mũi tên độc-thủ, mà bỏ mạng nơi giữa đường rồi, còn chi mà ngày nay đặng trùng phùng tái hội, và đặng thấy cái vẻ nhan sắc xinh đẹp của Tiểu-thơ trong lần thứ hai này đâu.”

Tiểu-thơ nghe nói thì sửng sốt trong lòng, thầm nghĩ rằng : sự này mình không dĩ hơi cho ai hay, mà sao va biết cũng lạ, rồi day lại mà nói với Đông-Sơ rằng : “Đó là phước mạng Quan-nhơn, chớ tôi không tài chi mà ngăn cản mũi tên ấy đặng ?”

Đông-Sơ nói : “Tiểu-thơ ôi ! Tiểu-thơ tuy không tài đỡ đạn ngăn tên, song cái tình Tiểu-thơ thương tưởng đến tôi, thì cũng đủ cứu tôi khỏi vòng tai nạn. Cái tình ấy làm cho tôi chạm dạ ghi xương, dầu ngàn năm cũng không nguôi ngoai xao lãng, đã vậy mà Tiểu-thơ cũng còn rộng lòng ân cố, mà cho tôi hít đặng cái mùi hương trầm thơm tho của Tiểu-thơ rơi rớt ; và cho tôi một vật rất quý báu, làm cho tôi thấy vật ấy cũng như thấy cái vẻ nhan sắc xinh đẹp của Tiểu-thơ, tôi thấy đó mà nhớ dạng thương hình, đến đổi mình gầy vóc ốm. Tiểu-thơ ôi ! Tiểu-thơ xin hãy nằm đêm suy lấy đó ; rồi gác tay trên trán nghĩ mà coi : nếu chẳng phải ba sanh duơn nợ, thì ai xui cho gặp gỡ thành-linh, nếu chẳng phải giai ngẫu thiên thành, thì trời sao khiến cho dây tình nó vấn vương ràng buộc.”

Tiểu-thơ nghe nói thì cảm động lòng thương, song chẳng biết vật chi mà

gọi là mình cho cũng lạ. Tự nghĩ như vậy, rồi day mắt liếc Đông-Sơ và hỏi rằng : “Quan-nhơn nói rằng tôi cho Quan-nhơn một vật quý báu ấy là vật chi ? Xin Quan-nhơn nói cho tôi rõ thử.”

Đông-Sơ nghe hỏi liền thò tay vào túi lấy ra một cái khăn mẫu-đơn, hãy còn phưởng phất mùi hương, rồi đưa ra và nói : “Tiểu-thơ ôi ! cái món này là một món quý báu phi thường, chẳng biết bao nhiêu chỉ tơ xe dệt, rất chắc chắn khít khao, để làm một dây tơ hồng mà buộc cái tình chung của Tiểu-thơ và tôi lại đó. Tiểu-thơ ôi ! cái tình ấy tuy là vô hình vô trạng, song rất mạnh mẽ vô cùng ; nó làm cho sống chẳng rời nhau, mà thác cũng không rẽ nhau đặng đa Tiểu-thơ. Tiểu-thơ ôi ! nay tôi vì cái tình nồng nghĩa mặn ấy và cái cách điệu cử chỉ của Tiểu-thơ rất đầm thắm dịu dàng, làm cho tôi đem lòng thương hương mến ngọc, mà chẳng kể gươm đao, không kiêng thù hận, chỉ quyết đến cho tận mặt Tiểu-thơ, mà gạn hỏi ít lời : như Tiểu-thơ đành lòng gả nghĩa tóc tơ, thì xin Tiểu-thơ hứa trước một lời mà tạc đá ghi vàng ; rồi sau tôi sẽ cậy người mai ước.”

Tiểu-thơ nghe nói thì hai má ửng hồng, dường như có sắc thẹn thường, song cái cách điệu nghiêm trang dung nghi tề chỉnh, chẳng hề để một lời chi hốt tốt, lộ ra ngoài môi, và chẳng để cái tình thương yêu lộ ra sắc mặt, rồi day lại mà nói với Đông-Sơ rằng :

“Những điều phân trần trước đó, tôi e cho Quan-nhơn chẳng kịp cặn xét cùng suy, mà tưởng lầm tin lộn đó chẳng ? Sự tôi cứu Quan-nhơn trong một phong thơ kia, là một sự tôi trả ơn cho Quan-nhơn. Cái ơn tri ngộ Quan-nhơn tôi xin tạc dạ ghi xương, vì vậy nên tôi chỉ biết một sự lo mà ân đền nghĩa trả cho Quan-nhơn đó thôi, chớ tôi chẳng biết điều chi khác nữa. Song Quan-nhơn ngỡ rằng một sự ý hiệp tình riêng, làm cho tôi rất phiền lòng và hổ thẹn. Vả lại Quan-nhơn cũng rõ rằng : tôi tuy là phận nữ lưu bồ liễu, song cũng con nhà phiệt duyệt danh gia, lẽ đâu dám lấy sự tình riêng mà kết giao đối đãi. Vậy xin chớ lấy sự luân thường lễ nghĩa, mà xem dường một chuyện dờn

mặn chơi đào, và chớ tưởng sự trộm phẩn mển hương mà mang đều tội lỗi. Còn như Quan-nhơn đem sự tình nặng nghĩa sâu mà tưởng đến phận đào thơ liễu yếu ; thì tôi rất cảm tạ muôn vàn, nhưng mà việc trăm năm tơ tóc, thì chờ cha mẹ định đôi, tôi dám đâu hứa chắc cùng Quan-nhơn, vậy e lỗi niềm tử-đạo, vả lại Quan-nhơn cũng rõ biết rằng : anh tôi cùng Quan-nhơn, đương lúc cầm lòng thù hận, năng năng thệ chẳng chung trời, còn cha tôi thì còn ở Trung-kỳ, ấy là một sự trắc trở phi thường, dễ chi mà cậy lời mai ước. Vả lại những bậc hồng nhan thực-nữ trong thiên-hạ, chẳng thiếu chi người, xin Quan-nhơn chọn những trang quốc sắc thiên tài, mà kết duyên cho xứng đôi vừa lứa, sá chi một phận liễu yếu đào thơ như tôi, mà phải nhọc lòng Quan-nhơn quyến luyến.”

Đông-Sơ nghe những lời Tiểu-thơ đối đáp, dường như ruột héo gan xào, rồi nét mặt dầu dầu, làm cho nghẹn lời mà không nóiặng. Kế đó thế-nữ bưng trà lại mời, Đông-Sơ uống hết một chung, rồi day lại mà nói rằng : “Tiểu-thơ ôi ! Tiểu-thơ vẫn là con nhà thi lễ, phẩm giá thơ hương, đã bác lăm quần thơ, thông tri kim cổ, Tiểu-thơ lẽ nào chẳng nhớ người xưa có nói câu rằng :

Minh quân lương tế tao phùng dị,

Tài tử giai nhơn tế ngộ nan.

Tiểu-thơ ôi ! Tiểu-thơ nghĩ đó mà coi, những bậc minh quân lương tướng gặp nhau cũng chẳng khó gì, chỉ như tài tử với giai-nhơn thì dễ chi gặp nhau cho xứng đôi vừa lứa đặng. Nay Tiểu-thơ và tôi dầu rằng chưa phải bậc tài-tử giai-nhơn, song cũng một phẩm thuyền-quyên với một trang tuần kiệt, ấy cũng một đều lương duyên may mắn, có mấy khi mà gặp hội tao phùng. Tiểu-thơ nghĩ đó mà coi, đá nọ thì dễ tìm, chớ ngọc kia tôi e khó kiếm, nếu Tiểu-thơ dầu đành hẹp lượng, mà chẳng tưởng đến sự nghĩa nặng tình thâm, chẳng là tội nghiệp cho lòng tôi mển ngọc thương hương bấy lâu, và cũng uống cho cái công cực khổ tôi rày ước mai ao, trông cho gặp Tiểu-thơ mà gán bó một

lời tơ tóc.

Tiểu-thơ ôi ! và tôi nay cha mẹ đã sớm về cõi thọ, còn anh em thì tứ cố vô thân, tôi cũng ước ao cho gặp đặng một thực-nữ giai-nhơn, đặng mà chung hưởng sự vinh hoa phú quý, cho tử ấm thê phong, thì mới toại chí bình-sanh, và phi tình sở nguyện. Nếu như tôi vô duyên xấu phước, mà khiến cho Tiểu-thơ chẳng đoái tình thương ; thì tôi xin tỏ thật một lời : những sự công danh phú quý trong đời này, tôi chẳng cần chi cực khổ mà ràng buộc nơi lòng, những sự huê mỹ phiến ba trong thế gian này, chẳng hề làm cho tôi động lòng khoái mắt, những sự ăn sung mặc sướng, mỹ vị cao lương, chẳng hề làm cho tôi biết ngon ngọt béo bùi, những sự cửa tía lầu son, huê bào ngọc đá, chẳng hề làm cho tôi đặng đẹp lòng hứng chí, cái cảnh thanh lịch của võ trụ san hà này, chẳng hề làm cho tôi đặng tiêu sầu khiến muộn, tiếng nhạc ca tao nhã nơi cầm đài hí viện, chẳng hề làm cho tôi đặng khuây lãng tâm thần.

Tiểu-thơ ôi ! vậy tôi xin nói một lời rốt này cùng Tiểu-thơ, nếu trời khiến cho tôi chẳng đặng gần cái vẻ đẹp để thanh tâm của Tiểu-thơ, mà vui gởi tình chung, thì tôi cũng liều bỏ cái thân danh tôi, cho nước chảy hoa trôi, bỏ cái duyên phận tôi cho mây tan bèo dạt. Và tôi nhứt nguyện rằng tôi sẽ ở vậy trọn đời, chẳng hề cùng ai vui tình can lệ.

Tiểu-thơ ôi ! Vui chi vui vậy cũng là, ai tri âm đó mặn mà với ai.”

Đông-Sơ nói rồi đứng sững mà thở ra, còn xem sắc diện thì nhao-nháo buồn dàu, như cậu kếp với cô đào, hát lối tử biệt sanh ly, mà làm mặt sầu bi thảm đạm.

Tiểu-thơ thấy vậy thì lần chơn bước tới cách yếu điệu khoan thai, lại đứng trước Đông-Sơ mà liếc cặp mắt hữu tình, như sao nam tinh nó chói ra nhấp nháng ; rồi miệng cười chúm chím, xem rất hữu duyên, môi đỏ hồng hồng, đẹp dễ như bông mới nở, đó rồi nàng buông lời tao nhã với hỏi Đông-Sơ rằng : “Thưa Quan-nhơn, chẳng biết những lời tôi tỏ với Quan-nhơn khi này,

dường có đều chi thất lật, làm cho chút mít dạ người, nên xem sắc mặt không tươi, hay là có hờn trách đều chi mà sanh lòng phiền muộn phải chăng ?”

Đông-Sơ nghe hỏi thì day lại đáp rằng : “Tiểu-thơ ôi ! phiền là phiền số tôi xấu phước, mà khiến cho chẳng gặp người thương ; buồn là buồn chút phận vô duyên, khiến cho nói không người chịu !”

Tiểu-thơ nói : “Quan-nhơn ôi ! Bây giờ đây tôi xin tỏ thiệt cùng Quan-nhơn, những điều tôi nói với Quan-nhơn khi nãy là tôi muốn đem lời khó dễ, mà dò thử lòng người đó thôi. Nếu như Quan-nhơn quyết lòng vầy duyên can lẹ, cho trăm năm kết chặt chữ đồng tâm ; thì tôi cũng nguyện trọn nghĩa tóc tơ, dầu ngàn thuở cũng chẳng sai lời ước thệ.”

Đông-Sơ nghe nói thì lòng mừng khắp khởi, phút chốc mặt nở mày tươi ; rồi chúm chím miệng cười và day lại buông lời pha lửng mà nói : “Thật tôi trách Tiểu-thơ ở chi sâu sắc, sao không sớm chịu hứa lời ; để cho tôi nói nỉ non, nói đã hết hơi, còn buồn nhao-nháo buồn gần muốn chết.”

Tiểu-thơ nói : “Quan-nhơn ôi ! việc sâu sắc tôi xin đừng vội trách, chuyện hơn thua người nghĩ đó mà coi. Nếu chẳng ra khơi thì sao rõ mặt biển rộng dài ; còn có gặp lửa mới biết tuổi vàng cao thấp, đa Quan-nhơn.”

Đông-Sơ nói : “Tiểu-thơ ôi ! nếu Tiểu-thơ nói vậy, thì tôi xin trả lời lại vầy : việc rộng hẹp phải đo mới biết, còn chuyện thấp cao, chẳng thử sao tường. Tiểu-thơ cũng biết rằng : lẽ ấy vốn là lẽ thường, nhưng mà tôi e lắm đa Tiểu-thơ, e là e cho Tiểu-thơ nói mà chẳng chịu đo, dò mà chẳng chịu thử, đó thôi.”

Tiểu-thơ nghe Đông-sơ trả lời như vậy, bỗng nhiên hai gò má phấn đã rần rần máu đỏ, ửng ửng sắc hồng, và liếc mắt háy Đông-Sơ, rồi vội vả lấy khăn che mặt, còn miệng thì chúm chím mỉm cười miêng chi, rồi đứng cách yếu điệu phương phi, rõ ràng là một bức giai nhơn tuyệt sắc, thật là đẹp để thay

cho cái vẻ thiên kiều bá mị, của một gái thuyền-quyên như Tiểu-thơ, nó nhớn-nhớn, nhơ-nhơ, hiện ra trước mặt Đông-Sơ, làm cho khách chung tình này, rồi ruột lộn gan, điên hồn lạc phách, mà đứng sững ngó trân, rồi cái ngọn lửa chung tình, nó phừng phừng lên trong lò tư dục, làm cho Đông-Sơ mắt đỏ hào quang, như thấy một nàng Hằng-nga xuống mà đứng nhấp nháng nơi dưới bóng trăng, như thấy một dạng tiên-nữ kia đi khoan thai bên bóng đèn khuya leo lét đó vậy.

Thật là :

Lạ thay nét nói nét cười,

Nét sao dễ khiến cho người muốn điên.

(Đây tôi xin lắng lơ hỏi thử liệt vị khán quan một ít lời, giả như liệt vị khán quan lại mà đứng nơi một địa vị của Đông-Sơ này, trong lúc trăng thanh canh vắng, mà gặp một cảnh tình thình lịch như vậy, thì chẳng biết liệt vị khán quan sẽ cử động ra thế nào hè ? thế thì tôi tưởng cho chư vị khán quan cũng như tôi.

Chẳng những : Điều lòng Dân-tử năm canh nguyệt,

Mà cũng : Bẩn ruột tường-khanh mấy đoạn tình.

Đó rồi Đông-Sơ buông lời nhỏ-nhẻ, lấy giọng lắng lơ, mắt liếc Tiểu-thơ, rồi mỉm cười và nói : “Tiểu-thơ ôi ! nay tôi muốn đổi cái tiếng Tiểu-thơ, mà kêu lại bằng Tình-khanh cho dễ nghe, ước có được chăng ?”

Tiểu-thơ nói : “Còn tiếng Quan-nhơn ấy chẳng biết đổi lại mà kêu bằng chi ?”

Đông-Sơ nói : “Tự ý Tình-khanh, muốn kêu Đông-Sơ hay là Tây-Sơ chi cũng được, song tôi xin đừng kêu bằng Đông-Yên mà tôi thành ra điên-ông

tội nghiệp !”

Tiểu-thơ mỉm cười và nói : “Mới gần gần mà thôi, chớ chưa đâu phòng sợ.”

Đông-Sơ nói : “Tình-khanh ôi ! trong lúc trời khêu sao tỏ, gió rượt mây bay này, xin Tình-khanh bước ra hoa-viên đặng xem trăng chơi cho mát.” Đó rồi, Tiểu-thơ khoan thai bước ra hoa viên. Hai người đi thơ thần nhớn-nhờ, khi thưởng nguyệt lúc xem hoa, cười cười nói nói, cái tình cảnh xinh đẹp mặn nồng này, chẳng biết bao nhiêu mà vẽ cái tình trạng thanh tao thân-ái ra cho đặng.

Đó rồi Đông-Sơ day lại nói với Tiểu-thơ rằng : “Tình-khanh ôi ! tôi có nghe rằng đêm xuân một khắc, giá đáng ngàn vàng, nay đã đành cho phụng nọ dựa kê loan, nhưng mà, chưa biết chừng nào mới đặng sắt cầm hòa rập nhịp ? Bấy lâu tôi những ước ao cho lúa xứng lúa, như nhành giao lá tiếp, duyên phải duyên, cho đẹp dạ vui lòng, rày gặp cơn gió mát trăng trong, đâu lẽ nữ phụ lúc canh tàn đêm lụn, thì uống lắm a Tình-khanh.”

Tiểu-thơ nói : “Thưa Tình-quân, đôi ta đã hứa cùng nhau một lời rằng : trăm năm tơ tóc, thì phải đợi kỳ sinh-lễ thành hôn, rồi sẽ hoa chúc động-phòng, cho rõ ràng lương-duyên giai-ngẫu, vậy trước đã đặng đẹp lòng cha mẹ, trong khi dưỡng dục sanh thành, vậy mới gọi là đền đáp chút nghĩa nặng tình thâm, cho kẻ áo cơm bông ăm. Kẻ ấy là kẻ đã chịu nhọc nhằn mà săn sóc cho chúng ta. Ngày nay đặng khôn lớn trưởng thành, chỉ mong định lứa sánh đôi cho chúng ta, rồi mới đành lòng đẹp dạ, nay nếu chúng ta ham sự vui riêng một chút, mà quên đều công nặng ơn dày, rồi nghĩ đến duyên phận ngày sau, thì tôi e cho ăn năn mà lại nhột lòng hổ thẹn. Chẳng những là phận gái như tôi đã lỗi niềm hiếu đạo với kẻ dưỡng dục sanh thành, mà lại làm cho dơ lấm lu-lờ cái ánh gương trinh bạch với Tình-quân sau nữa.

Tình-quân nghĩ đó mà coi, lẽ đâu chúng ta dám đem cái nghĩa tơ tóc trăm

năm, mà đổi lấy cái tình trăng hoa một thuở. Vậy tôi e chẳng khác chi đem cái phẩm giá gương trong ngọc trắng của nhà quý tộc danh gia, mà đổi ra bướm mận ong đào, đổi ra thói đời phong bại tục của đám hạ lưu nam nữ, nếu con người mà chẳng biết trung trinh tu ố, thì sao rằng thực-nữ thuyền-quyên ! Phận gái mà chẳng giữ tiết hạnh chính chuyên, thì ai cần chi mà nề vì yêu chuộng.

Tình-quân ôi ! Nay tôi lén đem sự trăm năm duyên phận mà hứa trước với tình quân đây, thì cũng là một điều tội lỗi cho tôi rồi, song tôi nghĩ vì cái ơn của tình-quân cứu tử hoàn sanh cho tôi trong khi Quan-âm-các, ơn ấy rất trọng như ơn của kẻ dưỡng dục sanh thành tôi ra đây, vì vậy nên tôi cam lỗi với cha mẹ tôi mà chịu trao duyên gởi phận cho Tình-quân đợi ngày sau kết nghĩa phu thê, mà đền ơn tri ngộ.

Vậy xin Tình-quân chẳng nên nài hoa ép liễu mà cho tôi thất hiếu thất trinh, thì ngày sau tôi còn mặt mũi nào mà ngó Tình-quân trong lúc giao chén phòng hoa, chung tình nệm gối.”

Đông-Sơ nghe mấy lời rất từ nghiêm lý chánh, thì lại càng đem lòng yêu mến kính vì, và thầm khen cho Tiểu-thơ đáng một phẩm hạnh thuyền-quyên, phải một người cầm quyền tề gia nội trợ, rồi nói :

“Tình-khanh ôi ! những lời tôi nói trước đó, là nói thử Tình-khanh, cũng như Tình-khanh nói thử tôi khi nãy vậy ; chớ lẽ đâu tôi chẳng biết chuyện nghịch lý tôi phong mà ép nài Tình-khanh vào vòng tội lỗi. Vậy nay hai ta đã thuận tình hiệp ý, thì xin để một vật chi gọi chút lòng tin rồi đình đãi ít ngày sẽ tính cật lời mai ước.”

Đông-Sơ nói rồi liền lấy một chiếc nhẫn, nhận ngọc oan ương, trao cho Tiểu-thơ, còn Tiểu-thơ cũng cõng chiếc ngọc xuyên kim cang, đưa cho Đông-Sơ để làm kỷ-niệm. Mảng đương trò chuyện, trống đã sang năm, trăng xế dài tây, nghe đã canh gà dục thúc. Đó rồi hai người từ giã, kẻ thì gởi lời trân

trọng, rồi phăng phăng bước tới khuê phòng, người thì tỏ ý ân cần, rồi cũng vội vã trở về lữ-quán.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Chín

Khi Võ-đông-Sơ từ giả Tiểu-thơ Bạch-thu-Hà rồi trở về lữ-quán, mảng đương thầm lo trộm tính đứng nghĩ ngời suy, chẳng biết ai mà cậ đứng mai nhơn, đặng đến kinh-đô nghị cuộc nhơn-duyên, và thông lời cùng Bạch-gia Thượng-thơ Bình-bộ, vì từ khi ra Đông-kinh đến nay thì tứ cố vô thân chưa từng quen biết một ai, trong hàng văn ban võ bá. Vả lại cha Tiểu-thơ là bậc đại-quan thượng-tướng, quờn cao tước trọng, đoạn lại non sông cách trở, đường sá xa xôi, dầu có mai-nhơn cũng khó thông lời nghị luận. Mảng đương suy nghĩ như vậy, bỗng thấy một tên quân-nhơn ngoài cửa bước vô, cúi đầu chào Đông-Sơ và thưa rằng : “Có lệnh Tổng-trấn Lê-công dạy mời Quan-nhơn vào dinh hầu việc.”

Đông-Sơ liền sắmsửa y cân rồi đi với tên quân ấy. Khi tới dinh thì thấy trước viên-môn có dựng một cây huỳnh-kỳ mà một tấm biển vàng đề : “Bắc-kỳ Tổng-trấn Lê-quận-công chánh-phủ.” (Tên Lê-văn-Duyệt)

Đông-Sơ đương đứng ngoài chờ lệnh, kể quân ra mời vào, thì thấy Lê-công ngồi giữa thính-đường, oai nghi tề chỉnh, hai bên quân hầu nghiêm trang. Đông-Sơ liền bước tới cúi đầu ra mắt.

Lê-công liếc thấy Đông-Sơ tướng mạo phương phi, phải một trang của quốc-gia lương đồng, thì hỏi rằng : “Người phải Võ-đông-Sơ chăng ?”

Đông-Sơ thưa : “Phải.”

Lê-công nói : “Khi ta đi chinh phục nước Ai-lao (Laos) về, ta nghe rằng người ra diễn-trường tranh Võ tấnsĩ và thắng đặng Bạch-xuân-Phương phải

chăng ?”

Đông-Sơ thưa phải. Lê-công nói : “Người chẳng biết Bạch-xuân-Phương là một vị công-tử của quan Binh-bộ Thượng-thơ tại triều bây giờ đó sao ?”

Đông-Sơ nói : “Bẩm quận-công tôi không biết Bạch-xuân-Phương là ai, tôi chỉ biết hội thi này là một hội của quốc-gia để khai khoa thủ-sĩ, tuyển-lựa nhơn tài trong nước đó thôi. Chẳng luận là công-tử vương-tôn, và chẳng luận là cùng dân mạt sĩ, hễ ai có tài khuông thời tế thế, dẹp loạn phò nguy, giỏi thì thăng, dở thì thua, theo luật công bình của nước nhà, chẳng thiên-vị ai hết, chớ tôi chẳng biết ai là công-tử, ai là vương-tôn. Ví như lấy hàng công-tử mà sánh so, thì tôi đây cũng một bậc công-tử như Xuân-Phương kia vậy.”

Lê-công nghe nói thì mình cười và hỏi rằng : “Tổ-quán và cha mẹ người ở đâu ?”

Đông-Sơ thưa : “Tổ-quán tôi ở tại Nam-kỳ, cha tôi khi sanh tiền là quận-công Võ-Tánh, mẹ tôi là công-chúa Ngọc-Du, cả hai đều từ trần trong khi tôi còn thơ ấu.”

Lê-công nghe nói thì ngó Đông-Sơ chăm chỉ một hồi, rồi gật đầu và nói rằng : “Thật là hổ phụ sanh hổ tử, lời tục chẳng sai.” Rồi day lại nói với Đông-Sơ rằng : “Vậy thì quan Hậu-quân là bạn đồng-liêu với ta trong lúc ngài còn sanh tiền ở tại Gia-Định.”

Đông-Sơ nói : “Bẩm quận-công, khi tôi còn nhỏ, tôi hằng nghe mẹ tôi nói trong lúc Hoàng-thượng đem binh dẹp giặc Tây-sơn tại thành Qui-nhơn, thì Quận-công làm chức Tả-quân, còn cha tôi thì làm chức Hậu-quân. Khi cha tôi mất tại thành Bình-định, thì Quận-công đem binh đánh lấy Phú-xuân, dẹp yên Tây-sơn, rồi kéo binh luôn ra Bắc-Kỳ mà bắt bọn Nguyễn-quan-Toản. Sau lại Quận-công trở về Gia-định dẹp giặc Xiêm-la, bảo hộ nước Cao-man, công nghiệp Quận-công đánh bắc dẹp nam, chẳng biết bao nhiêu, văn oai võ

diện, tôi nghĩ tôi rất vô phước, rủi cho cha mẹ tôi mất sớm, chớ chi cha mẹ tôi còn mạnh giỏi như Quận-công thì tôi cũng đăng gọi một bức quốc-thích Hoàng-thân và một bức công-tử đương thời như Bạch-xuân-Phương ngày nay đó vậy.”

Lê-Công nghe nói chúm-chím mình cười, rồi nói với Đông-Sơ rằng : “Ấy là ta hỏi thử người đó thôi, người chẳng nên phàn nàn, chết như cha người đó là một sự chết vinh vang cho tổ quốc nước non, chết như vậy mới là danh thơm thanh sử, tiếng để ngàn thu ; chết như vậy mới miếu phụng đình thờ. Cái phượng danh của cha người ngày nay bia tạc nơi Võ-trụ san-hà, ai ai mà chẳng tiếc thương sùng bái.

Nay nhơn có thánh chỉ của Hoàng-thượng phong ban cho người làm chức Trung-úy, để ở bốn trấn từng quân cùng ta. Nay ta nghe quân Hải-khẩu bên Trung-quốc, hay lại tàng ẩn trong mấy cái cù lao nơi mặt biển Đông-dương, mà cướp đoạt những ghe thương hồ, và nhiều hại lê thứ, vậy người hãy ra tỉnh Hải-dương lãnh mười chiếc chiến thuyền và 200 thủy binh, mà dẹp quân Hải-khẩu, và du thám địa thế các cửa biển tỉnh Quảng-đông rồi làm một bản đồ cho chắc chắn, mà nạp cho ta rõ, người hãy hết lòng cần cán, lo lập công nghiệp với nước nhà, và noi theo gương trung liệt của tiền-nhơn người, là quan Hậu-quân Võ-công ngày xưa, cho đáng một chức phận nam nhi của con giòng cửa tướng.

Vậy người hãy ráng mà lãnh cái trách nhiệm ấy cho hoàn toàn, rồi ta sẽ bảo tấu cùng Triều-đình, đăng gia thăng cho người quyền tước.”

Đông-Sơ cúi đầu vâng lệnh và từ giã Lê-Công, rồi trở về lữ-quán. Đó rồi nghĩ tới sự nhơn duyên trắc trở, mai mối chưa thành, nay lại phụng mạng tuần-dương, đem ngày tháng mà quăng theo chơn trời mặt biển, biết chừng nào mới đăng công vụ hoàn thành, và ngày nào mới đăng trở về mà vầy duyên can lệ.

Nghĩ chừng nào thì cái tình của hồng nhan nhi nữ, nó càng làm cho bịn rịn chí khí anh-hùng ; khiến cho bối rối tơ lòng, ngồi mà sững sờ buồn bã, rồi lại nghĩ tới cái phận tang bồng, đã mang một vóc máu thịt đường đường, đầu đội trời chơn đạp đất, thì phải ra mà gánh vác non sông, chống một thanh gươm giữa chốn phong trần, cho rõ mặt tu mi, thì mới gọi một đứng nam nhi trong hoàn-võ.

Đó rồi Đông-Sơ bước lại thơ-phòng viết một tâm thư rồi kêu thơ-đồng mà dặn : phải đem qua dinh Tiểu-thơ đón choặng thể-nữ Xuân-Đào, thì sẽ giao thơ, biểu nó đưa cho Tiểu-thơ khai khán.

Thơ-đồng lãnh mạng ra đi, khi tới trước dinh Tiểu-thơ thì đứng ngoài hoa-viên lấp ló dòm vô một hồi nhưng không thấy ai, bèn lén lén bước vào, đương ngóng cổ ngó đón dác trước sau, chẳng dè con chó nằm nơi góc vườn thấy anh ta bộ tướng dị kỳ, thì chạy xốc lại, há miệng nhả răng, cắn ngang ống quần một cái. Anh ta thất kinh chạy vòng theo mé hồ sen, và chạy và la: chó, chó.

Thể-nữ Xuân-Đào đương đứng phía sau hồ sen, nghe la chạy ra, chẳng dè thơ-đồng chạy lại vấp chơn té vào mình Xuân-Đào, làm cho Xuân-Đào hoảng hồn, con chó thấy vậy lại rượt theo, thơ-đồng hoảng kinh nhảy ngay xuống hồ, đứng chần ngẩn như thần Hà-bá, mắt thì nháy nháy thể-nữ tía lia, miệng thì la chó chó inh ỏi.

Thể-nữ thấy dị kỳ cũng bùm miệng tức cười. Rồi day lại hỏi thơ-đồng rằng : “Chú vào đây có việc chi, sao đi không kêu người ta coi chó ?”

Thơ-đồng lật đật leo lên và thở hào hển và nói : “Cô không la con chó, để nó cắn tôi rách cả một ống quần, ấy là cầu bất giá. Tôi thì vợ con không có, mà rủi lại bị chó xé quần, ở đây tứ cố đều người dưng, tôi biết mượn ai vá lại, thôi để tôi ra tay cổi đại, xin cô chịu khó nhíp giùm.”

Thế-nữ nói : “Hé, chú đừng nói điên, tôi xích chó ra cắn nữa mà chết, chú ở đâu lạ mặt, đến đây có việc chi, xin hãy nói cho mau đi, chớ chẳng nên buông lời pha lửng.”

Thơ-dồng lật đật lấy thơ đưa ra cho Xuân-Đào và nói : “Xin cô làm ơn giao lại cho Tiểu-thơ, nói rằng quan Trung-úy Võ-đông-Sơ kính gửi.”

Thế-nữ lấy thơ rồi vội vàng trở vô đưa cho Tiểu-thơ. Tiểu-thơ dở ra xem. Thơ như vậy :

“ Tôi mới tiếp đặng thánh-chỉ, sai đi tuần thám Đông-dương, quân mạng tại thân, chẳng dám trì hoãn, vậy tôi muốn cùng Tình-khanh hội diện, đặng ngày mai sắm sửa đăng trình. Xin tối ra Lương-đình, đặng tôi tỏ ít lời từ biệt.”

Ký tên : VÕ-ĐÔNG-SƠ

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười

Bạch-thu-Hà xem rồi, thơ thần vào ra, nghĩ cuộc tơ-duyên xằng xít chưa xong, nay lại thêm một mối dây sâu bận bịu. Kể tối Tiểu thơ và thể-nữ dắt nhau ra Lương-đình, thì đã thấy Đông-Sơ đứng chực ngoài hoa-viên. Tiểu-thơ biểu thể-nữ Xuân-Đào ra mời, Đông-Sơ vội vã bước vào chào Tiểu-thơ và nói : “Hôm nay tôi muốn gặp Tình-khanh đặng ngỏ ít lời tâm sự, ngày mai này thì chúng ta phải phân cách nhau, kẻ bắc người nam, chưa biết chừng nào mới đặng trùng phùng tái hội, tôi nghĩ mà buồn cho con tạo-hóa trở trêu, gặt gẫm lòng người rất nhiều đều gay gắt. Đã khiến cho đôi ta tơ tình vương vấn, chưa vui sum hiệp lương duyên, bỗng chút lại làm cho anh én lạc bầy, phân chia nam-bắc, vì vậy nên tôi đến mà tỏ chút niềm riêng, Tình-khanh ôi ! và xin Tình-khanh giữ dạ đá vàng mà nhớ lời ước thệ trăm năm, cho bằng lòng kẻ chơn trời mặt biển.”

Tiểu-thơ nói : “Lang-quân ôi ! Đôi ta đã deo lời ước thệ rằng : “Đem duyên tơ tóc mà kết một giải đồng, thì dầu cho cách xa nhau vạn-thủy thiên-sơn, cũng giữ gìn một lòng thiết-thạch. Ví dầu lâm tai ngộ biến thế nào, cũng chẳng dám dời lòng đổi dạ, sự thương yêu của đôi ta đây, đã đúc ra một khối ái-tình rất chắc chắn nặng nề, dầu mài cũng chẳng mòn, mà đập cũng không bể.

Song cái khối tình ấy chưa có dịp chi mà tỏ ra lời nói và việc làm cho thấy rõ ràng trước mắt, thế thì ngày nay kẻ đứng tạo-hóa kia muốn đem cái trường ly sâu biệt hận này, mà ướm thử lòng chúng ta, đặng xem cho biết ai là người bền dạ chặt lòng ; và ai là kẻ vong tình phụ nghĩa.

Vậy ta chẳng nên hờn trách tạo-hóa rằng trở trêu muốn đem chuyện khó khăn mà phỉnh-phờ lòng người dương-thế ; ta phải nống trí với càn khôn, kình gan cùng tuế nguyệt, đặng để mà xem thử lòng nhau, thì ngày kia sẽ biết ; nếu lấy một giọt nước mắt ai bi, cùng một ít lời tư thiết, mà gọi rằng thương yêu nhau, thì tôi tưởng chẳng khác chi đám nhi nữ thường tình, mà làm cho anh-hùng đoản khí, thì tôi không hề làm đặng.

Khi tôi đọc thơ Lang-quân rồi, thì các sự buồn bã đã xấn vắn xúm xít, áp lại mà thăm thì cắn nhả trong ruột gan tôi ; dường như phàn nàn cùng tôi rằng : Thảm thay ! cho nhờn duyên trắc trở, mới hiệp rồi tan, mới gần rồi cách, làm cho kẻ ở người đi ; mà phải xào gan héo ruột. Cái sự buồn ấy làm cho tôi phải quảy một gánh tư tưởng nặng nề nơi vai, mà xem ngày dường đêm, xem tháng dường năm, xem ngày vui kia vẫn chẳng đầy gang ; còn ngày buồn này lại dài hơn muôn ngàn dặm cách.

Cái buồn ấy làm cho tôi xem đến nước non hoa cỏ, thì thấy xủ lá phai màu, xem đến phong cảnh trăng mây, thì thấy xơ rơ lờ lạc. Cái cảnh tình ấy dường như thấy tôi buồn, thì xúm lại mà phân phiền chia thảm cùng tôi. Nhưng mà trước mặt lang-quân đây, tôi đã dấu giếm cái sự buồn ấy vào lòng, chẳng muốn để nó tràn ra ngoài nét mày sắc mặt, mà làm cho bận bịu nước bước anh-hùng, và cũng chẳng muốn để cho nó lộn theo câu chuyện giọng tình, mà cản trở con đường nghĩa vụ.

Cái phận sự chúng ta đây phải thương tưởng Việt-Nam như cha mẹ, trứu mẫn Việt-Nam như vợ chồng. Chúng ta nhờ ngọn rau tấc đất của Việt-Nam mà đặng khôn lớn trưởng thành, chúng ta nhờ cái phong thổ nước non Việt-Nam mà đặng an cư lạc nghiệp, nay Lang-quân là con trai của Việt-Nam, ra mà gánh vác một phần nghĩa vụ của nước non trên vai. Vậy thì tôi xin để một cái danh giá trượng phu rõ ràng cho Lang-quân, tôi muốn để cho Lang-quân thông thả mà làm trai Việt-Nam cho rõ mặt phi-thường, đặng để chút phương danh nơi lịch sử, như thế thì tôi cũng đặng lãnh một chút danh giá tốt của gái

Việt-Nam, và làm một gương nội trợ cho bọn quần-xoa nữ giới.”

Đông-Sơ nghe Tiểu-thơ bàn luận mấy điều, thì càng đem lòng thương yêu kính phục mà đáp lại rằng : “Tình-khanh ôi ! những lời của Tình-khanh phân trần nghị luận ; làm cho tôi thấy một lý tưởng rất đích đáng cao kỳ. Tình-khanh tuy là mặc cái lốt quần vận yếm mang, liễu bồ nhược chất mặc dầu, nhưng mà cái phẩm hạnh khảng khái thông minh, biết nghị luận sự lợi hại hơn thua với chồng, và biết tới sự đối đãi với nước nhà giòng giống ; như vậy mới là một người đôn bà tề gia nội trợ, và đáng mặt một phẩm giá của con nhà phiệt duyệt trâm anh, chứ chẳng phải như bọn gái hạ lưu kia, ngơ ngẩn hững hờ, chẳng biết cái tình nghĩa cách thức đối đãi với chồng thế nào, cho ý tứ thâm trầm, chẳng biết chấn chỉnh việc gia đình thế nào, cho vẻ viên hòa nhã. Xem cái phận sự nội trợ lỏng lẻo như đồ chơi, xem cái luân lý cang thường của vợ chồng như tuồng qua đường trăng gió ; lằng lằng lơ lơ, ngơ ngơ ngửng ngửng, chỉ biết đem cả cái đời thật thà mà xăn bắn theo xó bếp núc kia, ngỡ là sự kiến thức theo trách cá nồi cơm, bông con vá áo, bấy nhiêu thì gọi rằng đủ ; lại có kẻ tập theo thói hư hèn lãng phí, chỉ biết mơn trớn theo mấy cây bài, đem cả tên tuổi ngày giờ quý báu kia mà chôn vào mấy sòng cờ bạc, chẳng biết nghĩ đến cái giọt mồ hôi trong huyết mạch của chồng, chảy ra đã lắm khi lao tâm khổ tứ.

Xét lại những đôn bà như thế, thì ai cho rằng đứng bậc nữ lưu khôn ngoan, và ai dùng làm kẻ tề gia nội trợ cho đáng.

Nay tôi nghĩ cho tôi lấy làm hạnh phúc, gặp được Tình-khanh đây, và nghe những lời châu ngọc của Tình-khanh, từ lý thâm trầm, dẫu mà tôi xa cách bao nhiêu non nước quan-hà thì tôi cũng vui lòng nơi chốn hải-dốc thiên-nhai, và tôi sẽ khấn vái với cao dày, cho cái mảnh hình hài này mạnh giỏi trong cơn mũi đạn lằn tên, đừng giữ một lòng chung thủy với Tình-khanh, mà xem cơ tạo-hóa đối đời đến thế nào cho biết.”

Đông-Sơ nói rồi gieo mình ngồi nơi ghế, còn Tiểu-thơ mắt ngó lơ là ra

hoa-viên, hai người đều lẳng lặng làm thinh một hồi, không nói chi hết. Kế Đông-Sơ ghé mắt ngó lại Tiểu-thơ, thì thấy hai tròng thu-ba, đã rưng rưng giọt lụy, chảy xuống đọng trên hai gò má hồng nhan, dường như hột sương mai đọng cánh hoa đào, nhấp nháng như hột châu đeo má phấn.

Đông-Sơ liền kêu Tiểu-thơ mà hỏi rằng : “Này Tình-khanh ! Tình-khanh mới nói cùng tôi rằng sự khóc lóc là đám nhi nữ thường tình ; sao bây giờ tôi xem Tình-khanh đã rưng rưng hai hàng lụy ngọc đó vậy ?”

Tiểu-thơ day lại mình cười và đáp rằng : “Lang-quân có biết cái giọt nước mắt này là nước mắt gì chăng ?”

Đông-Sơ nói :

“Tình-khanh ôi ! nước mắt ấy là :

Nước mắt thuyền-quyên trong biển ái,

Đau lòng ly hận giọt tình rơi.

Có phải vậy chăng ?”

Tiểu-thơ nghe rồi lắc đầu mà đáp rằng : “Lang-quân ôi Lang-quân, nói câu trên thì nghe cũng mĩa mai, nhưng mà câu dưới thì chưa nhắm ý thiếp.

Nước mắt này là nước mắt thương người đờm đương nghĩa vụ, cực cho thân, lội lặn góc phương trời ; nước mắt này là nước mắt căm kẻ khăng khái trượng-phu, vì việc nước, xông pha lặn khói đạn. Chớ nào phải nước mắt ly sầu biệt hận của phụ-nữ thường tình, để mà cản anh-hùng trong lúc lên đường nghĩa vụ đó đâu. Vậy xin Lang-quân hãy xem cho rõ.”

Đông-Sơ nghe nói rồi thì bước lại ôm Tiểu-thơ vào lòng, và kê miệng nơi hai má đào non, là chỗ hột lụy đương rơi, mà hun cách thương yêu thân thiết,

rồi đứng nhìn mặt Tiểu-thơ mà nói rằng :

“Tình-Khanh ôi ! cái hun này làm cho tôi hít đặng mùi thơm tho nơi má hồng nhan, mà phì gan nở ruột, cái giọt nước mắt trong mạch ái-tình chảy ra đây, tôi nếm vào rất nặng lòng thấm dạ, dầu cho vàng trăm thoi, bạc ngàn lượng, cũng không mua cái giọt nước mắt thuyền-quyên, rất tình tứ thâm trầm này đặng.”

Đó rồi Tiểu-thơ bước lại bàn lấy gói áo đưa cho Đông-Sơ mà rằng :

“Vậy đương lúc đông-thiên lạnh lẽo, gió tuyết mưa sương, xin Lang-quân lấy áo hồ-cừu này là áo của tôi để ngự-hàn, đặng đem theo mà mặc cho đỡ khi sương tuyết lạnh lùng, và Lang-quân thấy nó cũng như thấy tôi. Xin Lang-quân hãy bảo trọng thân danh ; nơi chốn hải-giác thiên-nhai, tôi sẽ thường đêm, bái phật khẩn thần cho Lang-quân thuyền khai đắc thắng, pháo phát thành công, cho chức vụ hoàn toàn, đặng mau trở gót quan-hà, tôi sẽ hầu chén tẩy trần, mà đợi lúc khai-hoàn hậu hội.”

Kế đó Đông-Sơ lấy áo hồ-cừu choàng trên vai, rồi từ giã Tiểu-thơ, mở cửa lương-đình bước ra, thì thấy gương ô đà lấp ló vừng đông, bóng hồng đã rụng theo chót núi. Khi Đông-Sơ về đến lữ-quán rồi, sắm sửa hành lý ra tỉnh Hải-dương, lãnh một đội chiến-thuyền và Thủy-binh, đi dẹp quân Hải-khẩu Trung-quốc.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười Một

Đây tôi xin để dẹp sự tích Võ-đông-Sơ đi tuần dương ; đặt nhắc lại Bạch-tiểu-thơ khi từ biệt Đông-Sơ rồi. Cách ít ngày, bữa nọ đương ngồi nơi tư-phòng coi sách, kẻ thế-nữ Xuân-Đào chạy vô hơ hải kê Bạch-tiểu-thơ và nói : “Thưa cô, ông ở tại kinh-đô thọ bệnh, nay đã về tới trước dinh, Bạch-công-tử đương đỡ ông vô ; xin cô ra coi ông đau bệnh chi cho biết.”

Tiểu-thơ nghe nói thất kinh, lật đật chạy ra trước dinh, thì thấy gia-đình và công-tử đương đỡ Bạch-công đem vô. Tiểu-thơ chạy lại đỡ cha, thì thấy thần-sắc kém suy, hai mắt lim dim, xem dường mê mệt.

Đó rồi đem Bạch-công thẳng vô phòng để nằm nơi giường. Tiểu-thơ đứng một bên cha và hỏi rằng : “Cha ôi ! Cha đau bệnh chi, mà con coi cha hình thù suy nhược như vậy ?” Bạch-công nghe Tiểu-thơ hỏi thì mở mắt ra và nói : “Khi cha ở tại kinh-đô, thọ bệnh, thì các lương-y nói : bị chứng ngoại cảm phong hàn, nội thương tạng phủ, nên bắt mê mẩn tâm thần, và ăn uống không đặng. Các lương-y đã điều-trị nhiều phương mà bệnh không thuyên giảm ; cha nghĩ những sự đau đớn bệnh hoạn là một cái khổ hình của luật tạo-hóa, để mà hành phạt đọa đày xác thịt con người ở cõi phù-sanh này, làm cho huyết mạch tiêu ma, tinh-thần liệt bại, và nhiều khi diễn ra một trường rất kịch liệt ai bi, và làm cho cha phải lìa con, tôi phải lìa chúa, mà chôn chung nơi một cái hòm đất trong trái địa-cầu này, là chỗ thêm-thiếp một giấc ngủ ngàn năm, không khi nào đặng trùng-phùng tái-hội. Nay cha đã rủi lâm đại bệnh, cha nghĩ lại những sự kim mã ngọc đường, vinh-hoa phú quý nơi cảnh phù sanh này, dường một giấc Huỳnh-lương mơ màng, như một ngọn đèn tàn để chong dưới gió ! Thế thì ngày nay là ngày cha phải lìa con, mà nhắm mắt nơi chốn

tuyền đài, cho yên phần mạng vận.” Nói rồi mệt đã hết hơi.

Bạch-công-tử thấy vậy an ủi cha mà rằng : “Xin cha nằm mà tịnh dưỡng tinh thần, rồi con sẽ rước thầy thuốc thang điều trị.”

Tiểu-thơ lấy tay sờ nơi trán Bạch-công và lấy mền đắp lại và nói rằng : “Cha ôi ! Cha ráng nghỉ một chút cho khoẻ, rồi thầy thuốc lại coi, đừng lo điều trị ít ngày, họa may bệnh kia thuyên giảm.” Chẳng dè từ đây thì bệnh càng ngày càng trầm trọng, thuốc thang đã hết sức, mà chẳng thấy bệnh giảm chút nào.

Còn cơm cháo thì không ăn, tâm thần lại thêm mê mệt. Tiểu-thơ ngày đêm thao thức, ở một bên cha, săn sóc thuốc thang, vái van cầu khẩn.

Bữa nọ Bạch-công bứt rứt chẳng yên, thì biết bệnh thể thùy-nguy, không phương cứu đặng, bèn kêu Công-tử và Tiểu-thơ mà nói : “Hai con ôi ! Cha nay bệnh đã thùy-nguy ngày thêm trầm trọng, cha chẳng may hồn về chín tuổi thì con phải lo mà kế nghiệp gia đình, nhớ câu cốt nhục tình thâm, anh em ở cho hòa nhã” rồi ngó Bạch-công-tử mà nói : “Em con là Bạch-thu-Hà nay đã trưởng thành, chưa bề gia thất. Vậy một mai cha có ly trần rồi, thì con quyền huynh thế phụ, lựa chỗ xứng lứa vừa đôi, mà lo việc tóc tơ, định bề hôn phối cho nó, song chẳng nên ép uổng duyên em, làm cho đường-đệ bất hòa, mà sanh đều thủ túc phân ly, gia đình thất tự, thì hồn cha nơi chín tuổi chẳng đặng yên lòng.”

Tiểu-thơ nghe cha nói vậy, thì lại quì một bên, rồi giọt lụy đầm dề, khóc mà nói rằng : “Cha ôi ! Mẹ con chẳng may mất sớm, con chưa báo bổ ơn sâu dưỡng dục, công nặng sanh thành, ngờ là cha đặng bình yên mạnh giỏi, mà vui cùng con trong lúc kỷ trưởng niên cao, đặng cho con thần tỉnh mộ khang, mà gọi rằng đền bồi chút công ơn, trong muôn phần lấy một ; chẳng dè cha nay rủi lâm trọng bệnh, đã biết rằng tử sanh bởi số, chẳng ai thoát khỏi mạng trời. Nhưng mà con rất hờn là hờn cái lười gươm phong vân mạc trắc, ai nữ

đem đến thành-linh, mà cắt dây phụ tử thâm tình, làm cho phân ly rất vội.

Còn việc nhơn duyên con trẻ, thì xin cha chớ nhọc lòng, trong thiên hạ những bậc trai tài gái sắc, chẳng thiếu chi người, lẽ đâu chẳng có một chồng, mà cha lo làm chi cho mệt trí. Chí như cha mẹ là ơn sâu tợ biển, công nặng dường non, hễ một mai mất rồi, thì biết đâu mà kiếm cho đặng.

Cha ôi ! nếu cha có bề nào thì giọt nước mắt thâm tình này, chảy ra biết bao nhiêu cho cạn.” Nói rồi cúi đầu bên góc giường mà khóc than rất ai bi thảm thiết.

Bạch-công nghe rồi, thì mắt rưng rưng, giọt lụy đôi tròn ; và hồn thiếp thiếp, ngàn thu một giấc.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười Hai

Thiều-quang thắm thoát, qua lệ đường tên, vừa cuối ba xuân, kể đầu chín hạ. Bạch-Tiểu-thơ bữa nọ đương ngồi trong thơ-phòng với thể nữ Xuân-Đào, người thì lo sẵn sóc đường kim mỗi chỉ, gọi chút làm khuây, kẻ thì đọc truyện xem thi, đặng giải cơn phiền muộn.

Xảy đâu Bạch-công-tử ngoài cửa bước vô, rồi lại ngồi nơi ghế ; và nói với Tiểu-thơ rằng : “Nầy em, anh có một việc cần kíp, đến tỏ cho em hay. Mấy tháng nay có một người con ông Thiên-hộ ở Hà-đông tên là Vương-Bích, đã nhiều phen cậy người đến nói với anh về việc lương duyên của em, nhưng anh thấy Xuân-đường mới khoản, em còn chác não đeo sầu, nên anh đình đãi bấy lâu, chưa tỏ ra cho em biết, nay thấy em đã bớt lòng sầu muộn, nên anh đến đây, trước là vưng theo lời di ngôn của nghiêm-đường dạy bảo, sau là định cuộc hôn duyên của em cho hoàn thành ; như vậy mới là yên lòng cha nơi chốn tuyền đài, và phận em cũng đặng xong về gia thất.”

Tiểu-thơ nghe nói thì sửng sốt một hồi, rồi day lại trả lời một cách khoan thai tề chỉnh rằng : “Thưa anh, việc xuân-đường mới khoản, lòng em sầu não chưa nguôi, lý đâu trong lúc thủ hiếu cư tang, mà lại tính cuộc hôn nhân giá thú, như vậy em e chẳng những phận làm con lỗi đạo với mẹ cha, mà lại miệng như thể sanh nhiều lời dị nghị lắm chăng ?”

Nói chưa dứt, kể vợ công-tử là Trần-thị, ngoài cửa hớn hở bước vô, mắt ngó Tiểu-thơ và cười và nói : “Cô nương, tôi rất mừng cho cô nó nay gặp cuộc hôn duyên may mắn đã đặng nơi gởi phận cát đặng, tôi nhắm sơ qua, thì duyên đã bén duyên, còn xem kỹ lại, thì lứa cũng nên xứng lứa, ai thì tôi

không dám chắc, chớ như Vương-Bích này, thật là một người đại thương cự phú, mà lại đáng tay hào hiệp phong lưu, việc gia tài thì bạc chứa đầy rương, còn bề ruộng đất thì còn bay thẳng kiến. Cô nó nghĩ đó mà coi, ấy cũng là phước nhà hân hạnh, nên khiến cho cô nó gặp chỗ giàu sang, vậy phải trang gái sắc chứa nhà vàng, và chẳng hổ phận lâu son treo giá ngọc ; nếu chẳng phải bực hào gia vọng tộc, thì vợ chồng tôi dám đâu ép liễu nài hoa. Song tôi nghĩ việc ấy cũng việc nhà, nên phải cặn lời hơn lẽ thiệt cho cô nó rõ.”

Tiểu-thơ nói : “Thưa anh chị, anh chị đã đem lòng thương tưởng, thì em biết bao muôn đội ơn lòng, nhưng mà việc hôn nhơn là một việc rất trọng hệ trong đạo cang thường, xin đình đãi mà lóng đục dò trong, lẽ đâu dám khinh sức mà hứa đùa ừ vội cho đặt. Nếu không dè dặt, thì tôi e lương duyên sẽ trở ra ác duyên, bằng chẳng kén lựa, thì giai ngẫu sẽ thành ra thất ngẫu.

Vả lại những sự tiền tài giàu có ấy, nếu chẳng phải ở nơi giọt nước mồ hôi mình làm ra, và chẳng phải ở nơi khối trí não lo lắng cực nhọc mà có đặt, thì tiền bạc ấy là một vật hoạnh tài, và là một sự giàu có bề ngoài đó thôi, nay nó ở người này, mai nó sang tay người khác. Nếu mình chẳng có trí não đủ mà kèm chế giữ gìn, thì kẻ khác sẽ dùng mưu kia chước nọ mà dứt dành soạn đoạt. Chí như sự trí não trong óc người, là một hòn núi kim-sơn, là một nguồn sông Lệ-thủy, vàng bạc châu báu đều bởi đó mà sanh ra, phú quý vinh hoa, cũng bởi đó mà thành tựu.

Vì vậy nên em chuộng sự giàu có bề trong trí não, hơn là sự giàu có bề ngoài tiền tài ; chuộng những người có tư tưởng linh hồn, có tinh thần học thức, biết phò nguy tế nhược, trị quốc tề gia ; lúc ở nhà thì biết hiếu sự mẹ cha, giữ gìn giềng mối, khi ra ngoài thì biết thi ân tộ nghĩa, mà đối đãi đồng nhơn, biết lo chấn chỉnh gia cang, biết tính kinh dinh quyền lợi, em chuộng là chuộng những kẻ đờm đương nghĩa vụ, biết thương yêu chủng tộc đồng bào, biết giữ cái chí khí trượng phu mà để phương danh cùng võ-trụ.

Chí như những kẻ núp theo mái gia tài sự nghiệp của tổ phụ lưu truyền,

đặng mà lãng phí chơi bời, đem tên tuổi thân danh mà vùi lấp vào trận mê hồn của huê tường tử địa, mà làm mặt cao sang, xưng mình rằng giàu có, song xét lại thì trong óc không chút học thức, trong ruột chẳng chút tài năng, coi cái sự nghiệp của tổ phụ sáng tạo như trò chơi, xem xứ sở quê hương như tuồng tha bang dị vực. Xứ nào rủi mà sanh sản những bậc ấy nhiều, thì chẳng bao lâu thành ra một phái du đăng, để mà khuấy nước hại dân, và là một giống sâu mọt của bạc tiền, để làm cho tán gia bại sản ; để mà làm cho bại hoại cái hậu vận của nước nhà, và cuộc tiền đồ của giòng giống.

Vì vậy nên em để mà lừa lọc những người có đức hạnh nhơn tình, chớ chẳng chuộng những kẻ tiền nhiều mà óc trống, dầu em chẳng gặp đặng người đồng tâm hiệp ý, thì thà em liêu quá một đời xuân xanh này, cũng chẳng ăn năn phiền trách chi hết.”

Công-tử nghe Tiểu-thơ phân tỏ mấy lời, thì mặt xàu mày nhú, mà tự nghĩ rằng : “Nếu con này mình không lấy oai mà ép buộc, thì việc hôn nhân ắt chẳng đặng thành. Vả lại mình đã cùng Vương-Bích hứa hôn lỡ rồi, nếu để thất ngôn thì mang đều hổ thẹn.” Nghĩ vậy rồi day lại lấy giọng nghiêm nghị mà nói rằng : “Sự này em cũng rõ biết rằng anh vững lời cha di ngôn trong cơn bình ngất, nên phải tính cho em thành cuộc nhơn duyên, và lấy theo lễ huynh thế phụ quyền, thì chẳng những anh gánh vác việc gia đình mà thôi, mà anh cũng đặng cầm quyền khuyên răn trừng trị nữa.

Vả lại nay anh đã hứa gả em cho Vương-Bích rồi, và đã định ngày giá thú nội tháng này, thì phải cho sính lễ nghinh hôn. Nếu em chối từ dự dự, chẳng chịu thuận lời, thì anh thề quyết chẳng nhìn một đứa ngỗ nghịch như em, là người đồng bào cốt nhục.”

Tiểu-thơ liếc thấy anh mặt đã có hơi hừng hừng sắc giận, thì ngời lảng lảng làm thinh. Vợ công-tử là Trần-thị thấy vậy, day lại nói với Tiểu-thơ rằng : “Cô nó phải suy đi xét lại, mà ưng thuận cho rồi, chẳng nên để cho đường-đệ bất hòa, mà sanh đều gia đình lộn xộn.”

Tiểu-thơ thấy anh chị đều quyết tình ép uống, thì biết rằng khó nổi nghịch lời, bèn day lại mà nói rằng : “Em dám đâu nghịch ý, xin anh chị yên lòng, miễn cho gia đạo thuận hòa, dầu anh khiến sao thì em cũng nghe vậy.”

Vợ chồng Công-tử thấy Tiểu-thơ bằng lòng thuận ý, thì chẳng xiết vui mừng. Đó rồi dắt nhau hơn hờ trở về, và thông tin cho Vương-Bích hay, đặt sắm sửa lo bề cưới gả.

Nguyên tên Vương-Bích này là người hưởng thừa phụ-âm, và cũng là tay lãnh hạnh phong tình, ngày lân la tửu điểm trà đình, tối ngả ngón hoa hồng nguyệt phách. Khi thấy Tiểu-thơ là một gái giai nhơn tuyệt sắc, thì biết bao tình luyến ngọc mê hương. Vì vậy nên cây mai nhơn đem lễ vật bạc vàng, thi ân nghĩa đặt mua lòng công-tử . Thế tình thiên-hạ, hễ thấy bạc thì ham, bởi nơi bị một chữ tham, nên tục đời gọi kiến tài thì ám nhãn. Còn Vương-Bích vẫn là tay hào ba phóng đảng, tánh từng quen nghiêng túi bốc rời, đã nhiều phen đổ một trận cười, dầu trăm lượng cũng phí phà chẳng tiếc. Huống chi cuộc nhơn duyên giá thú, hễ cây thần tài cao lễ thì dễ thừa, miễn là gặp đảng người ý đẹp tình ưa, dầu hết kho sản muôn ngàn cũng trút.

Tội nghiệp thay cho Tiểu-thơ là một gái đào thơ liễu yếu, bị chịu lòn ràng buộc dưới quyền anh, dầu cho nợ nhơn duyên lòng thật chẳng đành ; nhưng mà đều hơn thiệt khó buông lời nghịch luận. Vì vậy nên Tiểu-thơ phải dẫn lòng hóp bụng, chỉ lo nhẫn khí hàm thình, để mà xem con Tạo xoay vần, liệu nhắm mắt tới đâu hay đó.

Đoạn Vương-Bích đặt tin công-tử gởi sang, định ngày cho làm lễ cưới, thì phình gan nở ruột, nhảy nhót múa men, chẳng biết bao nhiêu hơn hờ vui mừng, lòng mong mỏi cho ngày giờ mau tới. Đó rồi lo sắm sửa những đồ trang liêm lễ vật, lãnh xăng dọn dẹp cửa nhà, nào là kim tòng xích tụ, trước sau xem rất hoa hòe. Nào là liễn gấm màn thêu, bốn phía phủ giăng đẹp đẽ, đèn treo ngũ phước, hàng thắt tứ linh, chỗ thì biển ốc xoa cù, chỗ thì chũng

đồ cổ ngoạn, phòng buồng rực rỡ, đèn đuốc huy hoàng, vẻ viên đáng mặt giàu sang, ai thấy chẳng khen nhà đại gia lương đồng.

Đến bữa cưới, nào là viên-quan quới-khách, công-tử vương-tôn, nào là thân sĩ văn nho, thân bằng thiết hữu, ai ai cũng tới khánh hạ tân hôn, mà mừng cho Vương-Bích đăng kỳ ngộ lương duyên, vinh hài giai ngẫu.

Bên Bạch-công-tử cũng dọn dẹp nghi tiết trang hoàng, xe kiệu chờ ngày tống giá.

Còn Tiểu-thơ và thể-nữ Xuân-Đào sớm tối ở nơi tư phòng, lo thêu tiểu vá may, sửa soạn đồ nữ trang quần áo.

Vợ chồng công-tử thấy Tiểu-thơ vui vẻ, thì phới phở lòng mừng.

Tối lại, Tiểu-thơ ăn mặc nghiêm trang, ra trước Từ-đường thắp nhang đèn và lạy cha mẹ rồi đứng bên giường thờ mà khóc và nói : “Cha mẹ ôi ! cha mẹ trong lúc sanh tiền biết bao lao tâm khổ não, lo mà soán tạo một sự nghiệp qui mô này, ngỡ là sắm một cuộc khoái lạc thanh nhàn, đặng đem cái ngày tháng dư dả sau đây, mà tịnh dưỡng tinh thần trong lúc tuổi cao tác yếu, và chung vui sum hiệp cùng con cái một nhà. Nay con ra đến cái từ-đường này, mà bái biệt cha mẹ thì rất hiu quạnh im lìm, chỉ thấy lư-hương ngui ngút, bài vị lơ mờ, với hai ngọn hồng đăng nhấp nháng, sáp chảy nhiều xuống ròng ròng chảy mà thôi ! dường như cha mẹ thấy con gần ra khỏi nhà mà rưng rưng hai hàng giọt lệ đó vậy.

Cha mẹ ôi ! Nhà này là nhà con rất thương yêu trứu mến, từ nhỏ đến giờ, mười chín năm dư, chẳng hề rời ra khỏi cửa. Nhà này là chỗ dấu tích nhau rún của con, nhờ đó mà ăn no mặc ấm, khôn lớn trưởng thành. Nhà này là một chỗ đoàn tụ cha mẹ anh em bấy lâu, mà làm một gia tộc rất yêu dấu thuận toàn, rất vinh vang vui vẻ. Nhà này là chỗ cha mẹ cho con một khối máu thịt hình hài, ngày nay đặng tóc dài da thắm, mảnh mảnh ma ma, thành

ra một vóc yếu điệu hồng nhan này, để ngày nay đăng làm con dâu cho nhà khác.

Cha mẹ ôi ! Cái phận mỏng mảnh đào thơ liễu yếu này, trong 12 bến nước, con chưa biết đâu là may rủi, biết đâu là đục trong. Con chỉ mong nhờ cái bến nước phước đức tiền nhơn, để làm một con đường tiền đồ hi vọng.

Nay ngày giờ đã tới, cực chẳng đã con phải phân rẽ chỗ xứ sở cha mẹ anh em, mà cất bước từng phu, và đưa chơn theo đường rủi may của tay tạo-hóa chỉ sử. Vậy thì con vái van cầu khẩn cho vong hồn cha mẹ, sanh ký tử qui, hiển hách anh linh mà chứng cho con ngày nay là ngày con bái biệt từ đường. Con chỉ lấy một sự thương yêu cha mẹ mà làm chỗ vọng tưởng trong tấm lòng con, đăng sớm tối phượng thờ, mà gọi rằng chút hiếu tình của nhi nữ.”

Tiểu-thơ than khóc một hồi rồi trở vô tư thất. Bỗng nghe ngoài ngõ rần rần xe ngựa, tới đậu trước dinh. Kế thấy Vương-Bích trên xe bước xuống, khăn áo trang hoàng, và vô bái yết từ đường rồi đem ra trăm lượng vàng ròng và đồ nữ-trang rất nên trọng giá, để làm lễ cưới, hai bên thân tộc thầy đều quới khách viên quan, trà rượu cỗ bàn đều sẵn sàng nghi tiết. Khi Vương-Bích bái hiện từ-đường rồi ra ngồi nơi ghế với Bạch-công-tử. Trà nước vừa xong, hai họ liền từ giã trở ra. Mai nhơn lại nói với công-tử, xin rước Tiểu-thơ lên xe, đăng về cho kịp giờ động phòng hoa chúc.

Công-tử liền biểu vợ là Trần-thị vô dắt Tiểu-thơ ra. Trần-thị lật đật chạy vào tư phòng của Tiểu-thơ, thì thấy cửa buồng mở rộng, đèn thấp sáng lò, coi lại thì vắng vẻ phòng không, chẳng thấy Tiểu-thơ và ai hết. Trần-thị vội vã chạy kiểm nơi các phòng kia và gạn hỏi gia-đình cũng chẳng ai thấy cả.

Trần-thị chạy ra tiền-đường nói với công-tử. Công-tử thất kinh, bèn đốc suất gia-đình tứ phía tìm kiếm Tiểu-thơ, song chẳng ai kiếm được. Còn ngoài đường thiên-hạ, đứng đã chật nức trước dinh, qua lại nhộn nhàng, kẻ đợi xem dâu, người chờ coi rể.

Đoạn Vương-Bích và mai nhơn đương đứng chờ Tiểu-thơ trước dinh, hồi lâu chẳng thấy, thì lật đật chạy tuốt ra sau tư phòng, thấy Bạch-công-tử đương đứng hờ hời ngó mông, thì bước lại hỏi thăm duyên cớ.

Công-tử nói : “Thật một sự quái gở, chẳng biết có sao Tiểu-thơ đâu mất, tìm kiếm chẳng ra, tôi đã hỏi tra mấy trẻ trong nhà, mà chẳng một ai rõ đặng.”

Vương-Bích nghe nói sững sờ. Kế công-tử bước vô phòng thì thấy một phong thơ để nằm trên ghế, lật đật dỡ thơ ra xem. Trần-thị và Vương-Bích cũng vội vã bước lại xem thơ, thì thấy nói như vậy :

“Kính cùng nhơn-huynh đặng rõ, từ khi xuân-đường tị thế, thì trong lòng em xây một thành sầu, chẳng biết bao nhiêu chất thảm chứa buồn, đau lòng xót dạ. Vì vậy em còn lòng nào mà vui cuộc nhơn duyên, động phòng huê chúc, vậy nay em chỉ còn biết một sự vui là đem cái thân sanh này mà quãng nơi vực thẳm sông sâu, là chỗ em tìm xuống tuyền đài đặng theo cha theo mẹ đó thôi.”

Một đứa em bạc mạng.

BẠCH-THU-HÀ tự ký.

Công-tử xem thơ rồi sốt mặt sáng mày. Hai vợ chồng lấy mắt ngó nhau chừng hững, rồi đứng trơ trơ như nộm gỗ. Còn Vương-Bích nghe đọc rồi, thì hai gối như riu riu rụng xương, bủn rủn tay chơn, mặt mày tái xanh, rồi té xỉu nơi ghế mà bất tỉnh.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười Ba

Từ khi Võ-đông-Sơ phụng mạng đi tuần dương, dẹp xong quân Hải-khẩu Trung-quốc rồi, thì lo sửa hành trang, đi với một tên bộ-hạ trở về Đông-kinh đăng phục mạng. Hai thầy trò lên đèo xuống ải chỉ lo giục ngựa buông cương, trông cho mau tới tỉnh thành, đằng trước là ra mắt Lê-công, sau là hội diện cùng Tiểu-thơ Bạch-thu-Hà mà tính cuộc nhơn duyên can lệ.

Khi đi tới một bến đò, thì trời đã tối, dựa bến có một chiếc ghe nhỏ nhỏ, để đưa hành khách qua sông. Đông-Sơ liền xuống ngựa bước lại đứng dựa cầu đò, đăng nhắm xem phong-cảnh, thì thấy một gương Hăng-nga tỏ rạng, ở dưới góc núi lần lần ló lên, và một giải trường-giang thình thang rất lớn, nước dọi bóng trắng, xem như răn đồn rờn doanh, muôn dặm hào quang soi nhấp nháng ; sóng xao gành núi, nghe dường đồn tàu nhạc rồi, ngàn trùng bạch thủy trắng phau phau.

Đông-Sơ đương đứng rảo mắt ngó mông, bỗng thấy một chiếc ghe, trương buồm bọc gió ở phía trên sông chạy xuống như tên. Khi chạy ngang qua trước bến đò, thì thấy hai người con gái ngồi dưới bóng đèn sáng ở trong mũi ghe, rõ ràng là Tiểu-thơ với thể-nữ Xuân-Đào, chẳng sai một mảy.

Đông-Sơ lấy làm lạ và tự nghĩ rằng : “Tiểu-thơ và thể-nữ chẳng lẽ đi đâu như vậy, mà cố sao xem hình trạng thì giống như hệt, chẳng khác chút nào, hay là người giống người mà mình mập mờ xem lộn đó chẳng ?” Nghĩ như vậy rồi lại kêu lớn một tiếng : “Xuân-Đào”, đăng coi phải hay không cho biết. Thật kêu vừa dứt lời, thì thể-nữ Xuân-Đào liền day mặt ngó ra, dường như kiểm coi ai kêu mình đó vậy.

Tiểu-thơ nghe kêu cũng ngó ra. Song trời tối mờ mờ, phần thì ghe chạy mau như tên, nên không biết rõ là ai hết. Phần thì nghi cho anh là công-tử theo kiếm, vì vậy nên chẳng dám dĩ hơi cứ việc làm thỉnh, để coi ai cho biết.

Đông-Sơ thấy rõ ràng là Tiểu-thơ, thì kêu tiếp thêm một tiếng lớn “Tiểu-thơ, Tiểu-thơ, xin biểu đình thuyền đừng vài lời gạn hỏi.”

Khi ấy Tiểu-thơ nghe chẳng phải tiếng anh, thì lật đật bước ra ngoài đứng xem, tuy chẳng thấy rõ ràng, song nhờ lúc trời trong trăng tỏ, xem tướng mạo thì biết là Đông-Sơ, liền biểu tài-công ngừng thuyền. Nhưng tên tài-công cứ việc cho thuyền chạy tới, lại biểu vợ trương thêm một lá buồm nữa mà chạy cho mau. Thuyền nhẹ buồm cao, bọc gió lướt sóng, chạy như tên bắn chim bay.

Tiểu-thơ và thể-nữ thấy tên tài-công chẳng chịu quày thuyền, thì thất kinh lấy tay ngoắt và kêu Đông-Sơ, dường như biểu theo mà tiếp cứu.

Đông-Sơ trong lúc bối rối, chẳng biết tính sao, ngó lại thấy một chiếc tam-bản đậu dựa mé sông, tức thì biểu tên bộ-hạ ở đó coi ngựa, rồi nhảy ngay xuống tam-bản lấy chèo bơi theo. Theo mau chừng nào thì thuyền ấy lại chạy mau chừng nấy.

Đông-Sơ thấy vậy càng hồ nghi, ráng sức bơi theo, tam-bản trườn lên ngọn sóng lướt tới như bay. Kế đó gió càng ngày mạnh, sóng càng khắc càng to, chiếc tam-bản hụp xuống trời lên giữa trận ba đào, xem rất nguy hiểm. Những người đứng trên bến dò thấy đều kinh tâm táng đờm. Nhưng Đông-Sơ là người đã từng quen xua thuyền cỡi sóng, cũng chẳng nao lòng thối chí.

Khi Đông-Sơ thấy thuyền ấy chạy trước đã xa, và lại chiếc tam-bản bị sóng dập gió dồi, trời lên hụp xuống, vô nước đã nhiều, nếu gặp một lượn sóng to, ắt chìm chẳng khỏi ; lại trộm nghĩ rằng : Nếu mình theo chẳng kịp thuyền kia thì chắc Tiểu-thơ phải lâm tay độc thủ. Nghĩ vậy nên và bơi và tát

nước, dặng ráng mà rượt theo, chẳng dè một lượn sóng rất lớn lướt tới ồ ồ, bỏ vôi cao hơn năm thước, dưng trước tam-bản như một vách thành, rồi ào ào chụp xuống.

Đông-Sơ lúc ấy ngược mặt kêu trời và la lên rằng : “Trời ôi, ai cứu tôi với ! Cái sóng vô tình kia ôi ! thuở nay ta không thù oán chi đến mi, sao ngày nay mi chờ ta đến đây mà hại vậy.” Vừa dứt lời thì ngọn sóng dữ tợn ấy đã đòi chiếc tam-bản lên trên không, rồi hạ xuống sâu như vực thăm, kể một ngọn sóng nữa ùn ùn lướt tới chụp lên, thì chiếc tam-bản và Đông-Sơ đều chìm mất.

Một cuộc nguy hiểm rất dữ dằn này, dầu cho ai sức mạnh như thần, tài lợi như rái, cũng không thể nào vẫy vùng thoát khỏi dặng. Huống chi Đông-Sơ bị bơi một hồi đã mỏi mệt tay chơn, lại giữa chốn cuồng phong nộ lãng, nước chảy sông sâu như vậy, thì còn sức đâu mà lợi dặng.

Lúc này tên bộ hạ của Đông-Sơ và mấy người đứng trên bến dò đều thất kinh và la lên : Trời ôi, chiếc tam-bản đã chìm rồi còn chi mà kể. Khi Đông-Sơ bị một lượn sóng dữ nhận chìm thuyền rồi, nổi lên hụp xuống hai ba lần đã mòn sức đuối hơi, đó rồi lần lần ngấm xuống. Trong lúc cái chết đã tới trong cơn hấp hối này, Đông-Sơ rán gượng hai chân đạp nước một cái nổi lên. Bỗng đâu có một cánh tay mạnh mẽ kia, như cánh tay của thiên thần trên không, thò xuống nắm Đông-Sơ kéo lên, thì Đông-Sơ xác đã lìa hồn, chỉ nắm thêm-thiếp một giấc Huỳnh-lương, và không nhúc nhích.

Một lát Đông-Sơ tỉnh hồn mở mắt, thấy mình nằm trong một chiếc ghe, và ngó lại thấy một người đương ngồi bên mình, cầm hai tay xô qua lắc lại, làm cho chuyển động tinh thần, châu lưu huyết mạch ; lại thấy một mảnh yếu điệu hồng nhan, đương ngồi quạt lửa đốt than, như một vị nam thiên thần với một vị nữ bồ tát, thấy Đông-Sơ bị nạn thì hiện xuống mà ra tay tế độ, vớt người trầm luân.

Nguyên người cứu Đông-Sơ này chẳng phải là người nào xa lạ, vẫn là người bán gươm kết nghĩa kim băng với Đông-Sơ khi trước, tên là Triệu-Dũng. Khi Triệu-Dũng với một người em gái là Triệu-nương ở tỉnh Quảng-yên về, đi tới bến đò, thấy hai con ngựa cột dựa đường, và thấy một người đương đứng day mắt ngó ngay ra ngoài sông, mặt có sắc buồn, xem bộ chẳng yên, dường như có điều chi bồi hồi lo sợ.

Triệu-Dũng thấy vậy bước tới và hỏi rằng : “Cậu, cậu đứng đây chờ ai ?”

Tên kia nói : “Tôi chờ chủ tôi là Trung-úy Võ-đông-Sơ, người mới bơi một chiếc tam-bản mà rượt theo chiếc thuyền chạy bướm phía trước đó, tôi thấy chiếc tam-bản nhỏ, bị gió đập sóng dồi, trời lên hụp xuống, rất hiểm nguy, song chẳng biết làm sao mà tiếp cứu.” Nói rồi lấy tay chỉ ra ngoài khơi và la lên rằng : “Kia kìa, tam bản kia kìa”, mấy người đứng trên bờ thấy tam-bản bị sóng đánh nghiêng qua lắc lại gần chìm, thì đều chắt lưỡi lắc đầu và nói : “Trời ôi ! chỗ ngã tư sông đó là một chỗ sóng gió rất hiểm nghèo, xưa nay chẳng biết bao nhiêu ghe chìm thuyền lụy”, song đứng nói mà thôi, chớ chẳng thấy một ai khăng khái dám ra tay tiếp cứu.

Triệu-Dũng nghe nói Võ-đông-Sơ thì thất kinh, ngó ra thấy một người ngồi trên chiếc tam-bản nhỏ trôi nổi giữa chốn phong đào, thật một cảnh ngộ rất ngặt nghèo nguy hiểm lắm, nếu chẳng ra tay tiếp cứu thì tam-bản ấy ắt phải bị chìm. May đâu có một chiếc ghe không, để dựa mé sông. Triệu-Dũng day lại nói với em gái là Triệu-nương rằng : “Anh em mình phải cứu Đông-Sơ mới đáng.”

Đó rồi hai anh em vội vàng nhảy xuống ghe ấy, gay chèo bơi theo. Mấy người đứng trên bến đò thất kinh, ai ai cũng lom lom chống mắt ngó theo, thấy mấy lượn sóng to lướt tới ồ ồ, bỏ vôi trắng dã, dường như vạn mã thiên binh, gầm hét vang rân. Nó thấy hai anh em Triệu-Võ thì xốc tới mà đoạt thuyền hăm trận đó vậy.

Nhưng cái tánh liệt nhược tinh thần và cái tánh bàng quan tọa thị, nó đã thâm nhập cốt chỉ của mấy kẻ vô tình đó rồi, dầu thấy ai lâm nguy, cũng đứng chấp tay sau lưng, lấy mắt ngó lơ là, rồi thụt đầu rút cổ, chẳng biết thi ân tỵ nghĩa mà cứu giúp đồng-bào, chẳng biết mạo hiểm phò khuynh mà ra tay tế độ.

Chí như hai anh em Triệu-Dũng là người có khí phách anh-hùng, tề tề chinh chinh, tuy lướt vào giữa trận kịch liệt phong đào, nhưng xem đường một chỗ vững vàng bình địa, chẳng chút nào nao lòng khiếp chí cứ việc lướt tới chớ chẳng lui, hễ sóng tới thì trời lên, sóng qua thì hụp xuống.

Khi chèo theo gần kịp thì thấy lượng sóng dữ đã nhận chìm chiếc tam-bản của Đông-Sơ. Hai anh em Triệu-Dũng rần sức chèo ghe lướt tới như bay, thấy Đông-Sơ đương chìm nổi lừng dững giữa giòng sông thì liền thò tay mà cứu vớt và đem lửa hơ hám một hồi.

Khi Đông-Sơ tỉnh lại mở mắt ra thấy Triệu-Dũng thì anh em mừng rỡ vô cùng, rồi ngó theo chiếc thuyền kia thì chạy khuất đã xa chỉ thấy lấp ló một chót buồm trắng kia trên ngọn cây đó thôi, không thể chi mà rượt theo cho kịp.

Đông-Sơ bèn thuật đầu đuôi sự tình cho Triệu-Dũng nghe. Đó rồi anh em quày ghe trở lại bến đò, tạm nghỉ một đêm, sáng ngày dắt nhau trở về Đông-kinh một lượt.

Khi tới Đông-kinh Triệu-Dũng nói với Đông-Sơ rằng : “Đây em xin từ giã nhơn huynh đăng về Hà-đông viếng thăm thân thích, nếu nhơn huynh có việc chi cần dùng đến em dầu thiên lao vạn khổ em cũng chẳng từ nan.”

Đông-Sơ nói : “Thật rất cảm tình cố hữu và cô nương, là người chỉ biết lấy sự can nghị đồng cảm làm chí khí tinh thần, mà cứu giúp anh em trong lúc hiểm nguy hoạn nạn, vạn tử bất từ. Bằng hữu như vậy mới rằng bằng hữu

tín thành, và đáng một bức trượng phu nghĩa khí. Chẳng phải như bằng hữu trong lúc bình thường vô sự, thì anh em quyến luyến, lui tới chơi bời, xem rất thiết nghĩa thân tình, rất tâm đầu ý hiệp. Song đến cơn ngộ biến lâm nguy, thì chỉ lo lách lách tránh xa, giả làm mặt ngơ tai điếc, đặng khỏi đều họa gởi tai lây. Những bạn hữu ấy chỉ coi theo cái túi tiền tài mà giao kết chơi bời, chớ chẳng phải lấy sự thiết nghĩa chơn tình mà kết làm bạn.

Vậy chúng ta phải xe dây thân ái mà ràng buộc cho khăng khít nghĩa kim băng, và đem keo tín thành mà gắn chặt tình anh em lương hữu.”

Triệu-Dũng nói : “Những lời anh nghị luận, em rất hiệp ý vừa lòng. Nếu mỗi người chỉ lo bo bo phận ai riêng nấy, chẳng biết lấy tình nghĩa mà giao kết cho liên lạc anh em, chẳng biết lấy sự thân ái mà thương yêu nòi giống, thì dầu cho mấy chục triệu sanh linh, cũng thành một dân tộc thịt chạy thầy đi, và một dân tộc chẳng có tinh thần khí phách.

Huống chi là anh em mình ngày nay đã gọi rằng bằng hữu chi giao, đương lúc ngộ nạn lâm tai, lẽ đâu chẳng hết sức giúp nhau, để vậy mà bàng quan tọa thị sao cho rằng phải.”

Đông-Sơ nói : “Nếu mỗi người đều có một tư tưởng như hiền hữu vậy, thì cái tiền đồ dân tộc của nước ta ngày kia sẽ trở nên mở mang phát đạt.” Đó rồi hai anh em Triệu-Dũng từ giã ra đi. Còn Đông-Sơ thì lật đật vào ra mắt Lê-công, và dựng địa đồ các cù lao Đông-dương và tỉnh Quảng-đông cho Lê-công tường lãm. Rồi trở về tư dinh, nghĩ tới việc gặp Tiểu-thơ tại bến đò sông Nhĩ-hà, cũng một điều quái sự. Nhưng ức vì chẳng đặng giáp mặt mà gạn hỏi căn do, cho rõ đều hư thiệt. Vì vậy nên trong lòng nghi ngại và bứt rứt chẳng yên. Những mảng ngậm thở ngùi than, tầm tư tự nghĩ một hồi, rồi vội vã sắm sửa y cân, đặng qua dinh Tiểu-thơ thăm nghe tin tức.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười Bốn

Khi Đông-Sơ qua tới Tây-viên đứng trước tường thành ngó vào tư thất của Tiểu-thơ, thì tư bề vắng vẻ, chẳng thấy một ai, rồi ngó ra Lương-đình là chỗ hội ngộ cùng Tiểu-thơ ngày xưa, bây giờ chỉ thấy cửa đóng then gài, hoa rơi lá rụng, duy có một vài con chim sè sè đậu trên nhành cây, thỏ thẻ giọng buồn, tiếng kêu chóc-chóc. Rồi ngó lại Quan-âm-các thì thấy vài cụm dương chi tịch-mịch, ít mảnh liễu yếu lơ-thơ, và nhắm trước xem sau, thì cái mảnh liễu-điệu hồng-nhan ngày xưa, chẳng biết có gì mà biệt tin biệt dạng. Chỉ còn thấy một vài đóa hoa đào đã-dưới, bị mấy phen gió táp mưa sa, làm cho phần lợt hương tàn, dường như buồn nỗi vườn xuân vắng chủ. Ấy là :

Nhơn diện bất tri hà xứ khứ,

Đào ba y cựu tiểu đông phong (1)

Thật là tình cảnh rất buồn bực ưu sầu, làm cho Đông-Sơ bưng khuâng cảm cảnh đau lòng, đứng trước tường thành mà sững sờ ngơ ngẩn.

Bỗng thấy phía kia một người xam xam chạy tới kêu Đông-Sơ và nói rằng : “Chào Quan-nhơn, bấy lâu tôi có lòng trông đợi Quan-nhơn, may thay ! ngày nay mới đặt tứ thơ hội ngộ.”

Đông-Sơ nhìn lại thì thấy thơ-đồng là đứa ở với mình khi trước, liền mừng và hỏi : “Bấy lâu mi ở đâu ? Và có đều chi lạ chẳng ? Nói cho ta rõ với.”

Thơ-đồng nói : “Từ Quan-nhơn phụng-mạng đi dẹp quân hải-khẩu nơi

biển Đông-dương, thì tôi qua ở với Bạch-công-tử coi sóc cái hoa-viên này, mà thể thân độ nhứt đặng đợi Quan-nhơn trở về. Chẳng dè ngày nay đặng gặp Quan-nhơn tại đây, thầy tớ trùng phùng, thì lòng tôi biết bao mừng rỡ.”

Đông-Sơ nói : “Mi ở đây với Bạch-công-tử mà mi có rõ việc Tiểu-thơ ra thế nào chẳng ?”

Thơ-dồng bèn thuật chuyện công-tử gả ép Tiểu-thơ cho Vương-Bích. Tiểu-thơ chẳng chịu, nửa đêm trốn đi. Tiểu-thơ biết tôi là người ở với Quan-nhơn khi trước, và đem lòng tin cậy, nên trước bữa đi, có trao cho tôi một cái mật thư, và dặn tôi chờ Quan-nhơn trở về, thì giao cho Quan-nhơn khai khán. Nói rồi thò tay vào túi lấy phong thơ trao cho Võ-dông-Sơ. Đông-Sơ lật đật giở thơ ra xem thì thấy nói như vầy :

“Từ khi Lang-quân quan hà tách dậm, gánh vác một trách nhiệm cực nhọc nơi chốn hải-giác biên thù, thiếp ở nhà chỉ gìn một lòng trực tiết cô phòng, xem tháng đường năm ; đã mỏi mắt phượng trời, trông cho Lang-quân trở bước khải hoàn, hầu tính cuộc lương-duyên giai-ngẫu. Chẳng dè gặp cơn gia biến, Nghiêm đường rủi lâm trọng bệnh sớm biệt cõi trần. Trong khi thủ hiếu cư tang, phận sự làm con như thiếp, giọt nước mắt sầu bi, chứa chan chưa ngớt. Anh thiếp đã chẳng dò trong lóng đục, lại ưa theo việc phi nghĩa tiền tài, rồi đem thiếp mà gả cho kẻ lãnh hạnh phong tình, xem đường một hàng buôn hương bán phấn.

Thiếp nghĩ vì thiếp đã đem thân liễu-bồ nhược chất mà ký thác duyên phận cho Lang-quân, dầu gặp cuộc bất trắc thế nào, thiếp cũng gìn một đá vàng, chẳng hề dời lòng đổi dạ.

Vì vậy thiếp đã từ hôn ty thú, nửa đêm tạm kế thoát thân. Nay thiếp vì ơn tri ngộ của Lang-quân ngày xưa rất nặng nề, nên chẳng nài cực khổ trong khi gởi tuyết năm sương. Thiếp chỉ vái cùng Cao-xanh cho cái vóc liễu yếu đào thơ này thể tráng thân cường, thì thiếp cũng liều nhắm mắt đưa chơn, chấm

hầm bước lên đường lưu lạc phong trần, mà chờ Lang-quân cho trọn lời thệ ước, dẫu thiên-sơn vạn-hải, thiếp cũng cam lòng, chỉ quyết quảy một gánh biệt hận ly sầu nơi vai, và chìm nổi linh đình nơi biển khổ tình này, đừng xem cơ tạo-hóa điên đảo thế nào cho biết.

Như Lang-quân chẳng phụ lời xưa thệ ước, trong khi dưới nguyệt bên hoa, thì xin đến tỉnh thành Hải-ninh hỏi nhà di mẫu của thiếp là Mã-thị phu-nhơn, là nơi thiếp ký túc thê thân, đừng mà chờ ngày cùng Lang-quân trùng phùng hội diện.”

Ký tên BẠCH-THU-HÀ đốn bái.

Thơ tuy văn tắt, mà từ lý rất thâm trầm. Đông-Sơ đọc rồi thì khiến cho khúc ruột chung tình, chẳng dần mà đau, chẳng vò mà rối. Làm cho “Bưng khuâng nhớ cảnh nhớ người, nhớ nơi kỳ ngộ nhớ lời ước giao.

Nghĩ chừng nào thì càng cảm thương Tiểu-thơ là một phận đài các hồng nhan, lâu son má phấn, ngày nay vì một chung tình mà phải ra thân lưu lạc giang-hồ, linh đình thuyền bá, trôi nổi theo lượn sóng nghiệt hải phong đào, chưa biết bao giờ mới đặt vào bến trùng phùng mà vầy duyên cá nước.

Đó rồi Đông-Sơ day lại nói với thơ-đồng rằng : “Nay ta nhứt định đi tìm kiếm Tiểu-thơ, chưa chắc trú ngụ nơi nào, vậy mi hãy tạm ở lại đây ít lâu, ngày sau sẽ toan bề tái hội.” Thầy tớ bịn rịn một hồi, rồi Đông-Sơ vội vã trở về ngụ sở, và tính xin phép nghỉ đặt tìm kiếm Tiểu-thơ.

Khi về tới dinh thì có Thánh-chỉ Hoàng-thượng ban phong cho Đông-Sơ làm chức Khinh-xa-Đô-úy, và sai đi tuần thủ mé Nam-quan, đặt phòng binh của Thanh-triều xâm loạn.

Đông-Sơ đặt Thánh-chỉ ân thăng chức Đô-úy, và sai đi tuần thú Nam-quan, thì lòng mừng phơi phở, mừng là mừng nay đặt Triều-đình trọng

dụng, chức phận vinh vang, và lấy theo lời trong thơ, thì chắc Tiểu-thơ đến Hải-ninh mà trú ngụ nơi nhà dì là Mã-thị Phu-nhơn. Vậy thì cũng là một dịp rất may mắn cho mình, đặt đi ngang qua tỉnh ấy mà tìm kiếm Tiểu-thơ luôn thể. Đó rồi sắp sửa hành lý, và vào dinh từ tạ Lê-công, rồi đi với hai tên quân-nhơn theo đường Hải-ninh thẳng tới.

Chú thích:

(1) Người tình chẳng biết đi đâu không thấy mặt, chỉ thấy hoa đào cười gió đó mà thôi.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười Năm

Đây tôi xin nhắc lại chuyện Tiểu-thơ Bạch-thu-Hà, từ khi từ hôn ty thú nửa đêm tạm kế thoát thân, bèn mượn một chiếc thuyền sắp đặt sẵn sàng, chờ tối lại Tiểu-thơ với thể-nữ Xuân-Đào dắt nhau xuống thuyền trốn đi, tính qua nhà dì là Mã-thị ở Hải-ninh mà trú ngụ. Chẳng dè gặp tên chủ thuyền là một tay giang hồ bợm bãi, và vợ nó cũng một người ác phụ cường đồ, ngoài môi thì giả dạng thiết tha, mà trong ruột lại hầm hầm chước quỷ. Nó thấy Tiểu-thơ là con nhà đại gia vọng tộc, yếu đuối phận gái hương nhan, một tở một thầy mượn thuyền mà đi vào Hải-ninh là chỗ đường sá xa xôi, thiên san vạn thủy, thế thì trong lưng bạc vàng châu báu chắc nhiều, vì vậy hai vợ chồng tên chủ thuyền ngày đêm xăm xĩ, nức nở mừng thầm, chỉ lo thiết kế toan mưu, chờ dịp sẽ ra tay thủ đoạn, nên khi gặp Đông-Sơ tại bến đò, Tiểu-thơ biểu đình thuyền, thì 2 vợ chồng tên ấy làm lằng chằng nghe, e Tiểu-thơ thoát khỏi, thì mất mối hàng to, nên kiếm chước nói rằng : “Chỗ đó có bọn cường đồ, hay giả dối gạt người mà đoạt tài hại mạng”, nên chẳng chịu đình thuyền, cứ việc trưng bừa chạy mãi.

Tiểu-thơ trong lúc tâm thần rối loạn, nghe nói thì bán tín bán nghi, dẫu cho muốn cản trở đều chi, nhưng xem lại hai vóc liễu yếu đào thơ, thì có thể lực gì mà tranh cùng bọn võ phu cường bạo ấy cho đặng.

Chúng nó mượn một cánh bừa tự-do thông thả, mà nương theo ngọn gió Hồng-ngộ thuận phong, thì mặc tình khi xuống vịnh ra khơi, tự ý chốn sông sâu nước chảy, dẫu cho nó vạy trời khuấy nước, dọc ngang theo thói vầy vùng, mà làm một vua Hổn thể ma vương, nơi chốn giang hồ đạo lộ, thì cũng chẳng ai làm chi hấn đặng. Vì vậy nên Tiểu-thơ phải chịu hàm thính thúc thủ,

mà đánh liều nhắm mắt đưa chơn, thử thay cho một gái hồng-nhan, thoản mãng ngày qua đêm lại, chỉ bị một sự kinh tâm khổ não, cứ theo vắn vít nơi lòng, khắc lụn canh tàn, chỉ thấy một lưới sâu bi phủ ngoài sắc mặt.

Bữa nọ thuyền ra khỏi cửa, thì chỉ thấy nước trời lai láng, ngày đêm gió nạt sóng gầm, lượn thì xốc tới, lượn thì nhào ra, dường như thấy cái sắc yếu điệu thuyền-quyên, thì rủ nhau lướt tới, ngã ngón leo trèo theo hai bên be thuyền, mà lấp ló dòm coi cái vẻ khuynh thành quốc sắc. Còn Tiểu-thơ với Xuân-Đào thuở nay là gái khuê-môn bất xuất, chưa tuần lưu lạc giang-hồ, nay ra giữa chốn vạn trận phong đào, thì chẳng biết bao nhiêu kinh tâm táng đờm. Cái khổ tâm của Tiểu-thơ lúc này nói không cùng, kể không xiết, lớp thì buồn việc gia-đình lộn xộn, lớp thì sầu việc duyên nợ đảo điên, đoạn thì sợ sông biển hiểm nguy, đoạn thì lo nỗi bọn cường đồ mong lòng hãm hại, mà toan mưu sát mạng đoạt tài, vì vậy nên, sầu đong càng khắc càng đầy, bần lòng xấn-xít nổi này nổi kia.

Bữa nọ tên chủ thuyền đương đứng cầm bánh sau lái ghe, day mắt ngó ngay vào hướng Tây, thấy mù mù một lảng cây xanh, dăng theo mé biển, nhấp nháng liền với chơn mây, thì kêu vợ chỉ mà nói : “Chúng ta đã tới địa phận tỉnh Quảng-Yên.” Vợ nói : “Vậy thì lúc này trời êm biển lặng, sao chưa thừa dịp mà ra tay cho rồi, đừng phóng sanh 2 con cá chạch cho rảnh, còn đợi chừng nào ?”

Tên kia nghe vợ nói thì mỉm cười mà rằng : “Nó đã vào tay Ngưu-ma-vương với mục La-sát này rồi, dầu cho Tề-thiên đại-thánh cũng chẳng thoát khỏi tay mình, huống chi hai con cá chạch này, muốn phóng sanh chừng nào cũng được.

Nói rồi buông tay bánh bước lại đứng trước mặt Tiểu-thơ, bộ tướng dữ dằn, mắt ngó lườm lườm và nói : “Hai người có biết ta là vua giang hồ đạo lộ, thì quì xuống mà nghe ta phán một lời cho mà nhờ phần phước.”

Tiểu-thơ và thể-nữ thấy tên ấy bộ tướng hung hăng thì thất kinh, rồi kiểm đều năn nỉ mà nói : “Xin ân nhân lấy lòng quảng đại, mà đoái thương chút phận nhược chất liễu bồ, thân này ngày nay như cá trên thớt, thịt đầu dao, dầu tha giết thể nào tôi cũng chẳng dám nghịch lời trái ý. Nhưng mà tôi xin người mở lượng hải hà mà cho tôi đi tới nơi, về tới chốn, thì cái ân đức của người tôi chạm dạ ghi xương, và tôi hứa cùng người, dầu bao nhiêu tôi cũng ơn đền nghĩa trả.”

Tên cường-bạo nghe nói thì ngược mặt cười hà hà, rồi ngó Tiểu-thơ cách nghiêm nghị và nói : “Ta có một lời này nói cho người biết là : cái gia tài trong lòng người phải giao hết cho ta, thì ta để dành cái mạng sống của người, còn ở thế-gian ; bằng không thì ta cho người xuống đáy biển trầm luân này đặng theo hầu Long-vương cùng Hà-bá.” Nói rồi hô lên một tiếng thì mục La-sát với mấy tên kia nhảy lại lục túi giở rương, nào là bạc vàng châu báu, nào là quần áo nữ trang, đều tóm lấy sạch trơn, và trút hết vào túi gian tham cường bạo của bọn nó. Đó rồi bẻ bánh quày thuyền nhắm dang rừng mà chạy tới.

Khi thuyền vô tới bãi, thì mục La-sát nói với Tiểu-thơ rằng : “Ta thấy người là phận gái đơn cô, giang hồ lưu lạc, nên ta làm phước đưa người vào đây, và ta chữa cho người một đường sanh lộ nơi mé rừng này, mặc ý người muốn đi đâu thì đi cho thông thả. Vậy người hãy xuống khỏi thuyền, đặng bọn ta trở lái.”

Nói rồi xốc lại ôm Tiểu-thơ và Xuân-Đào bỏ nơi bãi biển, rồi quày thuyền mà chạy.

Tiểu-thơ và Xuân-Đào đứng dựa bãi biển, ngó quanh bốn phía, thật là tứ cố vô lân, trên bờ thì chẳng có nhơn dân, dưới biển cũng chẳng thấy ghe thuyền lai vãng, chỉ thấy non cao rừng rậm, biển rộng sóng nhào. Tội nghiệp thay cho Tiểu-thơ với Xuân-Đào là phận gái yếu đuối mảnh mai, mà gặp cảnh ngộ thảm khổ đáng cay này, thì biết bao giọt sầu lai láng. Đó rồi hai cô

cháu dắt nhau lần lần kiếm đường mà đi. May gặp một cái đường mòn, hai bên đường chỉ thấy rừng hoang cỏ rậm, vượn hú ve ngâm. Cô cháu lẳng lẳng làm thinh, cứ lần theo đường mà phăng phăng bước tới, lúc lên cao, khi xuống thấp, trông cho mau mau ra khỏi rừng hoang, họa may có gặp nhà nào, đứng ghé vào ngời nghỉ, và hỏi thăm đường sá luôn thể. Song đi một hồi đã mỏi mệt, mà chẳng thấy nhà nào, duy nghe văng vẳng bên tai những tiếng quốc quốc te te, càng nghe càng thêm buồn thảm. Ấy là :

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Kêu sầu mỏi miệng tiếng đa đa.

Hai cô cháu cứ việc băng rừng lướt bụi, xuống hố lên đèo, đi quanh lộn trong đám rừng rậm cây cao, mà lẫn lẫn trời đà xế bóng.

Tiểu-thơ đi nữa không nổi, bèn ngồi dựa mé rừng mà than rằng : “Trời ôi ! trời cho tôi gặp chi một cảnh ngộ rất thảm khổ như vậy, từ hồi sớm mai tới bây giờ, mải đi quanh lộn trong đám rừng này, chẳng biết chừng nào ra được. Nếu trời tối lại, những loài độc trùng ác thú tràn ra, thì hai ta ắt không còn sanh mạng, phần thì bụng đói xệp ve, cơm nước không có, phần đường rừng gay trở, tay chơn bủn rùn khó nổi bước đi, những mải ngâm thơ ngùi than, mà mặt sần đã chứa chan hàng lụy.

Xuân-Đào thấy vậy cũng rưng rưng nước mắt, mà nói với Tiểu-thơ rằng : “Cô ôi ! trời đã gần tối, cô ráng đi một đôi nữa coi, họa may có gặp nhà ai chẳng, đứng xin vào mà nghỉ. Nếu đến tối rồi, thì hai cô cháu mình ở giữa rừng hoang này, biết đâu mà nấu nướng trú ngụ.”

Tiểu-thơ nghe nói liền ngước mặt lên trời thấy gương ô hâu lẳng, còn một vài cụm mây chiều đương bay phưởng phất trên không, và văng vẳng bên tai, thì nước dưới suối nó chảy nghe rì rả. Ấy là :

Trông mây dường vẻ tình lưu lạc,

Nghe suối như đồn khúc biệt ly.

Cái cảnh tình rất ai bi thê thảm này làm cho Tiểu-thơ và thể-nữ, thêm gan héo ruột xào, rồi hai mặt nhìn nhau mà rưng rưng giọt lụy.

Bỗng đâu một ánh sáng mặt trời, xỏ ngang rừng cây, và dọi ngay trước mặt Tiểu-thơ dường như kẻ đứng tạo-hóa thấy Tiểu-thơ ngồi đó, thì cầm ngọn đuốc tàng dương mà rọi ngay nét mặt, đặng từ giã Tiểu-thơ, rồi phăng phăng xuống chốn Tây-đài, mà gài then đóng cửa.

Khi Tiểu-thơ thấy cái bóng tàng dương đã lặn xuống khuất núi, thì bao nhiêu những sự tối tăm lần lần rủ nhau áp lại, làm cho đường sá lơ mờ, cỏ cây mù mịt. Nào là chim mèo lảng xảng ré tiếng, nào là giọng ục rậm rật kêu vang, dường như thấy gái quốc sắc lạc đàn, mà xúm lại buông lời ghẹo hảnh. Trời càng ngày càng tối, một cô một cháu ở giữa rừng hoang, cái khổ não kinh tâm và sự đói cơm khát nước, nó cứ theo căn rút trong lòng, dầu rút cũng không ra, chà cũng không hết.

Đó rồi cô cháu lần lần đi lại gốc cây đại-thọ, ngồi đó ngậm thở ngùi than, ôm nhau mơ màng mà chờ sáng. Đêm khuya vắng vẻ, những tiếng xao xác gió đưa nhành lá, nghe dường rừng cây nó thỏ thẻ chuyện trò, lộp độp sương đổ lai rai, nghe như tiếng hài của khách lâm tuyền bước đi qua lại.

Tiểu-thơ và thể-nữ khi đương canh khuya mờ mịt, mơ màng nửa tỉnh nửa mê, bỗng đâu nghe tiếng rọc rạch trong rừng, kể thấy một con quái mình mây đen thui, ở phía kia đi tới, bộ tướng dữ dằn, hả miệng nhả nanh và đi và tấp bập bập, hai mắt sáng như ngọn đèn, đi tới đâu thì cây rung nhánh gãy.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười Sáu

Khi con quái ấy cách Tiểu-thơ chừng vài chục thước, thì đứng lại, day đầu ngó nghinh Tiểu-thơ. Tiểu-thơ và thể-nữ đứng núp sau gốc đại-thọ đã thất vía kinh hồn, tay chơn đều run lập cập.

Bỗng thấy một lẫn hào quang dội ngang trước mặt, rồi xẹt lại con quái kia. Tiểu-thơ ngó lại thì thấy rõ ràng con thú một sừng rất dữ dằn, tục kêu là con tây, gặm đầu chạy tới, đụng vào gốc đại-thọ một cái rất mạnh, làm cho cả cây đại-thọ đều rung rinh. Còn Tiểu-thơ và thể-nữ thất kinh la lên một tiếng, rồi nhào lăn xuống đất.

Con quái ấy thấy vậy, xốc tới muốn giết hai cô. Bỗng đâu có một mũi tên phía kia xẹt lại trúng nhằm đầu con quái ấy, rống lên một tiếng rền cả và rừng. Kế đó một con bạch-tượng phía sau rừng nhảy ra, xốc lại cự với con quái kia một cách dữ tợn, lại thấy một người đứng trên lưng con bạch-tượng, vai mang cung-tiến, tay cầm một cây trường thương dài hơn ba sải, đâm con quái ấy một cái ngang hông. Con quái ấy bị đâm rất đau, liền nhảy dựng hai chơn trước lên cao, đặt chụp người ngồi trên lưng con bạch-tượng mà giết. Nhưng con bạch-tượng chẳng hề để cho con quái kia động tới người ngồi trên lưng, liền day lưng qua và quày đầu lại cách lệ làng, rồi lấy hai cái ngà trước mũi, nhọn vắt như hai ngọn trường thương, vít ngang hông con quái kia một cái rất mạnh. Con quái kia liền day đầu lại đụng vào lưng bạch-tượng. Hai con đụng chém nhau nghe bốp bốp nơi mé rừng, như hai cộp dành ăn, hai trâu chém lộn. Con thì hả miệng khè khè, con thì thở nghe khịch khịch, ngó lại thấy người ngồi trên lưng con bạch-tượng cách thể vững vàng, an như bàn thạch và ra sức hươi thương mà trợ chiến cùng voi, cũng như tướng ngộ

lượng tài, kỳ phùng địch thủ.

Hai con cự nhau một hồi, cây gãy lao xao, cát bay mù mịt, kể thấy con bạch-tượng lấy hai cái ngà đâm vào hông con quái kia một cái rất mạnh, lưng vô tới ruột, rồi vít lên, thì nghe con quái kia rống một tiếng rồi té nhào xuống đất, tức thì con bạch tượng nhảy lại đứng trên mình con quái kia, rồi cất đầu la lên một tiếng dậy đất vang rùng, dường như thấy giếtặng kẻ nghịch rồi thì mừng mà la lên một tiếng gọi là đắc thắng.

Tiểu-thơ và Xuân-Đào thất kinh đứng núp sau cây đại-thọ, lấp ló rình coi, thì thấy người trên lưng voi nhảy xuống, rồi xăm xăm đi tới và cười và nói rằng : “Xin hai cô chớ sợ, con quái ấy nó đã chết rồi.”

Tiểu-thơ nghe tiếng nói thanh nhã dịu dàng thì đổi sợ làm mừng, rồi dắt thể-nữ lần lần bước tới.

Khi bước lại gần thì thấy một gái quốc sắc hồng nhan, mình mặc võ trang, bộ coi mạnh dạn. Người gái ấy đứng cách oai nghi tề chỉnh, tay chống trường thương, tay cầm đèn mà rọi trên mặt Tiểu-thơ, thấy một gái yếu điệu hồng nhan, thì biết là con nhà trâm anh phiệt duyệt, bèn bước lại gần hỏi căn do, và tánh danh xứ sở.

Tiểu-thơ nói : “Tôi tên Bạch-thu-Hà, quê ở Đông-kinh, con của Bạch-công Thượng-thơ binh-hộ, chẳng may mẹ cha mất sớm, thân quyến ở xa. Nay nhơn có việc nhà, muốn đến Hải-ninh thăm dì là Mã-thị phu-nhơn, nên phải trối bước lưu lạc giang-hồ. Chẳng dè gặp bọn vô loại cường-đồ, nửa đường nó toan mưu đoạt của, rồi bỏ giữa rừng hoang, nên cô cháu tôi lạc đàn, mà phải gặp nhằm thú dữ, may nhờ ơn quới-nương cứu tử, thật là hạnh phước vô cùng, song chẳng biết quới-nương quê quán ở đâu, và xin tỏ phương danh cho tôi rõ.”

Người gái ấy nói : “Tôi quê ở Hương-sơn, tiểu sanh Hoàng-nhị-cô là

thiếp, thuở nay chuyên nghề săn bắn, tánh ưa theo thú lâm tuyền, vì vậy nên đêm đêm thường dạo chốn rừng rậm non cao, đặt sẵn nai bắn cộp. Xảy thấy hai cô trong lúc đêm hôm tăm tối, bị loài mãnh thú hành hung, nên tôi lật đặt lướt bụi băng rừng, đến đây ra tay cứu nạn. Vậy, xin hai cô theo tôi trở về tề xá, đặt tạm nơi đình đổ ít ngày, rồi tôi sẽ lựa dịp đưa đến Hải-ninh, thăm di nương cũng chẳng muộn.”

Nói rồi dắt Tiểu-thơ và Xuân-Đào lại trước con bạch-tượng và lấy tay vỗ trên đầu bạch-tượng hai ba cái, và la lên một tiếng biểu quì. Con bạch-tượng hai chún trước liền quì mọp xuống đất. Hoàng-nhị-cô vào đỡ hai người lên ngồi trên bạch-tượng, rồi mình leo cỡi trước cổ voi, la đi. Voi nghe, liền đứng dậy, băng theo đường rừng mà đi, cách khoan thai êm ái.

Tiểu-thơ và thể-nữ ngồi trên bành voi, ngó xuống vọi vọi như ngồi trên mái nhà, lại thấy vọi tượng đồng đánh vút lại vung qua, và trong miệng ngậm một cặp ngà, nhọn vắt như hai ngọn trường thương, cặm để giàn hầu trước mặt. Con bạch-tượng khi lên đèo lúc xuống hố, khi vượt bụi lúc băng đồng, đi quanh quanh lộn lộn trong đường rừng một hồi rất lâu.

Khi đi tới một tòa núi lớn kia thì thấy đá dựng chập chồng, non cao chón chở, đường núi dốc đổ như thang lầu, hai bên đường thì liễu đứng dựng tàng, mai dàn đội ngũ, xem rất quanh co hiểm trở, song voi đi êm thắm như đất bằng. Khi đi tới một cửa đá rất to, chặn ngang giữa đàng, như một cửa tam quan cao lớn, Hoàng-nhị-cô bèn lấy cái còi bên lưng, đặt vào miệng thổi lên một hơi, rồi nhảy xuống lại gõ cửa ba cái thì cửa đã mở ra, thấy một người vạm vỡ bước tới cúi đầu chào Nhị-cô, rồi trở ra đứng một bên cửa.

Nhị-cô dắt voi bước vào, thì cửa kia đã lần lần khép lại. Đó rồi đi tới một chỗ đất bằng rộng rãi, xem dường một cảnh hoa viên. Phía trên núi có một ngọn suối phi tuyền, nước đổ xuống văng lên trắng dã, như sương sa tuyết xuống, nơi thì vườn hồng xóm lục, đỏ xanh hoa liễu xen hàng, chỗ thì cụm trúc chồi mai, mờ mịt sương lồng bóng cỏ, chỗ lại đen đen khói tỏa sơn đài,

nơi thì trắng trắng mây gài thạch động. Thật là một phong cảnh rất kỳ quan dị mục, tịch tịch phi thường, thanh thao nhạc suối kèn ve, quanh lộn đường qua ngõ lại.

Bỗng thấy hai con quái to lớn sầm sầm, mình mẩy đen thui như lọ, ở trong động núi xâm xâm bước ra, và rống lên một tiếng rất lớn. Con bạch-tượng liền ngóng cổ đưa vòi và đánh hai lỗ tai, như hai cái quạt, rồi cũng rống một tiếng đối lại, nghe thôi vang rùng dậy núi. Tiểu-thơ và thể-nữ đã kinh hồn hoảng vía, ngồi núp trên bành voi, không dám hó hé. Khi lại gần thì thấy hai thốt voi đen giáo đầu cùng nhau, quì ngay giữa lộ.

Nhị-cô liền ngừng con bạch-tượng lại, rồi nói với Tiểu-thơ rằng : “Xin hai cô chớ ngại, đó là hai con voi của anh tôi là Hoàng-nhứt-lang, nhơn anh tôi đi khỏi, nên thả nó ăn nơi vườn này, nay thấy tôi về chạy ra mừng rỡ nghinh tiếp.” Nhị-cô nói rồi day lại la lên một tiếng đi, thì hai con voi đen lật đật đứng dậy trở vào động núi. Đó rồi Nhị-cô giục voi đi tới, chẳng đầy một trăm bước, bỗng nghe trên ngọn cây kêu tiếng thanh thao rằng : “Cô hai về, cô hai về.”

Tiểu-thơ lấy làm lạ, ngó lên kiểm coi ai kêu, song không thấy ai hết, kể nghe một tiếng hỏi : “Ai đó vậy ? Ai đó vậy ?”

Tiểu-thơ đương ngó lên cây kiểm coi, bỗng thấy một con chim trắng bay xuống đứng trước đầu voi, kêu cô hai, rõ ràng như tiếng người ta kêu vậy.

Nhị-cô liền ôm chim ấy để trên tay rồi nói với Tiểu-thơ rằng : “Chim này là chim Anh-võ bên nước Cao-ly, tôi nuôi đã mấy năm dư, nay biết nói giỏi lắm, thấy tôi về thì mừng nên kêu la chào hỏi.”

Nhị-cô nói rồi day lại vuốt ve chim Anh-võ một hồi và nói : “Thôi, con bay lên cây ngủ đi.” Nói vừa dứt tiếng, thì chim Anh-võ nói : “Tôi đi, tôi đi”, rồi bay mất.

Khi đi khỏi hoa viên thì thấy phía tả, có một tòa cổ tháp rất cao, ở dựa chơn núi, phía hữu thì thấy một tòa nhà nguy nga rộng rãi. Chung quanh có xây đá làm thành, trước ngõ có sơn-ly thạch trụ. Xảy nghe bên cái cổ tháp đánh ba tiếng chuông, kể bên nhà kia đánh lại ba tiếng trống.

Hoàng-nhị-cô day lại nói với Tiểu-thơ rằng :

“Đây đã tới chỗ rồi, xin hai cô xuống tượng.” Tiểu-thơ và thể-nữ lật đật bước xuống bành voi, thì thấy hai người mặc đồ đen trong động núi bước ra, chào Nhị-cô rồi dắt con bạch-tượng trở vào Thạch-động.

Tiểu-thơ và thể-nữ theo Nhị-cô đi một đôi xa xa, bỗng thấy một tòa lương-đình cất trên gộp đá cao, de ra ngoài biển, ba bề sóng bủa lao xao, minh mông trời nước, chung quanh có mấy cái cù lao nho nhỏ, tàng cây rậm rạp, gộp đá do de, biển thánh non thần, mừng tượng bỗng-lai tiên cảnh.

Khi ra tới lương-đình thì thấy ghế bàn tinh khiết, hai bên có liễn cần màn thêu, bốn phía có cửa sổ song ly, dưới chơn núi thì đá dựng như vách tường. Thật là : Một chỗ vực thăm non cao, ngó xuống mù mù vọi vọi. Hoàng-nhị-cô mời Tiểu-thơ vào ngồi nơi ghế, rồi hối tỉ-tất đem trà cho Tiểu-thơ và Xuân-Đào giải khát, một lát thấy tỉ tất dọn cơm bưng ra. Hoàng-nhị-cô liền mời Tiểu-thơ và Xuân-Đào ngồi lại dùng cơm và trò chuyện một hồi rồi nói : “Chỗ này có phòng buồng mát mẻ, xin hai cô ở đây tạm nghỉ ít ngày không sao phòng ngại”, đó rồi từ giã Tiểu-thơ, trở về tư thất.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười Bảy

Cái tình cảnh thê thảm của Tiểu-thơ ở tại Thạch-đình thế nào, đây tôi xin đình lại ít phút đồng hồ, đặt thuật sự Võ-đông-Sơ đi kiếm Tiểu-thơ cho khán quan rõ trước.

Từ Võ-đông-Sơ ở Đông-kinh đi với hai tên quân-nhơn ra tỉnh Hải-ninh, khi đi tới tỉnh Quảng-yên trời đã gần tối, thấy dựa đường có một nhà quán vền vang rộng rãi, Đông-Sơ với hai tên bộ-hạ ghé lại biểu dọn một bữa cơm, đặt ba thầy trò ăn uống, và tá túc một đêm. Tên quán lật đặt dọn một phòng riêng phía trong sạch sẽ, rồi sửa soạn cơm nước bĩ bàn ; Đông-Sơ và hai tên bộ-hạ đều ngồi lại ăn chung. Kể thấy phía trước quán một người có râu lém dẻm và một người con trai. Hai người bộ tướng vạm vỡ, ngoài cửa bước vô, lại ngồi nơi ghế, kêu chủ quán biểu đem rượu ra uống, rồi day lại hỏi : “Anh quán, anh có rượu sen thiệt tốt không ?”

Tên quán nói : “Có, song rượu đó giá mắc hơn rượu thường.”

Tên kia nói : “Mắc rẻ cần gì, miễn rượu thiệt tốt thì đặt.”

Tên quán hỏi : “Hai cậu muốn mua bao nhiêu ?”

Tên có râu nói : “Mua chừng hai ché.”

Quán hỏi : “Mua chi nhiều vậy ?”

Tên kia nói : “Anh không biết ngày mai này là ngày đám cưới của chủ tôi là Hoàng-nhứt-Lang sao ?”

Tên quán nghe nói thì dừng hai chân mày, mình cười và nói : “Tưởng ai chớ đám cưới Hoàng đại-nhơn thì tôi đã có sẵn sàng rượu tốt, hai cậu chớ lo, muốn lấy chừng nào cũngặng.”

Tên kia nói : “Lấy tức thời bây giờ, anh hãy đem ra coi thử.”

Tên quán vội vã vô bưng hai ché rượu ra và nói : “Rượu này một ché hai nén bạc, ấy là để cho Hoàng-đại-nhơn, còn người ta thì giá mắc hơn nữa.”

Tên có râu liền thò tay vào túi móc ra bốn nén trả cho tên quán, rồi day lại uống rượu với tên kia. Còn Đông-Sơ với hai tên bộ-hạ ngồi phía trong tấm bình phong, lẳng lặng làm thỉnh để lóng tai nghe thử. Kế nghe tên quán hỏi : Chẳng biết Hoàng đại-nhơn cưới vợ ở đâu ? Xin hai cậu nói cho tôi rõ với.”

Tên kia nói : “Cưới tại Sơn-đông.”

Tên quán nhú mày và rùn vai mà nói : “Ai không biết cưới tại Sơn-đông, song tôi muốn hỏi người vợ quê quán ở đâu và tên họ chi cho biết.”

Tên kia day ngó chủ quán và cười hà hà mà nói : “À, nàng ấy, tôi không biết tên chi, song nghe nói quê ở Đông-kinh, mà bây giờ đây đã có hiện diện tại Sơn-đông.

Đông-Sơ ngồi trong nghe nói thì lấy làm lạ, liền lấy mắt nháy hai tên bộ-hạ, dường như biểu hai tên ấy lóng tai nghe coi. Kế nghe tên quán hỏi nữa : “Cậu nói lạ quá, chưa cưới mà sao nàng ấy đã có tại Sơn-đông ? Sự ấy cũng kỳ, cậu nói chơi sao chớ ?”

Tên kia lấy chén rượu uống một hơi rồi nói : “VẬY mới gọi rằng có duyên, nên tục diêu người ta nói rằng : Có duyên thì gặp vợ xinh, không duyên đứng dựa cột đình ngó trông. Nàng ấy chẳng biết ở đâu mà cô hai gặp đem về đó. Còn như anh em mình đây, gái xấu xấu đó còn kiếm chẳng ra, có đâu thỉnh không mà gặp nhằm gái lịch như vậy.”

Tên trai kia nói : “Thật nàng ấy lịch sự vô song, và con tử-tất của nàng, tên là Xuân-Đào, mặt mày cũng bảnh.” Nói rồi lấy chén rượu uống một hơi, rồi mỗi người lại xách một ché rượu sen, từ giã chủ quán ra đi, tuốt về sơn-động.

Đông-Sơ nghe nói tới tên Xuân-Đào thì sửng sốt một hồi, rồi nói : “Nếu vậy thì chắc là Tiểu-thơ với Xuân-Đào chẳng sai, song chưa rõ cố nào, mà lạc vào sơn-động”, liền day lại kêu tên quán và hỏi rằng : “Người ở đây có biết gốc rễ Hoàng-nhứt-Lang là ai chẳng ? Và người ấy ở núi này làm nghề gì, xin nói cho ta rõ.”

Tên quán nói : “Tôi nghe Hoàng-nhứt-Lang khi trước là bộ-hạ của Nguyễn-quang-Toản. Từ khi Nguyễn-quang-Toản thất thủ Bắc-kỳ rồi thì Hoàng-nhứt-Lang đem bộ-hạ gia-đình rất đông, đến chiếm cứ núi này ở đó gần mười năm nay, và có một người em gái tên Hoàng-nhị-cô tục kêu cô Hai. Anh em đều võ nghệ tinh thông. Em thì chuyên nghề săn bắn, nên ngày đêm hay dạo chốn rừng cao, còn anh thì du lịch giang-hồ, nên lắm lúc hay cỡi thuyền vượt biển.”

Đông-Sơ nghe nói thì tâm tư tự nghĩ một hồi, rồi day hỏi tên quán đường lên sơn-động bao xa ?

Tên quán nói : “Đây lên sơn-động có hai ngã. Một ngã đi quanh quanh lộn lộn trong núi rất xa, nếu không biết đường thì đi tối ngày cũng chẳng tới, và nhiều khi phải lạc vào rừng, không đường ra đặng.

Còn một ngã đi phía sau Cỗ-tháp, lên sơn-động thì gần, song rất hiểm nghèo ghê gớm lắm. Có nhiều người lên đó mà phải bỏ mạng, kẻ thì bị chết treo trên ngọn cây, kẻ thì chết khô trong bọng đá. Mới tháng trước đây, hai người ở xóm này uống rượu xinh-xoàng, rồi nửa đêm dắt nhau lên tháp, nói đi coi yêu quái thể nào, đi trọn một đêm mà chẳng thấy về. Sáng ngày vợ con và anh em dắt nhau lên kiểm, thì thấy một người bị chết treo trên cây đại-thọ,

le lưỡi dài hơn ba tấc. Còn một người ngồi dựa kệt đá, mặt mày xanh dờn, mình mẩy đều lấm bùn. mấy người kia lật đặt lại coi, thì còn sống mà nói không đặng, xem lại thì trong miệng đầy những bùn đất.”

Đông-Sơ nghe rồi thì gật đầu hai ba cái và nói : “Nếu quả thiệt yêu quái rất hung thì chẳng nên khinh sức mà đến đó.” Nói rồi biểu tên quán sửa sang phòng buồng, đặng ba thầy trò ngồi nghỉ. Tên quán vội vã dọn phòng xong rồi, mời Đông-Sơ vào nghỉ, còn va thì ra ngủ nơi nhà sau.

Một lát Đông-Sơ ngồi dậy bước ra thấy tên quán đã ngủ ngáy pho pho. Ngoài sân thì trăng sáng mờ mờ. Đông-Sơ bèn kêu hai tên bộ-hạ lại và dặn một tên phải ở tại quán, giữ đồ hành lý, và coi ngựa, còn một tên theo ta đi thám thính sơn-động, đặng dò coi tin tức Tiểu-thơ. Đó rồi Đông-Sơ lén lén mở cửa trước ra đi một đỗi, thấy trước mặt có một giang rừng. Đông-Sơ và tên bộ-hạ cứ theo đường mòn lần lần đi vào, hai bên cây bụi rậm rì thật là quạnh hiu vắng vẻ.

Khi đi khỏi rừng ra tới khoảng trống, thì thấy một cái tháp rất cao, ở dựa trên núi. Đông Sơ day lại nói với tên bộ-hạ biểu phải coi chừng hai bên đường và trước sau cho cẩn thận.

Tên bộ-hạ nói : “Tới đây đường xá tối tăm gay trở lắm, xin Quan nhơn đi sau để cho tôi đi trước, đặng dò thăm đường xá, kéo e hăm hồ hiểm nguy.” Nói rồi bước tới đi trước. Hai thầy trò ngó trước xem sau, lần lần đi tới. Bỗng thấy trước tháp có một cây đại-thọ rất lớn, bàn căn cổ đế, chẳng biết mấy trăm năm, cây lá rậm rì, tàng nhánh de ra, xa hơn mấy trượng.

Khi đi tới giữa cây, Đông-Sơ thấy một lần đen nhỏ nhỏ, trên cây thòng xuống. Xảy nghe tên bộ-hạ la lên một tiếng bài hải, thì thấy tên ấy hai chơn đã hồng dất lên gần một thước.

Đông-Sơ liền rút gươm nhảy tới chặt cái dây kia một cái rất mạnh, giây ấy

đứt ngang, thì thấy tên bộ-hạ vừa rớt xuống đất. Đông-Sơ day lại đỡ tên ấy đứng dậy, thì thấy vòng dây kia vẫn ngang qua cổ, còn một mối thì lòng thòng bên vai, lật đặt mở ra thì tên bộ-hạ đã vừa tỉnh lại. Đó rồi hai thầy trò ngó lên cây kiểm coi, thì thấy một bóng đen thui đi thăm thoát trên nhánh cây, như đi trên mặt đất, đi vô tới chỗ nhánh lá rậm rạp rồi mất.

Đông-Sơ day lại nói nhỏ với tên bộ-hạ : “Chuyển này mi hãy đi sau, để ta đi trước mới đặng.” Đó rồi hai thầy trò chăm bấm bước đi, chẳng chút chi gọi rằng sợ sệt. Hai bên đường đá dựng chập chồng, chỗ cao chỗ thấp, thành-linh nghe phía sau la lên một tiếng cứu tôi, cứu tôi. Đông-Sơ ngó ngoái lại thấy tên bộ-hạ còn ló cái đầu và hai tay chơi với bên lề đường, còn hai chơn và mình đều lút xuống đất.

Đông-Sơ liền nhảy lại nắm hai cánh tay, ra sức kéo lên. Còn phía dưới hang dường như có ai níu chơn trè xuống. Hai đàn nhùng nhằng hồi lâu. Đông-Sơ liền hét một tiếng biểu lên, tên bộ-hạ mượn thế Đông-Sơ vùng một cái nhảy lên trên đất, ngó lại thì thấy một hang đá rất sâu, dưới hang tối thui như mực.

Tên bộ-hạ đã hoảng vía kinh hồn, đứng thờ pho pho như trâu cắt cổ. Đông-Sơ hỏi có sao mà mi sụp xuống hang ấy ? Tên kia nói : “Tôi đương đi với Quan-nhơn, bỗng thấy dưới đất ló lên hai cánh tay đen thui, rồi thò nắm hai ống chơn tôi, hơi lạnh như đồng, tay nhám như da cá đuối. Tôi chưa kịp vùng thì đã kéo ngay xuống lỗ, bây giờ hai chơn còn đau tăng tăng, rờ coi thì rần rần dường như rướm máu.”

Đông-Sơ cũng lấy làm sự quái gở, rồi nổi giận lại ôm cục đá dựa đường rất to, quăng xuống hang ấy một cái nghe kêu bon bon, dường như liệng đá xuống giếng sâu vậy. Đó rồi hai người lần lần đi tới cái cổ tháp, thì thấy bốn phía quanh hiu, cửa đóng then gài, phía ngoài có một vòng thành xây bọc xung quanh, cỏ mọc bìm leo rậm rạp.

Hai thầy trò đứng ngó một hồi, rồi lần lại phía sau leo thành nhảy vô, thấy trong tháp tối mò, tư bề lặng lẽ, duy nghe những tiếng sành kêu tích tích, dế gáy re re, trước ngõ quanh hè, dơi bay rẹt rẹt. Đông-Sơ với tên bộ-hạ rút gươm cầm nơi tay, rồi lần bước vào trong. Bỗng thấy một lần ánh sáng nháng qua rồi mất.

Đông-Sơ nói với tên bộ-hạ, biểu phải coi chừng bốn phía cho kỹ. Kế nghe trong cửa rọc rạch dường như chơn đi động đất, nhưng chẳng thấy chi. Đông-Sơ đứng lại để coi. Kế thấy một bóng đen cao lớn sầm sầm, phăng phăng đi tới. Đông-Sơ cầm gươm hét lên một tiếng hỏi ai, phải yêu quái đó chăng ? Cái bóng đen kia liền đứng lại rồi đi vòng ra phía sau.

Đông-Sơ với tên bộ-hạ bước theo, nhưng bị bàn ghế cản trở nghinh ngang, nên đi mau không tiện. Còn cái bóng đen kia đi quanh qua lộn lại thắm thoát như không, và nghe tiếng áo cộ nhau ào ào, như tiếng đệm bao ai kéo trên đất vậy.

Đông-Sơ nóng nảy quyết rượt theo bóng đen ấy mà đâm một gươm, song tên bộ-hạ cứ níu áo Đông-Sơ và đi và run lập cập. Đông-Sơ nổi giận hét lên một tiếng lớn biểu ngừng. Trong lúc đêm thanh canh tịnh, cái tiếng ấy dội vào núi vang rân, dường như ai đứng ngoài rừng nhái lại.

Còn cái bóng đen kia cứ nhớn nhớn như đi quanh lộn ra phía nhà sau, tự nhiên tề tề tỉnh tỉnh, như tuồng chẳng nghe chẳng đếm chi đến lời Đông-Sơ kêu gọi. Bỗng đâu một ánh sáng nháng qua, liền thấy hình đen kia, mặt lớn chần vờn như mâm, nanh vuốt lộ ra như quỷ dạ-xa một thứ.

Tên bộ-hạ thấy liền phát rét, run lên, hai hàm răng đánh nhau, nghe khua cãm cộp. Còn Đông-Sơ thì lửa giận phừng gan, liền rút cây súng tiểu thương ra rồi nhắm ngay cái bóng đen ấy và nói : “Ớ bóng đen kia, nếu mi chẳng ngừng thì ta cho mi một mũi súng này, xỏ ngay vào ruột.” Nhưng cái bóng kia xâm xâm đi mãi. Đông-Sơ liền dương súng nhắm ngay bắn ra một mũi,

nghe kêu cái bộp, coi lại thì bóng đen ấy còn đi tự nhiên như thường. Đông-Sơ thanh nộ rút gươm nhảy tới rượt theo, thì bóng ấy bước ra cửa sau rồi mất.

Đông-Sơ và tên bộ-hạ xốc lại nơi cửa, đương đứng dòm coi, bỗng đâu dưới chơn đường như đất sụp thình không. Đông-Sơ tức thì nhảy trái ra một cách lạ lùng, rồi ngó lại thì tên bộ-hạ đã sụp mất xuống hang, và miệng hang liền lại như cũ, không thấy chi hết.

Đông-Sơ giận lấy gươm động trên miệng hang, và hét lên rằng : “Hãy mở cửa hang ra, mà trả tên bộ-hạ cho ta” và nói và động trên miệng hang ùng ùng, song cửa miệng hang dày như ván ngựa, không thể chi phá nổi.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười Tám

Khi tên bộ-hạ té nhào xuống lỗ, thì hai tay và mình mấy đều bị dây vắn chặt vùng vẫy không nổi. Thoạt nghe trên lầu tháp đánh ba tiếng chuông, kể thấy hai bên vách lộ ra hai ngọn đèn và hai người mặc đồ đen trong cửa hang bước ra.

Mỗi người đều mang một cái mặt nạ văn vận như quỷ, tóc bỏ xù xụ bên vai và ngó tên bộ-hạ và nói : “Người đã xuống cõi âm-ty, thì phải vào châu Diêm-chúa.”

Tên bộ-hạ vùng vẫy kêu la một hồi, song bị dây vắn chặt cứng hai tay như lưới nhện vắn ruồi, vùng vẫy không động. Đó rồi hai tên quái kia nắm hai mỗi dây dắt đi, như pháo thủ dẫn đem ra tòa hình mà kêu án.

Khi đi quanh lộ trong hang, nhờ có đèn sáng mờ mờ, nên thấy hai bên đường, đá dựng chập chồng, chỗ do ra chỗ hũm vô, lỗ đổ như tàng ong, có ngách có hang, uốn éo quanh co, xem dường xà-đạo. Khi tới một cửa đá, hai tên quái kia mở cửa dắt tên bộ-hạ bước vô, thấy một động đả lớn như tòa nhà, phía trước có sân rộng, thềm cao, xem dường một chỗ thánh đường công sự. Kể thấy mười người mặc đồ đen trong cửa sau bước ra, mỗi người tay cầm một cây đèn sáp, thấp sáng như ban ngày, rồi lại đứng hai bên sân, coi bộ oai nghi tề chỉnh, ngó vô trong thì thấy một người ngồi giữa, và một người đứng phía bên kia, cả hai đều phủ một tấm lưới đen lòng thòng trước mặt.

Hai tên quái kia liền dắt tên bộ-hạ vô đứng trước sân, người ngồi giữa thấy thì hỏi : “Mi là ai sao dám lén vào sơn động ?”

- Thừa tôi đi săn bắn với chủ tôi, rủi bị lạc đàn, lỡ bước vô đây, chớ chẳng phải người gian tế.

Người ngồi giữa day lại ngó mấy tên đứng hầu hai bên và nói : “Vậ bây hãy đem treo nó trên cây đại-thọ, chờ bắt đặng chủ nó rồi sẽ trị tội luôn thể.”

Vừa dứt lời thì đã thấy mấy tên kia áp lại dẫn tên bộ-hạ đi quanh qua lộn lại một hồi, khi ra khỏi hang, tới một cây rất lớn. Mấy tên kia lại đứng vây xung quanh gốc cây, mỗi người đều cầm một ngọn đèn sáp, đốt lên sáng rõ. Kế đó một tên lại thông mỗi dây trên nhánh cây xuống và cột hai tay tên bộ-hạ lại, rồi lấy một mối dây kia, đặng nắm mà rút lên.

Tên bộ-hạ thấy vậy thất kinh, run như thăn lăn và bệu-bạo và nói : “Các cậu ôi, xin các cậu làm ơn để tôi dưới đây, nếu treo lên ngọn cây, thì chắc đêm nay phải chết.”

Tên kia nói : “Mi sợ chết sao còn dám lết vào đây, thôi để tao cho mi chuyển này làm con ma lười dài ba tấc”, nói rồi lại nắm mỗi dây kia, mới vừa rút lên, thì la trời ôi một tiếng rồi té nhào xuống đất.

Mấy tên kia chẳng biết cố chi, xúm lại đỡ lên, thì thấy một mũi tên ghim ngang bắp tay, máu ra lai láng, mấy tên kia lật đật rút mũi tên ra, rồi chạy rào bốn phía xung quanh, kiểm coi ai bắn, song chẳng thấy một ai, liền chạy báo cho chủ hay lập tức.

Một lát thấy hai người, trên mặt đều phủ hai tấm lưới đen, trong động phăng phăng đi ra, và truyền cho bọn nó đốt đuốc thắp đèn, rọi kiểm khắp nơi, coi ai bắn mũi tên ấy. Khi ngó lên gộp đá cao kia, thấy một người tay cầm cung, tay chống nạnh, bộ tướng như thiên thần, đứng cách tề tnh oai nghi, chẳng chút chi là nao lòng động ý.

Tên chủ sơn-động liền bước tới kêu lớn mà hỏi rằng : “Tên kia, người là

ai, sao nửa đêm dám đến đây mà làm điều vi pháp như vậy ? Người chẳng biết cái sơn-động này là một chỗ rất nguy hiểm hay sao ? Hễ ai vào đây mà chẳng có lệnh ta, thì không thể gì ra được, vậy người là ai nói ngay cho ta biết ?”

Người đứng trên gộp đá đáp rằng : “Đứa bị treo kia có tội chi, mà bị hành hình cách dữ tợn như thế. Nên ta đến đây cứu nó. Ta là một đứng đường đường khí phách, đã từng vào sanh ra tử, vượt biển trèo non, xem những sự nguy hiểm trên thế gian này như một chỗ hí trường (trò chơi) có chi lạ mà gọi rằng chẳng biết. Còn như người muốn hỏi tên ta xin hãy chịu khó ngó lên cái chéo khăn của người, thì rõ.”

Người kia nghe nói vừa liếc mắt ngó lên, thì đã thấy một mũi tên bay tới ghim nơi chéo khăn, thất kinh vội tay rút mũi tên xuống xem, thì thấy trên đầu mũi tên có đề “Võ-đông-Sơ” ba chữ.

Nguyên Võ-đông-Sơ là một người có tài bắn giỏi phi thường, và tài trèo non cũng đệ nhất. Nên khi tên bộ-hạ sụp xuống miệng hang rồi, Đông-Sơ tính phá cửa hang không nổi liền nhảy thành ra khỏi cái tháp, rồi bằng rừng vượt bụi chuyền gộp đá này qua gộp đá kia, đi trên non thẳm thoát như đi dưới đất bằng, quyết lực ngách tìm hang mà kiếm tên bộ-hạ cho được.

Khi trèo lên một gộp đá kia, bỗng thấy bọn sơn-động đương đem tên bộ-hạ mà treo lên nhánh cây, thì Đông-Sơ đứng trên gộp đá cao dương cung ráp tên rồi nhắm ngay cánh tay tên kia bắn cho một mũi. Đến lúc tên chủ sơn-động ra hỏi danh tánh, thì Đông-Sơ muốn đem cái tài bắn phi thường của mình ra chứng sơ cho chúng nó thất kinh nên chẳng chịu lấy miệng mà xưng danh, lại lấy mũi tên bắn ghim nơi chéo khăn để cho chúng nó xem đó thì biết danh và biết tài của mình luôn thể.

Khi tên chủ sơn-động rút mũi tên xuống xem thấy 3 chữ Võ-đông-Sơ thì day lại ngó chăm chỉ trên gộp đá một hồi rồi hỏi :

“Võ-đông-Sơ nào, phải là Đông-Sơ Trung-úy chẳng ?”

Đông-Sơ nói : “Phải.”

Người ấy liền day lại nói với người đứng một bên rằng : “Vậy thì Võ-đông-Sơ này là người ân-nhân, hai ta phải ra nghinh tiếp.” Nói rồi hai người đều lấy tấm lưới đen trước mặt xuống, và lật đặt bước ra trước gộp đá, cúi đầu chào Đông-Sơ và nói : “Tôi cam thất lễ, xin ân-nhân miễn chấp.”

Giữa sân đèn sáng tỏ rõ, Đông-Sơ ngó lại thì thấy người ấy còn trai, đầu bịt khăn đen, mình mặc một bộ đồ võ-phục, mũi cao mày rậm, tướng mạo khô ngô, rồi ngó lại người đứng phía sau thì thấy một gái quốc sắc hồng nhan, tác chừng hai mươi mấy tuổi, má phấn môi son, dung nghi kiều mị, cũng mặc một bộ đồ võ-phục, bộ tướng gọn gàng, trên vai có choàng một cái áo lông chiên phủ ra trước ngực, đứng phía sau, mắt liếc Đông-Sơ, chúm chím miệng cười, như bông phù dung mới nở.

Đông-Sơ lấy làm lạ ngó sững mà chẳng biết người nào, rồi day hỏi người trai kia rằng : “Túc-hạ và cô-nương là ai xin nói căn do cho tôi rõ.” Tên kia nói : “Tôi tên là Hoàng-nhứt-Lang, còn người này là em gái tôi, tên là Hoàng-nhị-cô. Cách ba tháng nay, khi tôi ở Bắc-kỳ về ngang biển Hà-Long, thành-linh gặp bọn hải-khẩu bên Trung-quốc, đón cướp thuyền tôi. Bọn nó rất đông, nên cự không lại, phải bị nó giết hết ba tên thủy-thủ và gần bắt đặng tôi. May đâu gặp đạo chiến thuyền của Quan-nhơn, đến đánh bọn nó vỡ tan, và cứu khỏi chúng tôi trong lúc nguy hiểm. Đương khi bắt cập, tôi lật đặt xuôi bờm vượt biển, chẳng kịp bái tạ ân nhân. Song tôi thấy cây cờ cạm trước thuyền của ân-nhơn, có đề 4 chữ “Đông-Sơ Trung-úy” thì tôi ghi dạ chạm lòng, để ngày sau gặp sẽ đền ơn tri-ngộ. Chẳng dè ngày nay gặp Quan-nhơn đến đây, thật cũng một cuộc trùng phùng rất nên hân hạnh. Vậy xin ân-nhơn theo tôi bước tới tư đường, rồi sẽ cạn lời trò chuyện.

Nói rồi dắt Đông-Sơ đi vòng theo đường núi, khi ra khỏi động thì thấy

một tòa nhà rộng rãi nguy nga, trước sân có xây một vòng sơn-ly thạch-trụ, trong nhà ghế bàn rực rỡ đèn đuốc sáng lòa.

Đông-Sơ liếc mắt xem qua, thấy trước bàn thờ có để hai ché rượu, và nghi tiết sẵn sàng, thì biết chắc ngày mai sẽ làm lễ cưới. Như lời hai người mua rượu đã nói tại quán trong lúc ban ngày đó vậy.

Nhứt-Lang bèn mời Đông-Sơ ngồi giữa khách đường, rồi hối trẻ đem trà, còn Hoàng-nhị-cô từ giã rồi trở về tư thất.

Nhứt-Lang nói : “Khi tôi ở Bắc-kỳ nghe Quan-nhơn phụng mạng tuần dương, nhưng nay chẳng biết Quan-nhơn có việc chi đi đến xứ này, làm cho tôi đặng thấy tôn nhan, thì chẳng biết bao nhiêu thỏa tình ái mộ.”

Đông-Sơ nói : “Từ khi tôi dẹp yên hải-khẩu kể đặng Thánh-chỉ gia thăng làm chức Đô-úy và sai đi tuần thủ phía Nam-quan. Khi đi tới đây, thì trời tối, tôi bèn tạm quán nghỉ ngơi, nghe nói núi này thỏ nhiều, nên thầy trò tôi đi săn chơi, đặng dạo xem phong cảnh luôn thể. Nay tôi đến đây thấy cuộc qui mô hoành tráng, đồng võ nguy nga ; tôi rất khen cho Túc-hạ thật khéo kinh dinh, nhưng mà trong việc chủ quỹ môn đình, chẳng biết Túc-hạ đã có người tề gia nội trợ hay chưa ? Xin nói cho tôi kính mừng luôn thể.”

Hoàng-nhứt-Lang nghe Đông-Sơ hỏi, thì cười hà hà và nói : “Thuở nay tôi mải lo du lịch giang-hồ, bốn nam tẩu bắc, lấy kim cung mà làm sự nghiệp, mượn non nước mà làm cửa nhà, nhưng chưa toại chí tang bồng, tôi rất hổ phận nam-nhi đứng trong hoàn-vô. Vì vậy nên việc trăm năm tơ tóc, tôi cứ lãng lơ, gác để ngoài tai, mải vui theo thú biển rộng non dài, mà việc gia-thất chưa người nội trợ. Nay mới gặp một nàng phương xa lạc bước, đã cùng tôi hứa định lương-duyên, vậy xin tỏ thiệt cùng Quan-nhơn, mai này là ngày đám cưới hoa chúc động phòng của tôi. Ấy là ngày thứ nhứt trong đời tôi, mới bước vào đường nhơn duyên chồng vợ đó thôi.”

Đông-Sơ bèn hỏi phăng thêm rằng : “Vậy ngày mai này là ngày Túc-hạ làm lễ nghinh hôn, nhưng chẳng biết người của Túc-hạ cưới đây, quê quán ở đâu, mà gọi rằng phương xa lạc bước.”

Nhứt-Lang nói : “Người ấy quê ở Đông-kinh, mẹ cha mất sớm, nên nàng tính qua Hải-ninh thăm viếng thân nhơn, chẳng dè rủi ro lạc bước giữa rừng, nhưng may gặp em gái tôi là Hoàng-nhị-cô đem về hôm nay, bây giờ ở tại sơn-động.”

Đông-Sơ nghe nói tới đây thì thầm nghĩ rằng : Nếu lấy theo lời Nhứt-Lang nói vậy, thì quả thiệt Bạch-thu-Hà, nhưng chẳng biết có sao nàng lại bội ước vong tình với mình, mà hứa hôn cùng Nhứt-Lang cũng lạ ?

Nghĩ rồi đây lại nói nói cười cười, trò chuyện cùng Nhứt-Lang cho giả lảng, nhưng trong ruột đã sanh ra một khối đố hận nghi sâu, nó quặn quặn lừng lên ngăn ngang giữa ngực.

Hai người đàm đạo một hồi rồi, Nhứt-Lang biểu trẻ dọn phòng nơi khách-đường cho Đông-Sơ, còn Nhứt-Lang thì ra hậu đường rồi vào tư phòng ngồi nghỉ.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Mười Chín

Khi Đông-Sơ ở trước phòng khách một mình với tên bộ-hạ, thì vào ra thơ thẩn, đứng nghĩ ngồi suy, rồi thầm trách Thu-Hà rằng : “Thu-Hà ôi ! mi là con nhà đại-gia vọng tộc, cũng tiếng một gái đức hạnh thùyên-quyên, sao mi nỡ đem thói lãng hạnh bạc tình, mà phụ kẻ tình xưa nghĩa cũ. Thế thì mi quên lúc lương-dinh hội ngộ, đã cùng nhau căn dặn đến đều, thế thì mi quên lúc dưới nguyệt bên hoa, đã cùng nhau nặng lời thệ ước đó sao ? Hay là mi tưởng ta mắc trôi nổi theo chốn chơn trời mặt biển, xa xôi cách trở quan hà, làm cho mi nhọc công tháng đợi năm chờ, nên mi dời lòng đổi dạ phải chăng ? Hay là mi sợ cái sắc mi hương tàn phấn lợt, mà lỡ bề kết tóc xe tơ, nên mi vội vã kiếm nơi mà trao thân gởi phận ? Hay là mi nghe người, lời ngon lẽ ngọt, nỉ non tiếng quyến giọng kèn, làm cho mi xúc động tâm thần, mà cầm lòng chẳng đậu đó chăng ? Nhưng mà sự dời lòng đổi dạ, bội ước vong tình của mi đây chẳng hề làm cho ta xúc động tâm thần chút nào, và đeo phiền chác muộn chi hết. Ta chẳng hề để cái chí khí nam nhi này cho cái tình sắc dục kia nó buộc ràng kèm chế.

Thu-Hà ôi ! ta vì là vì chút tình thâm nghĩa trọng, và những lời thệ ước ngày xưa, mà phải lướt bụi băng rừng, xuống hang vào động, dầu cho thiên lao vạn khổ cũng chẳng từ nan, ví dầu gặp cơn nguy hiểm thế nào, thì ta cũng dám lấy một gan đờm anh-hùng mà đổi mạng sống này làm hi-sanh, ngô cam một thác với tình, cho ân nghĩa vẹn tuyền thì cũng toại chí bình sanh, yên lòng sở nguyện.

Thu-Hà ôi ! nhưng mà cái sở nguyện ấy đã làm cho ta ngày nay tình lộn tưởng lầm mà đến đây, vậy thì ta cũng chịu khó chống cặp mắt hữu tình này

lên, chờ đến ngày mai, đừng coi cái người yếu điệu thuyền-quyên là mi, phối hiệp lương duyên, động phòng huê chúc, và ta cũng vui lòng mà chúc mừng cho mi, vợ chồng đừng bách niên giai lão, từng nhứt nhi chung, đừng từ đây sắp sau, khỏi mang cái tiếng sỉ tiết ô danh, rằng gái bạc tình lãng hạnh ấy nữa.”

Đông-Sơ thầm trách như vậy một hồi rồi lại nằm nơi giường, đương tâm tư nghĩ ngợi, bỗng nghe tiếng nói nhỏ nhẹ bên tai rằng : “Sự Thu-Hà hứa hôn cùng Nhứt-Lang ấy thì việc còn khuất lấp, vì chưa thấy tận mắt mình, nếu mình nóng nảy hốt tốt mà trách người, vậy e chưa đúng nhằm công lý. Phải để mà cùng suy tốt nghĩ, đợi cho bằng cứ rõ ràng, chẳng nên nghe bốc một người, mà vội vã buông lời trách cứ. Nếu thiệt rằng Thu-Hà đem lòng lợt lẻo, thì lỗi kia cho trách cũng đành. Ví bằng việc chẳng như lời, mà mình buộc một lỗi nặng nề cho kẻ liễu yếu đào thơ, vậy chẳng là oan người tội nghiệp ? Xét lại trong lúc anh nàng muốn ép duyên tơ tóc, mà gả cho Vương-Bích ngày xưa, nhưng nàng còn chặt dạ bền lòng, quyết giữ một lời thỉ chung cho trọn nghĩa, vì vậy nên nàng từ hôn chẳng chịu, phải ra thân lưu lạc giang hồ, và trôi nổi theo lượn sóng biển tình, kiếm chỗ ký túc thê thân, đừng lần lựa mà chờ ngày trùng phùng hội diện. Nay chỉ nghe một lời Nhứt-Lang nói đó, song chưa giáp mặt nàng, nếu mình tin vội nghe lầm, thì sao cho phải một người trầm cơ thâm đoán. Vả lại mình là một đứng trượng phu hào hiệp, mà chác chi những chuyện độ lượng hẹp hòi, theo lẽ quảng đại hơn từ, nên ta chẳng nổi để vậy mà diềm nhiên mặc thị. Nay trong lúc canh khuya vắng vẻ, ta xin thay mặt Thu-Hà, đừng lấy lễ công bình mà kêu nài ít lời cho mình bạch.”

Cái tiếng ấy thỉnh thoảng bên tai văng vẳng, nghe càng sách hoạch rõ ràng, làm cho Đông-Sơ đương lúc mơ màng, giật mình mà tỉnh lại, thì là một tiếng lương tâm của Đông-Sơ nói ra, chớ chẳng phải người nào xa lạ.

Cái tiếng lương tâm ấy cãi lấy một hồi làm cho Đông-Sơ tỉnh ngộ mà rõ

đặng một chánh lý rõ ràng, và những sự thăm trách trộm nghi chấp chứa trong lòng, bây giờ đã lần lần tan mất. Đó rồi Đông-Sơ bước lại đứng dựa cửa sổ ngó ra, muốn kiếm Bạch-thu-Hà đặng dò thăm tình ý. Song núi non mờ mịt, chẳng biết nơi nào. Xảy nghe tiếng gõ cửa phía sau, ngó lại thì thấy Hoàng-nhút-Lang chầm hăm bước vô, tay cầm một phong thư và đi và nói :

“Xin lỗi cùng Quan-nhơn, tôi có một việc cần yếu, muốn hỏi Quan-nhơn, nên chẳng nệ lúc đêm vắng canh khuya, đến đây làm cho nhọc lòng Quan-nhơn, xin Quan-nhơn miễn chấp.

Đông-Sơ nói : “Túc-hạ muốn hỏi việc chi, xin hãy nói nghe, nếu tôi có thể đợi lao, thì tôi cũng sẵn lòng phụ ích.”

Nhút-Lang nói : “Tôi xin hỏi Quan-nhơn một điều, khi Quan-nhơn ở tại Đông-kinh Quan-nhơn có biết một người gái tên là Bạch-thu-Hà chẳng ?”

Đông-Sơ nghe hỏi thì lấy làm lạ, và tự nghĩ rằng : Thế thì Nhút-Lang nghi ngại điều chi, nên đến đây mà dò thăm tình ý. Nghĩ vậy rồi day lại nói với Nhút-Lang rằng : “Phận gái là chỗ khuê-môn bất xuất, cửa đóng then cài, xưa nay nam nữ bất thân, dễ chi mà rõ biết được người, dầu có biết cũng chẳng lẽ tôi buông lời thổ lộ.”

Nhút-Lang nói : “Vậy tôi xin tỏ thiệt cùng ân-nhơn mới đây trẻ gia-đình của tôi lượm đặng một phong thư dưới hàng cổ tháp, đem trình cùng tôi, tôi chẳng rõ thư chi liền dỡ thư ra xem thử, thì thấy thư ấy gởi cho Quan-nhơn, phía dưới có tên Bạch-thu-Hà tự ký. Vì vậy nên tôi vội vã đến hỏi Quan-nhơn cho rõ căn do. Nếu Quan-nhơn nói rằng chẳng biết Bạch-thu-Hà, thì thư ấy ắt chẳng gởi cho Quan-nhơn, và tôi phải giữ thư này đặng chờ người nhận lãnh.”

Đông-Sơ nghe nói thư của Bạch-thu-Hà gởi cho mình thì mừng rồi day lại nói với Nhút-Lang rằng : “Nếu quả thư của Bạch-thu-Hà thì tôi tỏ thiệt cùng

Túc-hạ, người ấy là người đã gá nghĩa nhưn duyên cùng tôi, khi ở Đông-kinh, song tôi mắc việc quân vụ đa đoan, nên chưa kịp tính bề hôn thú. Vậy nếu Túc-hạ vui lòng thì xin trao thơ ấy cho tôi xem thử.” Nhứt-lang liền trao thơ cho Đông-Sơ xem, thì thấy quả thơ của Thu-Hà. Song thơ ấy là thơ trước khi Thu-Hà xuống thuyền qua Hải-ninh, thì đưa cho thơ-đồng, dặn chờ Đông-Sơ tuần dương trở về thì giao lại. (Thơ ấy tự sự đã nói trước rồi, đây chẳng cần nhắc lại.) Khi ấy Đông-Sơ để trong túi áo, đến lúc lên thăm sơn-động, rớt mất không hay, nên gia-đình của Nhứt-Lang lợm đặt).

Đông-Sơ xem rồi day lại nói với Nhứt-Lang rằng : “Phải, và người này là người tình nghĩa của tôi đã có lời thệ ước, và gá nghĩa nhưn duyên như lời tôi đã tỏ cùng Túc-hạ khi nãy đó vậy.

Nhứt-Lang nghe nói thì neho mày và tự nghĩ rằng : “Nếu vậy thì tên Bạch-thu-Hà trong thơ này với người mình sẽ cưới đây, hẳn là một người chẳng sai. Nhưng sao em là Nhị-Cô chẳng dò trong lóng đục, gạn hỏi sự tích cho rõ ràng, để làm lỡ nhưn duyên của người, làm cho rẽ phụng lìa loan, vậy sao rằng phải, hay là em mình nó thấy người thất thân lưu lạc, mà có ý cậy thế ép duyên, rồi ẩn việc tình nghĩa cùng Đông-Sơ, chẳng cho mình rõ. Nay việc hiển nhiên bằng cứ, thì chẳng lẽ ta vì một gái ấy mà khóa lấp lương-tâm, và làm đều cưỡng hôn đoạt lý cho đặt.” Nghĩ rồi day lại nói với Đông-Sơ rằng :

“Đây tôi xin tỏ thiệt cùng Quan-nhơn, người tôi sẽ cưới ngày mai này, danh tánh quê hương và căn do sự tích đều in như người trong thơ đó vậy, và tôi quả quyết là một người chẳng sai. Nay gặp Quan-nhơn đến đây, thật là người cũ duyên xưa, đã đặt trùng phùng hội diện. Vậy thì tôi xin tỏ thật cùng Quan-nhơn, tôi nay quyết ý từ hôn, và đưa người ấy lại cho Quan-nhơn cho trọn niềm tình nghĩa.”

Đông-Sơ nói : “Nếu Túc-hạ nói vậy, ra lý tôi cố ý đến đây đặt phá hoại nhưn duyên và đoạt tranh người hôn phối của Túc-hạ đó sao ? Nếu như nà

ấy quả thiệt Bạch-thu-Hà mà người đã bằng lòng gá việc hôn-nhơn cùng Túc-hạ rồi, thì sự tình nghĩa giao ước cùng tôi ngày xưa, nay đã xem đường trôi theo dòng nước. Vả lại tôi là một đứng đường đường nam-tử, và trong thiên-hạ chẳng thiếu chi Thục-nữ thuyên-quyên, lẽ đâu tôi còn nhìn một người bội ước vong tình như vậy, mà kết làm lương duyên can-lệ, và tôi chẳng hề chịu đem một danh giá anh-hùng này, mà tranh đoạt hôn-nhơn, là một điều rất nhục nhơ phi lý ấy đâu ?”

Nhứt-Lang nói : “Việc này tại em tôi là Nhị-Cô, ra đứng trao lời tác hiệp, buộc việc hôn-nhơn, nhưng tôi chưa hề giáp đến mặt người, và cũng chẳng rõ là người ân tích của Quan-nhơn khi trước. Nay Quan-nhơn đã gọi rằng chẳng chịu đem một danh giá anh-hùng mà làm điều đoạt hôn phi nghĩa, thì tôi lẽ đâu vì một người hồng nhan nhi-nữ, mà làm cho mích ơn tri ngộ cùng Quan-nhơn, và làm cho bại hoại một danh giá trượng phu chí khí của tôi nữa sao ? Nếu thật rằng Quan-nhơn chẳng chịu nhìn người ấy làm lương-duyên, mà cho là kẻ bội ước vong tình, thì tôi đây xin tỏ một lời khẳng khái rằng : Tôi đã nhứt định hai điều : Một là tôi quyết ý từ hôn, hai là tôi sẽ cho người đưa nàng về quê hương xứ sở. Nhưng trước khi đưa nàng ra khỏi sơn-động, tôi xin Quan-nhơn chịu phiền đi cùng tôi ra tại thạch-đỉnh, cho giáp mặt đôi đôi và gạn hỏi cho minh bạch sự tình, đặt ngày sau khỏi mang một khối sầu nghi phiền trách nơi dạ.”

Nói rồi bước lại nắm tay Đông-Sơ hai người dắt nhau ra đi một lượt.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Hai Mươi

Khi ra gần tới Thạch-đỉnh, bỗng thấy một người trong hang đá nhảy ra, tay cầm một cây đoản đao xốc tới. Đông-Sơ liền rút gươm nhảy lại muốn đâm tên kia, kế Nhứt-Lang la lên một tiếng, biểu tránh, thì tên ấy liền tránh ra một bên, rồi Nhứt-Lang day lại cười và nói với Đông-Sơ rằng :

“Đó là tên bộ-hạ của tôi ở đây canh giữ cái thạch-đỉnh này. Trong lúc đêm khuya, thấy Quan-nhơn cùng tôi ngỡ là bọn tể tác gian nhơn, nên nhảy ra mà ngăn cản.”

Đông-Sơ nghe rồi dứt gươm vào vỏ và lấy tay vỗ vai Nhứt-Lang và nói :

“Thật tôi khá khen cho Túc-hạ là người trí dũng song toàn, tôi xem trong sơn-động này chỗ nào cũng đều có trí người quan phòng nghiêm nhặt cả thảy.” Đó rồi đi với Nhứt-Lang thẳng tới Thạch-đỉnh, thấy cửa đóng then gài, còn ba bề thì sóng bủa ào ào, xem lại thì Thạch-đỉnh ở trên hòn núi rất cao, như một cù lao thọc ra ngoài biển vậy.

Nhứt-Lang bèn bước lại gõ cửa và kêu, nhưng trong Thạch-đỉnh lẳng lặng im lìm, chẳng thấy một ai mở cửa. Nhứt-Lang lấy làm lạ, liền xô cửa bước vô với Đông-Sơ, thì thấy một người gái hơ hải chạy ra. Đông-Sơ ngó lại thì rõ ràng là thể-nữ Xuân-Đào, còn Bạch-thu-Hà ở đâu chẳng thấy.

Xuân-Đào thấy Đông-Sơ mừng quýnh, lật đật chạy vô đặng kêu Thu-Hà. Vừa bước vô phía trong, thì vùng la lên một tiếng bài hải.

Đông-Sơ và Nhứt-Lang lật đật chạy vô, thì thấy nét mặt Xuân-Đào đã tái

xanh thất sắc, đứng dớn giắc, ngó quanh, tường như một đũa đã mất vía đèn hồn, nói chi chẳng đặng.

Đông-Sơ kêu Xuân-Đào và hỏi : “Cô mi là Thu-Hà ở đâu chẳng thấy, mi hãy tỉnh lại nói nghe.”

Xuân-Đào ngó lơ lảo xung quanh rồi nói : “Cô tôi hồi nãy ở đây, mà bây giờ chẳng biết có sao đâu mất.”

Đông-Sơ và Nhứt-Lang nghe nói thất kinh, liền bước ra kêu lên quân canh và hỏi : “Mi đêm nay có thấy Tiểu-thơ Bạch-thu-Hà đi đâu không ?”

Tên kia nói : “Hôm giờ tôi canh giữ ở đây, chẳng thấy cô nương ra vào chi hết.”

Nhứt-Lang và Đông-Sơ nghe rồi liền trở vô Thạch-đình lại cửa sổ dòm coi xung quanh, chỉ thấy phía dưới Thạch-đình đá dựng đứng sừng như vách tường, và sóng biển nhào lộn lằng xằng, bỏ vôi trắng giã, ngó lại cửa sổ thì thấy trên ngạch còn để một đôi nữ hài của Thu-Hà đó thôi, chớ chẳng thấy chi nữa.

Hai người đương đứng sừng ngó nhau, bỗng nghe Xuân-Đào la lên rằng : “Cái gì đây, cái gì đây ?”

Đông-Sơ và Nhứt-Lang lật đặt lại coi, thì một cái thơ để nằm trên ghế, có đề ngoài bao “Hoàng-nhị-Cô khai khán”. Nhứt-Lang liền lấy thơ dở xem, thì trong thơ nói như vậy :

“Kính cùng Quới cô đặng rõ, từ khi tôi nhờ ơn Quới cô cứu mạng, đem về để ở Thạch-đình, và Quới cô lấy sự tình nghĩa chị em, mà đãi tôi như đồng bào cốt nhục, và nhiều phen khuyên bảo, muốn cho tôi gá nghĩa cùng Nhứt-Lang, nên kiếm lời thân thiết mà buộc ràng, nếu nghịch ý thì e sanh đều chích mịch. Tôi nghĩ cho phận tôi là kẻ cô thân phiêu bạt, lại mang ơn tri ngộ nặng

nề. Vì vậy tôi chẳng biết tính sao, nên phải chịu lòng mà chịu dờ. Chẳng dè ngày nay hôn kỳ sắp tới, nên tôi xin tỏ thiệt cùng cô nương, tôi đã đem việc trăm năm duyên phận mà hứa trước cùng Đông-Sơ là người tôi đã có thể ước nặng lời. Dẫu cho thế nào, cũng chẳng dám dờ lòng dối dạ. Vậy nay tôi chỉ còn một thể là tôi nhứt nguyện mượn chốn biển sâu vực thẳm này, mà gửi thân lưu lạc cho rồi, thà cam một thác với tình, đừng chờ kiếp khác luân hồi tôi sẽ đền ơn cô-nương tri ngộ.”

BẠCH-THU-HÀ tự ký.

Hai người xem thơ rồi sững sốt ngó nhau, thì thấy một vẻ u sầu dầu dầu tràn ra nét mặt, kẻ thì thương người tình xưa nghĩa cũ, xiết bao ruột héo gan xào, kẻ thì trộm trách thầm than, bởi em mình ép buộc nhơn duyên làm cho người phải trầm thân tự tử.

Đó rồi Nhứt Lang day lại nói với Đông-Sơ rằng : “Việc này bởi em tôi muốn ràng buộc một giây tức để, đặt cho chị em khăng khít thân tình, ấy là muốn tính khéo tính khôn, chẳng dè đổ dồn lại vụng, nay rủi thay việc ra nông nổi, làm cho Quan-nhơn mất một người nghĩa trọng tình thâm, và làm cho tôi phải mang một tiếng đoạt lý cưỡng hôn rất nhục nhơ cho danh giá.” Nói tới đây kể thấy Hoàng-nhị-Cô ngoài cửa xơn xao bước vô, bộ coi hơi hải.

Nhứt-Lang thấy thì nổi giận, trợn mắt lườm lườm, rồi kêu Nhị-Cô và nói : “Nhị-Cô, ai biểu mi thày lay đem lời mai mối, mà ép cuộc nhơn duyên, làm cho Thu-Hà ngày nay phải liều mình mà tự tử như vậy ? thì mi liệu làm sao ?” Nói rồi lấy thơ quăng ngay trước mặt Nhị-Cô, và mặt đỏ phừng phừng sắc giận.

Nhị-Cô lấy thơ xem rồi, day lại trả lời cách tỉnh tề sách hoạch rằng :

“Thưa Quan-nhơn và anh, việc này bởi tôi thấy người hiền lương dung hạnh, và ngờ là chưa nơi gá nghĩa tình duyên, nên bấy lâu đem lòng trộm dấu

thâm yêu, ý muốn buộc một dây tình thân nghĩa thiết. Vì vậy tôi mới đem lời ràng buộc và khuyên người gả nghĩa Tấn-Tân, trước là tình chị em sớm tối đặng gần, sau là anh tôi cũng được thành cuộc lương duyên giai ngẫu. Nếu lấy theo lẽ tình ngay lý vạy, mà cho rằng tôi ép duyên, thì tội ấy tôi cũng đành. Nhưng lấy theo công lý mà suy, thì tôi đã thi ân cứu mạng trong cơn gặp gỡ giữa rừng ; đến lúc về ở Thạch-đình, tình em chị tôi cũng đãi dưởng ruột thịt, vậy chẳng những tôi là người thành tâm thiết ý, lấy đều phương tiện giúp người, mà rõ ràng tôi thiệt là người ơn, muốn đây đó một nhà sum hiệp ; nếu nói rằng tại tôi ràng buộc, là bởi Thu-Hà chẳng chịu tỏ thiệt tình duyên, nên tôi chẳng rõ căn nguyên, mới mượn thế nài hoa ép liễu. Chí như việc Thu-Hà liều thân tự tử, là tại nơi người muốn cho trọn nghĩa với tình, nên chẳng chịu tâm sự tỏ bày, mà vội vã tự tầm đoản kiến, chớ chi nàng bày ngay việc trước, thì lẽ đâu tôi còn dám ép buộc tình sau, tôi nghĩ cho cũng phận thơ đào ; ép thì ép mờ mờ nào ép duyên, nay chẳng may mà xảy ra cơ hội, người đã mất rồi, dầu hẹp suy mà đổ lỗi cho tôi, thì cũng chẳng ích gì đến việc.”

Nhị-Cô nói rồi, đứng liếc mắt ngó Đông-Sơ, dường như có ý chờ coi Đông-Sơ liệu định lẽ nào cho biết.

Còn Đông-Sơ thì thấy một gái hồng nhan yếu điệu, nét na ăn nói dịu dàng, đứng một bên mình mà tỏ vẻ những tiếng khéo lời khôn, giọng nói như đồn khảy to nhỏ bên tai, nghe rất thanh bai tao nhã, làm cho một đứng trượng phu khảng khái, đương gặp một cảnh ngộ rất nên thâm như vậy, thế thì cũng là : đau lòng tử biệt sanh ly, nửa thương tình cũ nửa vì giọng khôn.

Đông-Sơ khi nghe bấy nhiêu lời rồi, thì chẳng biết tính sao, đứng đó mà ngơ ngẩn tâm thần, rồi cũng phải lần lần hồn tiêu khí giảm, kể đó day lại nói với Nhị-Cô rằng : “Việc này cũng bởi tại tôi vô duyên bạc phước, nên khiến cho chẳng đặng gặp gỡ vợ hiền, ấy cũng vì nơi mạng vận đảo điên, chớ cô nương có can chi phòng ngại.” Nói rồi thì thấy trời vừa rạng sáng, Đông-Sơ

liền từ giã Nhứt-Lang và Nhị-Cô, rồi dặt tên bộ-hạ và Xuân-Đào trở về lữ-quán.

Hoàng-nhị-Cô thấy Đông-Sơ thật một người phong tư tuấn dật, tướng mạo đường hoàng, thì đứng sững và ghé mắt ngó theo, rồi cũng ao ước mà thầm thương trộm mến.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Hai Mười Một

Đây xin nhắc lại việc Bạch-thu-Hà ở tại thạch-đình cũng tưởng hứa đỡ nhơn duyên với Nhị-Cô đăng trì huân ít ngày mà kiếm thể thoát thân qua xứ khác. Chẳng dè Nhị-Cô tính việc hôn nhơn cho anh rất gấp, Thu-Hà túng thế phải quyết ý liều mình, nên đêm ấy để thể-nữ Xuân-Đào ngủ rồi lén lại nơi bàn, viết một phong thơ, tỏ hết tâm sự căn duyên, rồi lại đứng dựa cửa sổ thạch-đình, ngó xuống chỗ biển thăm vực sâu, thì rưng rưng hai hàng giọt lụy mà than rằng :

“Cha mẹ ôi ! Cha mẹ banh da xé thịt, mang nặng đẻ đau, mà cho con một vóc hình hài này, cũng ngỡ là con khôn lớn trưởng thành, đăng kiếm chỗ giai ngẫu lương duyên, mà đền đáp công ơn sanh dục, chẳng dè cuộc nhơn duyên điên đảo như vậy, vậy con cam lỗi cùng mẹ cha, liều như con thác thuở trong nôi, thà con mượn sông biển mà liều với hình hài, hơn là nuôi một khối khổ tình trong gan ruột.

Võ-đông-Sơ ôi ! Chàng có biết cho tôi vì ai mà phải ăn sầu uống thảm, gối tuyết nằm sương, ra thân lưu-lạc giang-hồ, đăng giữ một lòng son sắt với tình cho trọn lời thệ ước, vì ai mà trong lúc canh tràng đêm tĩnh, đứng đây thở vắn than dài, chỉ biết cái vực thăm biển sâu này làm một khuê trưởng thứ hai, để mà vùi thân gởi xác. Tình lang ôi ! nay đã ra nông nổi thế này, cũng bởi : Vì ai vấn chặt tình duyên, tơ sầu đứt ruột lửa phiền cháy gan !

Võ-đông-Sơ ôi ! Chàng có biết cho tôi vì ai mà phải mai gầy liễu ốm, phấn lợt hương tàn, những mảng ngày lụn tháng qua, chỉ thấy đeo đuổi theo trước mắt một cảnh ngộ thê thảm bi sầu như vậy, nó làm cho tôi phải dầm dề

hột lụy.

Tình lang ôi ! Cái cảnh ngộ ấy làm cho tôi ngày nay không còn biết sống là vui, là cũng vì duyên nợ ba sinh : xa xôi ai có thấu tình chẳng ai ? Chàng có biết cho tôi vì ai mà phải hai phen từ hôn tỵ thú, cách xa xứ sở quê hương, đến đổi đất khách lạc loài, hôm sớm một mình hiu quạnh, vậy đêm nay là đêm tôi xin cùng chàng vĩnh biệt, đặt gởi cái thân lưu lạc này cho một ngọn sóng hải triều, nó đương rấp ranh châu chực mà rước tôi nơi dưới đây, cho rồi cái kiếp bạc phận hồng nhan, để sống làm chi mà mua sầu chác thắm.

Ở cái vực thẳm kia ôi ! Mi phải là một chỗ cùng đồ tuyệt mạng, để chờ ta đến đây đặt mà lấp thịt vùi xương đó chẳng ?

Ở cái biển thẳm kia ôi ! Mi phải là một chỗ nghiệt hải ba đào, để chờ ta đêm nay mà làm cho ngọc nát vàng tan, hoa chìm trầm gãy đổ chẳng ?

Ở ngọn thủy triều kia ôi ! Nay ta mượn cái dòng nước mặn mòi tinh khiết của mi đó mà gởi một khối chung tình này, là một khối tình cao nghĩa thượng, và gởi một thân lưu lạc này, là thân ngọc trắng gương trong, chớ chẳng phải như cái thân sỉ tiết ô danh của nàng Kiều ngày xưa làm cho dòng nước sông Tiền-đường phải thúì tha dơ dáy đó đâu.

Nay ta đã tự quyết xuống chốn gành quyền bãi hạc, mà nấu nường một giắc u hồn, vậy thì nhờ nơi lượng biển lòng sông, đặt mà rửa sạch một đời oan nghiệt.”

Khóc rồi day lại thấy thể-nữ Xuân-Đào nằm ngủ nơi giường thì than rằng :

“Xuân-Đào ôi ! Bấy lâu mi theo ta mà chịu dầm sương dãi nắng, lưu lạc giang hồ, dầu cực khổ cay đắng thế nào, thì cô cháu cũng hoạn nạn chung cùng, không rời nhau đặt. Nay ta gặp cái cảnh ngộ sở bức như vậy, thì ta

cùng mi không còn thế gì mà đặng sớm hôm gần gũi nhau nữa. Vậy thì đêm nay là đêm ta tử biệt mi mà xuống chỗ vực sâu này, mi là một gái đào thơ thông thả, chưa chi vương vấn nợ tình, vậy thì mi hãy ở lại mà nếm hưởng chút cay đắng mùi đời, cho biết cái cảnh phù-sanh này là cảnh trần ai cực khổ.”

Thu-Hà nói rồi, bước lên đứng trên ngạch cửa sổ vừa gieo mình xuống vực thăm kia, bỗng đâu một cánh tay phía sau thò ra nắm vạt áo Thu-Hà níu lại. Thu-Hà hoảng kinh không biết cái chi, ngó lại thì thấy một cánh tay mạnh mẽ phi thường, nắm ngang vạt áo chặt khừ, làm cho Thu-Hà không nhảy xuống vực sâu kia đặng.

(Liệt vị khán quan đọc đến đây, thế thì cũng hồ nghi ngờ ngẩn chưa rõ có sao, trong lúc canh khuya đêm vắng ở giữa thạch-đình, lại có một cánh tay nào đây, thành-linh phía sau thò ra, nắm áo Thu-Hà mà kéo lại.)

Song cánh tay này chẳng phải cánh tay của kẻ hung gian cường bạo, để mà sát mạng đoạt tài, cũng chẳng phải cánh tay của kẻ đạo vật gian nhờn, để mà mò lưng móc túi. Cũng chẳng phải cánh tay của kẻ đồ mưu trục lợi, để mà khuấy nước hại dân, cũng chẳng phải cánh tay của kẻ ỷ thế cậy thần, để mà rung cây nhát khí, cũng chẳng phải cánh tay của kẻ tham dâm háo sắc, để mà le mà vuốt mạn ve đào, cũng chẳng phải như cánh tay của kẻ dua mị cầu thân, để lòn lỏi mà nưng tròn bọt dấm.

Cánh tay này thiệt là một cánh tay của kẻ phò nguy cứu nạn, để mà giúp người trong cơn thắt ngặt cùng đồ, cánh tay này là một cánh tay của kẻ tự nghĩa thi ân, để mà cứu người trong lúc rủi ro hoạn nạn.

Cánh tay này như cánh tay của Tiết-nhơn-Quý, thò ra bãi biển mà cứu vớt Đường-Vương ; như cánh tay của Triệu-tử-Long vào trận Đường-dương mà ẵm bổng ấu chúa.

Cánh tay này là cánh tay của một người, phong ba đáng mặt anh-hùng, ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi ; cánh tay này là cánh tay một kẻ : đường đường đập đất đội trời, ra tay tể độ vớt người trầm luân ; cánh tay này chẳng phải của ai xa lạ, ấy là cánh tay thò xuống dòng sông Nhĩ-hà mà cứu vớt Đông-Sơ ngày xưa, nay đến Thạch-đình này thò ra mà cứu Thu-Hà trong lúc liều thân tự tử. Ấy là một cánh tay của Triệu-Dũng.

Nguyên Triệu-Dũng từ khi cứu Võ-đông-Sơ tại sông Nhĩ-hà và nghe Đông-Sơ thuật chuyện lai lịch của Bạch-thu-Hà, thì biết Thu-Hà là người tình nghĩa của Đông-Sơ, nên khi từ giã Đông-Sơ rồi, hai anh em có ý muốn tìm kiếm Thu-Hà giúp cho Võ-đông-Sơ, nên mượn một chiếc ghe rồi chạy theo mé biển thẳng qua Hải-ninh. Khi ghe đi tới địa phận tỉnh Quảng-yên, thì bị gió bê vào mấy cù-lao nhỏ ở dựa thạch-đình. Trong lúc ban đêm, Triệu-Dũng đương đứng sau lái ghe, nhắm xem phong cảnh, bỗng nghe trên thạch-đình có tiếng khóc than vắng vắng, thì lấy làm lạ, liền biểu lần ghe xích tới, rồi đậu khuất nơi dưới bóng cây, thì nghe rõ ràng tiếng của đồn bà đương kêu Võ-đông-Sơ mà khóc than một cách ai bị thảm thiết.

Triệu-Dũng thất kinh và tự nghĩ rằng : những lời kêu Võ-đông-Sơ mà than khóc đó, thì chắc là Bạch-thu-Hà chẳng sai, nhưng chưa rõ có sao nàng lại xiêu lạc vào đây mà ở chỗ góc biển đầu non, cheo leo vắng vẻ như vậy. Thế thì nàng bị ai làm đều chi sở bức, và ức uất chẳng chỗ kêu, nên để lúc đêm vắng canh khuya rồi một mình thầm than trộm khóc.

Nghĩ vậy rồi tức thì bước xuống mé biển, lần lần vịn theo gộp đá mà leo lên, khi gần tới trên Thạch-đình, thì thấy phía trong núi có một đường thẳng ra Thạch-đình, và thấy một người mặc đồ đen đương lơ lửng trong hang đá bước ra, rồi xăm xăm đi tới.

Triệu-Dũng lật đặt núp vào kẹt đá, thì thấy tên ấy lại đứng trước thạch-đình dòm coi bốn phía, rồi quày chơn trở vô, và rảo lại đi qua như tường ở đó mà canh giữ cái thạch-đình kia vậy.

Triệu-Dồng lén lén núp theo bóng cây leo lên, hễ tên quân canh kia đi vô, thì Triệu-Dồng leo lên, tên ấy đi ra thì lại núp xuống, như vậy hồi lâu mới lần bước tới trên thì thấy cửa thạch-đình đóng chặt, liền đi bợc ra phía sau, thấy có một cây lớn cao, nhánh de gần bên cửa sổ, bèn sẽ lén leo lên cây ấy, vừa muốn chuyễn theo nhánh de đặng bước qua cửa sổ, xảy thấy tên quân canh trong hang đá phăng phăng đi ra, lại đứng xa xa dòm ngay cửa sổ, rồi la lên một tiếng và hỏi ai ?

Triệu-Dồng núp trên nhánh cây lẳng lẳng làm thình. Kế nghe tên ấy lầm bầm và nói : “Con khi mắc phong, chừng ni mà mi chưa chịu ngủ.” Nói rồi quày bước trở vô, ngồi trong hang đá. Ấy là tên quân canh tưởng khi leo cây, chớ chẳng dè người ta là Triệu-Dồng.

Còn Triệu-Dồng núp trên nhánh cây, nghe tên kia nói vậy, thì khùng khỉnh cười thầm rồi nói : “Con chó quáng manh, mi làm mặt lạnh mà không thấy chi hết.”

Đó rồi Triệu-Dồng lật đật leo qua cửa sổ và lén mở cửa bước vô phía trong Thạch-đình, thấy Thu-Hà đương đứng dựa cửa sổ phía bên kia ngó ra ngoài biển, vừa muốn gieo mình xuống chỗ vực sâu, thì bước lại thò tay nắm ngang vạt áo Thu-Hà kéo lại.

Khi ấy Thu-Hà thất kinh muốn la, kế nghe tiếng nói nhỏ nhỏ bên tai rằng : “Xin Tiểu-thơ chớ sợ, tôi là anh em thiết nghĩa với Võ-đông-Sơ đến đây mà cứu Tiểu-thơ trong cơn thắt ngặt.

Thu-Hà nghe nói Võ-đông-Sơ thì lần lần tỉnh lại, rồi gạn hỏi sự tình. Triệu-Dồng bèn thuật chuyện Võ-đông-Sơ khi rượt theo chiếc thuyền tại sông Nhĩ-hà và bị sóng chìm ghe, may không chút nữa thì bỏ mạng và thuật chuyện Đông-Sơ tính qua Hải-ninh mà tìm kiếm.

Thu-Hà nghe nói thì cảm tình Đông-Sơ và cũng cảm ơn Triệu-Dũng rồi nói : “Vậy bây giờ tính thế nào đây mà cứu tôi ra khỏi cái thạch-đỉnh này.”

Triệu-Dũng nói : “Tôi có sẵn một chiếc ghe đậu dựa mé đây, xin Tiểu-thơ ráng leo theo dây mà xuống.” Nói rồi lấy một sợi dây trong lưng ra, và lấy tay ngoắt chiếc ghe, biếu đem lại phía dưới thạch-đỉnh đậu ngay cửa sổ rồi biếu Tiểu-thơ nắm một đầu dây, còn một đầu thì Triệu-Dũng cầm, rồi lần lần thòng xuống. Dưới ghe có em Triệu-Dũng là Triệu-nương tiếp rước Tiểu-thơ. Lúc ấy Triệu-Dũng muốn kêu Xuân-Đào thức dậy đây đây đem xuống ghe luôn thể, kẻo nghe trước cửa thạch-đỉnh có tiếng người đi tới.

Triệu-Dũng lật đặt quăng dây, rồi lại cửa sổ phía kia, chui qua nhánh cây mà leo xuống, khi xuống tới ghe, thì nghe trên Thạch-đỉnh có tiếng động cửa kêu rân. Triệu-Dũng liền hối dang ghe ra khơi, rồi trương buồm mà chạy. Cái tiếng kêu cửa đó là tiếng của Hoàng-nhứt-Lang đi với Võ-đông-Sơ ra thạch-đỉnh, thấy cửa đóng thì kêu và tông cửa bước vô, đang kiếm Thu-Hà, thì Thu-Hà đã mất, như chuyện tôi đã nói rồi trong khoản trước kia vậy.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Hai Mười Hai

Khi Triệu-Dũng ra khỏi Thạch-đình, thì trường bướm bọc gió mà chạy. Lúc ấy trời trong trắng tỏ sáng tịnh biển êm. Triệu-Dũng đương đứng sau lái, cầm bánh và giữ lèo còn Thu-Hà với Triệu-nương ngồi phía trong mui chị em trò chuyện ; bỗng thấy dưới nước, thành-linh lộ lên một cái đầu trọc lóc như đầu cá nước, kể thấy hai tav với năm be ghe rồi nhảy phóc lên đứng trên mui, mình mẩy trần truồng như mọi, bên lưng có dắt một ngọn dao, bộ tướng dữ dằn, hình thù vạm vỡ, rồi lấy tay chỉ Triệu-Dũng và nói :

“Sao mi dám cả gan, nửa đêm lén tới Thạch-đình mà chờ người đi vậy ? Nếu mi chẳng chịu quày ghe trở lại, thì ta sẽ chặt quách cái bướm này, và ta chẳng để cho đầu mi còn dính trên cổ.” Nói rồi, rút dao chặt sả cánh bướm nát tan, làm cho lá bướm đứt lèo rồi phất phơ trên cột, và ghe phải trở lái day ngang, rồi trôi ra biển lớn. Triệu-Dũng đứng sau lái ghe nổi xung, nhảy tới đánh nhàu. Tên kia xốc lại đâm Triệu-Dũng một dao, Triệu-Dũng lẹ tay gạt ngang, cây dao liền văng xuống biển, đó rồi kẻ chụp qua, người tràn lại, hai người đánh nhau ùng ùng trên mui.

Thu-Hà ở trong ghe thấy vậy thất kinh, còn Triệu-nương lật đật nhảy ra, muốn xáp vô mà trợ chiến. Kể thấy hai người vật nhau, kẻ ôm đầu, người kéo căng, đẩy tới xô lui, tên kia ở trên mui thất thế phải thua, bèn lần ra gần ngoài be ghe, rồi thừa dịp kéo đùa Triệu-Dũng, làm cho cả hai đều té nhào xuống biển.

Thu-Hà và Triệu-nương trên ghe ngó xuống thấy kẻ hụp người lặn, đánh nhau dưới nước ào ào, như hai sấu hoa cà, nó đương xung xăng cắn lộn.

Tên kia là một tên xưa nay lợi biển như rái, nên xuống biển thì được thế như cá kia xuống nước, hùm nọ vào non ; còn Triệu-Dũng xuống nước, thì thất thế hơn ở trên mui, nên và lợi và đánh chầm chơn, không bề thắng nổi.

Lúc ấy trên ghe có một con chó xi rất khôn, thấy chủ nó với thằng trọc kia đương đánh nhau dưới nước thì la oảng oảng chạy ra be ghe rồi nhảy ùm xuống biển, thấy cái đầu trọc của tên kia đương hụp xuống trời lên, lấp ló trên mặt nước như gáo dừa, thì lợi lại nhè trên sọ cắn cho một miếng, tên kia bị chó cắn đầu đau quá, nổi giận day lại đánh với con chó, thì Triệu-Dũng thừa thế xốc vô, tên kia lật dật day qua đặng cự với Triệu-Dũng, thì bên kia con chó lợi lại phía sau rồi áp vào cắn cổ, làm cho tên kia lính quính hoảng kinh, phần bị Triệu-Dũng đánh một hồi, đã mệt thở pho pho, phần thì bị con chó cứ lần lần lợi theo một bên, há miệng nhả răng, tỏ vẻ muốn lại cạp đầu cắn cẳng, mà trợ chiến cho chủ. Vì vậy tính thế không xong, bèn thụt đầu xuống nước rồi lặn tuốt vô cù-lao gần đó mà trốn.

Lúc ấy chiếc ghe bị tên kia sả đứt lá buồm, thì lững đững lơ lơ, dường như chim kia chích cánh, rồi bị gió thổi đùa, lần lần bê ra ngoài biển lớn. Triệu-Dũng tính theo không kịp, bèn lợi lại leo lên cồn đá mà đứng, con chó xi cũng leo theo lại đứng lần lần bên chườn.

Triệu-Dũng đương ngó theo chiếc ghe, xảy thấy con chó day mò qua phía cù-lao nhỏ kia, và la và sủa gấu gấu. Triệu-Dũng liền, ngó qua thì thấy thằng trọc kia đương đứng chần ngằn và hai tay vò đầu lia lịa.

Con chó thấy vậy thì ngược mặt ngó chủ, và ngoắt đuôi tía lia, rồi ngóng mò qua cù-lao sủa nghe rang rang, dường như nó kêu chủ mà nói : “Thằng nghịch thù kia kìa sao không lợi theo đánh nó ?” Đó rồi chạy sủa lảng xãng, xem dường lấy làm đắc chí.

Còn thằng trọc kia bị chó xi cắn sọ, chảy máu ròng ròng, lại bị nước mặn thấm vô, càng ngày càng rất thôi nhảy nhồm, đương đứng bên cù-lao, nhả

mặt hít hà, và tróc tróc như thần lẩn chắt lưỡi, bỗng thấy con chó đứng bên này dò mò sủa qua, lại thấy cái đầu tróc chảy máu chừng nào thì càng nổi giận tràn hông, và lườm lườm mắt ngó, muốn qua vật chết con chó mà trả thù, nhưng thấy Triệu-Dũng đứng đó thì tính thế không xong, bèn lỏn lén ôm đầu máu trở vô cù-lao rồi trốn mất.

Nguyên thẳng tróc này là bộ-hạ của Hoàng-nhứt-Lang, tục danh kêu là Sấu biển, đêm ấy đương đi tuần do bên mấy cái cù-lao, bỗng gặp ghe của Triệu-Dũng ở mé Thạch-đình chạy ra, thì hồ nghi, bèn lặng theo rình coi ghe ai đi vậy. Kế thấy Bạch-thu-Hà đương ngồi trong mui, nên nhảy lên ghe mà cản trở. Chẳng dè Triệu-Dũng là một tay tinh thông võ nghệ, lại có con chó rất khôn, nhắm thế không kham, nên phải thụt đầu rồi lặn mất. Té ra tục danh Sấu-biển, mà sao nanh vuốt ở đâu, để cho chó xi cạp đầu. Thì nghĩ cũng tức cười cho một điều rất trếu.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Hai Mười Ba

Lúc này Triệu-Dũng đứng trên cồn đá kia, thấy chiếc ghe bị gió, bê lần ra khơi, lật lại nghiêng qua, trời lên hụp xuống như bong-bóng, thì trong lòng lo buồn hồi hộp, kinh hãi xiết bao, nhưng chẳng biết tính sao, đứng lội theo mà tiếp cứu, còn Thu-Hà với Triệu-nương ở trên ghe đương ngấn ngơ lính quính, lại thêm gió đập sóng dồi, phần thì lo sợ cho Triệu-Dũng đánh với tên kia, chẳng biết thắng bại thế nào, phần thì ghe càng ngày càng trôi ra xa, và sóng càng ngày càng lớn, lượn thì dựng lên trước mũi, dường như xốc đến mà chặn ngã đón đường, lượn thì chồm tới sau ghe, dường như áp lại mà dặt bươm bẻ lái, nào là cá xà cá mập, vợ vợ vờn vờn lội theo bên ghe, nào là sức ngạc oai kinh, vùng vẫy xung xăng, hả miệng trương vi, táp nghe bầm-bập, tuồng như nó đợi người sa cơ thất thế, đang nuốt sống ăn tươi, ấy là một giống dị loại vô tình, thừa dịp mà hại người lương thiện.

Cái cảnh ngộ rất dữ dằn hung hiểm ấy, dầu cho một đứng anh-hùng khí phách, cũng phải táng đờm kinh tâm, huống hồ hai gái liễu yếu đào thơ như Thu-Hà với Triệu-nương này, mà lại gặp lúc vạn trận cuồng phong, thiên trùng nô lãng như vậy, thế thì cũng phải điên hồn não ruột, nhưng Thu-Hà đứng dựa khoang ghe một cách tỉnh tề dạn dĩ, rồi day lại nói với Triệu-nương rằng : “Chị em mình tuy là phận quần xoa nhi-nữ, song cũng biết lấy một tinh thần mạnh mẽ mà đối với cái cảnh ngộ hiểm nguy này cho dạn dĩ vững vàng, chẳng nên thấy cái cảnh ngộ dữ dằn ấy mà rúng động tâm thần, và để sự kinh hãi kia lừng lẫy lên mà làm cho xào gan héo ruột.

Những người như vậy là một người liệt nhược tinh thần, xác thịt chưa chết mà linh hồn đã chết trước là vậy đó, cái chết mà phải nhơn phải nghĩa, thì

dám lấy sanh mạng mà liều với sông biển nước non. Song hiềm là hiềm việc chưa đáng chi, mà bởi vì một tôi, mạng vận đảo điên, làm cho hai anh em cô, phải mang đều hoạn họa, thì tôi sao nỡ yên lòng.”

Triệu-nương nói :

Xin Tiểu-thơ chớ ngại. Anh em tôi chỉ biết lấy sự phò nguy cứu nạn, tự nghĩa thi ân, mà gánh vác nơi vai, làm một gia tài sự nghiệp, dầu cho vào sanh ra tử thế nào, cũng chẳng nao lòng núng dụa. Tôi xét lại cái cảnh ngộ hiểm nguy ấy là một chỗ nghiệt trường của tạo-hóa, để đem một trở lực rất khổ sở gian nan mà nộ những kẻ yếu vía nhất gan, và bại những người vận cùng mạng bạc ; song cũng là một chỗ cao-đẳng học-đường, để mà tập luyện cho dạn dĩ mạnh mẽ cái chí khí tinh thần của kẻ anh-hùng cùng người liệt-nữ trong thế giới.

Vậy thì cái cảnh ngộ ngày nay đây, là một chỗ nghiệt trường của mạng vận, hay là một chỗ trường học của anh-hùng, thì xin phú cho tạo-hóa định phân, chí như sự chết mà được một nghĩa vụ với xã hội nhơn quần, thì tôi xem cái chết ấy dường như một mùi ngọt miếng ngon ; còn sống mà chẳng ích chi với non nước quê hương, thì xem cái sống ấy chẳng khác chi loài túi cơm giá áo kia vậy.”

Thu-Hà nghe Triệu-nương nói mấy lời thì ngạc nhiên rồi nói : “Tôi chẳng dè cô nương là một gái đào thơ liễu yếu mà nói đặng những lời có tư tưởng cao thượng và ý vị thâm trầm, dầu cho đứng bực tu mi cũng ít người sánh kịp.

Thu-Hà đương nói chuyện với Triệu-nương, xảy thấy một lá bướm trắng trắng trong mé cù-lao ló ra, rồi phăng phăng chạy tới, thì hai chị em bèn chiêm chiêm mắt ngó, và trong lòng hồ nghi cho ghe của bọn Hoàng-nhứt-Lang rượt theo.

Khi chiếc ghe ấy gần tới, thì thấy 6, 7 người ra đứng trên mũi ghe, song lúc ấy trăng bị mây án mờ mờ, nên không thấy rõ, bỗng nghe bên ghe ấy kêu lớn một tiếng và hỏi rằng :

“Tiểu-thơ và hiền muội bình yên vô dạng.”

Triệu-nương nghe hỏi thì biết anh là Triệu-Dũng song chẳng biết ghe ấy là ghe nào, kể thấy Triệu-Dũng bước ra chào mừng hớn hởi và nói : “Khi tôi đương đứng trên cồn đá, may gặp chiếc ghe chạy ngang qua, tôi bèn xin ra đây mà tiếp cứu, ấy cũng một sự may mắn hồng phúc của chúng ta, bây giờ mớiặng chị em nhứt trường tụ hội. Nói rồi Triệu-Dũng liền nhảy qua ghe sửa sang bườn chèo tử tế, rồi thuận gió chạy vào Hải-ninh đặng dò thăm tin tức Võ-đông-Sơ luôn thể.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Hai Mười Bốn

Khi ra tới tỉnh Hải-ninh, Triệu-Dũng dắt Tiểu-thơ và em là Triệu-nương lên mượn một khách phòng sạch sẽ, rồi ba chị em ở đó nghỉ ngơi. Qua bữa sau, Thu-Hà nói với Triệu-Dũng rằng : “Cảm phiền Triệu quý hữu làm ơn đi kiếm giùm nhà dì tôi là Mã-thị Phu-nhơn coi ở đâu, đặng đến viếng thăm và có nơi đình trú cho phương tiện.

Triệu-Dũng vâng lời lật đật ra đi, chẳng dè Mã-thị đã theo chồng đi trấn nhậm phương xa, vì vậy nên ba người phải ở tạm tại lữ-quán ít ngày đặng lóng nghe tin tức Võ-đông-Sơ rồi sẽ toan bề tìm qua xứ khác.

Bữa nọ nhằm tiết Trung-nguyên, ngày rằm tháng bảy, tại mé Tây-hà có một cảnh chùa rất nguy nga tráng lệ. Nào là thiện nam tín nữ, nào là tài tử giai nhơn, xe ngựa nhộn nhàng, sắm sửa trà quả hương đăng, rủ nhau lăng xăng đến chùa, kẻ thì khẩn phước cầu duyên, người thì qui y thọ phát.

Thu-Hà thấy vậy thì nói với Triệu-nương rằng : Nay nhơn dịp ngày lành tháng tốt, chị em ta dắt nhau lên chùa, trước là bái phật hành-hương, sau là dạo xem phong cảnh cho giải muộn, đó rồi hai chị em mượn xe ra đi. Khi lên tới chùa lạy phật rồi ra hậu đường xem coi, bỗng thấy một bàn hương án sơn son thếp vàng rực rỡ, chính giữa để một bài vị, hương đăng nghi ngút, hoa quả tốt tươi.

Thu Hà liền bước lại xem, thấy trên bài vị có khắc một hàng chữ như vậy : “Đông-kinh nữ công tử Bạch-thu-Hà linh vị” thì thất kinh liền kêu Triệu-nương lại xem và nói : “Sự này cũng một sự rất lạ, chẳng biết có sao ai đem

tên tôi vào đây mà thờ phượng như vậy ?” Nói vừa dứt thì thấy một bên có khắc thêm một hàng chữ nhỏ rằng : “Ngự lâm quân Đô-úy Võ-đông-Sơ phụng lập.”

Thu-Hà với Triệu-nương ngó nhau sững sờ chẳng biết có sao mình còn sống đây, mà Đông-Sơ lại lập bài vị tên mình mà thờ, cũng là một điều rất lạ ?

Triệu-nương nghĩ một hồi rồi nói : “Vậy thì chắc là Võ-đông-Sơ tưởng Tiểu-thơ thác rồi, nên mới lập bài vị nơi chùa đặt để làm kỷ niệm, và tam ngươn tứ quý thờ phượng Tiểu-thơ, nếu Tiểu-thơ muốn rõ căn do, xin hỏi Đạo-trưởng toàn-sư chùa này thì biết.”

Kế thấy một vị toàn-sư phía kia đi tới rồi lại trước Hương-án, đánh ba tiếng chuông và đốt hương khấn vái.

Thu Hà bước tới và hỏi : “Bạch quả toàn-sư, chẳng biết Bạch-thu-Hà trong bài vị này là ai, và sự tích làm sao, xin toàn-sư nói cho tôi rõ.”

Thoàn-sư nói : “Tôi đây chẳng rõ, song cách một tháng nay, có quan Đô-úy Võ-đông-Sơ đến nói : “Nữ-công-tử Bạch-thu-Hà này là người ở Đông-kinh, đã nhảy xuống biển mà tự tử, nên xin lập bài vị này nơi chùa, và gửi tiền bạc cho chúng tôi, đặt mua sắm hương-đăng mà phụng tự.”

Thu-Hà nghe nói thì ngó Triệu-nương và gật đầu rồi day lại hỏi : “Vậy bây giờ đây toàn-sư có biết Võ-đông-Sơ ở đâu chăng ?”

Thoàn-sư nói : “Tôi nghe nói người đã đi tuần thú phía Nam-quan, chẳng biết chừng nào trở lại.”

Thu-Hà nghe rồi liền cảm ơn toàn-sư và dắt Triệu-nương trở ra trước chùa, đứng xem phong cảnh, xảy thấy trong đám đông kia, có một người đương đứng lom lom xỏ mắt chăm chỉ ngó mình, thì sáng sốt hãi kinh rồi mặt mày liền tái xanh thất sắc. Xem như một đóa đào hoa đương tốt tươi rực rỡ

dưới bóng dương quang, bỗng chúc nhụy xủ hoa tàn, hồng phai phấn lợt, rồi kêu Triệu-nương và nói : “Cô làm ơn vịn giùm tôi ra xe cho mau mau.”

Triệu-nương nghe kêu, liền bước lại nắm tay Thu-Hà, thì tay chơn đều lạnh. Triệu-nương thất kinh và kêu và hỏi : “Tiểu-thơ sao vậy Tiểu-thơ ?”

Thu-Hà lắc đầu, và mắt ngó qua phía kia dớn dác và nói : “Cho mau, cho mau, vịn tôi ra xe một chút.”

Khi ra tới xe thì hồi tên đánh xe giục ngựa chạy mau, còn mình dựa vào mui, một tay vịn xe, một tay chặn ngang trên ngực, dường như bị chứng kinh tâm, trong ngực rất phập phồng hồi hộp.

Xe chạy một đôi, Thu-Hà day mắt ngó lại phía sau, thì vùng la lên : “Biểu chạy cho mau, người ta theo, người ta theo kìa.”

Triệu-nương lấy làm lạ, chẳng biết ai theo liền day đầu ngó lại, thì quả nhiên thấy một người đương bươn bả theo sau, Triệu-nương liền hồi tên đánh xe chạy đi cho kíp.

Khi xe về tới lữ-phòng, ngó lại thì người ấy đâu mất, đó rồi Thu-Hà xuống xe bước vào phòng, ngồi dựa nơi ghế, sắc mặt buồn hiu, dường như có việc tai biến xảy đến thành-linh, làm cho tâm thần đều hoảng hốt.

Kế Triệu-Dông ngoài cửa bước vô thấy Thu-Hà mặt mày thất sắc, thì lấy làm lạ, lật đật bước lại và hỏi : “Thưa Tiểu-thơ, hôm nay Tiểu-thơ trong mình có đau chứng chi, thì xin nói, đặng tôi kiếm thầy thuốc thang điều trị.”

Thu-Hà lắc đầu và nói : “Không không, xin Triệu-hữu đừng rước thầy mất công, bệnh tôi ngày nay đây, dầu cho thánh dược thần-y có đây, thế cũng vô phương điều trị.”

Triệu-Dông nói : “Thưa Tiểu-thơ, hay là Tiểu-thơ có đều chi kinh hãi, mà

cảm xúc nơi lòng, thời nói cho tôi rõ. Nếu tôi có thể phân ưu cùng Tiểu-thơ, thì dầu cho thiên lao vạn khổ, tôi cũng chẳng dám từ nan, nếu Tiểu-thơ chẳng chịu tỏ thiệt bày ngay, để khi đến việc, thì tính sao cho kịp.”

Tiểu-thơ nghe Triệu-Dũng nói vậy, thì tâm tư tự nghĩ một hồi rồi trả lời rằng : “Triệu-quí-hữu ôi ! nếu Triệu-quí-hữu chẳng nài khó nhọc, thì xin làm ơn mau mau đem tôi qua xứ khác mà thoát thân, nếu ở lại đây, tôi sẽ bị người bức ép buộc ràng, và chắc tôi phải liều thân mà tự tử một lần nữa.

Triệu-Dũng nghe thì nhú mày và lấy làm lạ rồi hỏi : “Ở đây thì sẽ bị người thúc ép ? Mà xin Tiểu-thơ nói cho tôi rõ: Người bức hiếp ấy là ai ?”

Thu-Hà nói : “Người bức hiếp ấy là người tôi mới gặp tại chùa Tây-hà, và rượt theo tôi khi nãy.” Nói tới đây thì dứt mình đứng dậy, đón dác ngó mông, kể nghe tiếng giày lộp cộp ngoài cửa đi vô. Triệu-Dũng lật đật bước ra coi ai, thấy hai người mặc đồ mã-ky xung xăng đi vào.

Triệu-Dũng liền bước tránh qua phòng kia, đứng núp rình coi, thấy hai người ấy bộ tịch băng xăng đi thẳng tới phòng Thu-Hà thì dừng chơn đứng lại, rồi cả hai dắt nhau bước vô. Thu-Hà ngó ra thấy người bước vô trước thì thất kinh, té ngồi xuống ghế, rồi ngó lại thấy người bước vô sau là người gặp nơi chùa, thì càng sững sờ và mặt mày thất sắc.

Triệu-nương chẳng biết người trước là ai, song thấy người sau thì tức thì nhìn biết là người rượt theo xe khi nãy.

Nguyên hai người này, một người là Bạch-xuân-Phương là anh ruột Thu-Hà, còn một người là Vương-Bích là người cưới huyệt Thu-Hà khi trước.

Nguyên từ khi Bạch-thu-Hà từ hôn trốn đi, thì Vương-Bích và Bạch-xuân-Phương, dắt nhau đi tìm kiếm khắp nơi. Khi đi tới tỉnh Hải-ninh hai người đều vào lữ-quán thê ngụ.

Bữa nọ Vương-Bích lên chùa dạo xem phong cảnh, xảy gặp Bạch-thu-Hà thì vội vã rượt theo. Chừng thấy Thu-Hà vào khách phòng, thì lật đặt trở lại thông tin cho Bạch-xuân-Phương hay, rồi hai người dắt nhau tới khách phòng mà kiếm.

Khi Bạch-xuân-Phương thấy Thu-Hà ngồi dựa trong phòng, liền bước vô lấy giọng nghiêm trang quở trách và nói :

“Thu-Hà, em sao rất tệ, làm cho bối rối đạo nhà. Cớ sao nửa đêm lén bỏ ra đi, mà chẳng chịu vầy duyên cùng Vương-Bích ? Trước đã chẳng tuân theo lời gia-huấn, sau là chẳng kể đến luật quan trên, và lại mình là con nhà trâm anh vọng tộc, mà đem thân lưu lạc giang-hồ, như một đứa hạ tiện nữ lưu kia, thì còn chi gọi rằng một gái khuê-môn danh giá ? Nay đã có Vương-Bích đây, vậy em phải trở về mà vầy cuộc nhơn-duyen, trước là việc hôn phối sẽ đặng hoàn-thành, sau là tránh tiếng thiên hạ người chê bai nghị luận.”

Thu-Hà nghe anh nói vậy, thì sắc mặt buồn rầu, và trả lời rằng :

“Thưa anh, xin anh chớ nhọc lòng ép buộc, vì em đã quyết ý từ hôn, em nay cũng như bát nước đổ đi, lẽ nào còn toan bề hốt lại thì sao đặng.”

Vương-Bích thấy Thu-Hà chẳng chịu, thì bước tới và nói rằng :

“Xin Tiểu-thơ hãy hồi tâm xét lại, rồi nghĩ đó mà coi, việc hôn nhơn là một việc đại sự trong đạo cang thường, chớ chẳng phải như việc tầm thường nhỏ mọn. Và lại khi cưới gả thì đã có quan viên thị chứng, hai bên thân tộc rõ ràng. Và có sính lễ hôn thê, tôi còn giữ đây để làm bằng cứ. Nếu Tiểu-thơ quyết ý từ hôn chẳng chịu, thì tôi phải kiêm tương nội vụ mà đầu cáo cùng quan trên. Chừng ấy tôi e cho Tiểu-thơ chẳng những là bị tội bội ước đào hôn, mà Bạch-công-tử đây là anh của Tiểu-thơ cũng chẳng tránh khỏi tội đồng mưu liên lụy đó nữa. Tiểu-thơ là người thông minh hào mại, lẽ đâu chẳng rõ pháp luật triều đình, xin Tiểu-thơ hãy thẩm đoán trầm cơ, nếu để

cho tôi bại gia-phong, thì còn chi là danh giá của con nhà trâm anh vọng tộc.”

Vương-Bích nói rồi, thò tay vào túi lấy tờ tập-nã đưa ra. Thu-Hà thấy tờ tập-nã có chữ quan phê, thì thất kinh và tự nghĩ rằng : “Nếu mình để cho người bất bình sanh sự, một mai kiện tới quan trên, thì ra việc tôi bại gia-phong, và anh mình với mình chẳng khỏi mang đều tội lệ.” Nghĩ vậy rồi cái lòng kinh nghi nó đánh giặc với trí khôn, làm cho nét mặt hồng nhan đã hiện ra một vẻ thảm đạm ưu sầu, và hai tròng thu ba đã rưng rưng giọt lệ, kể đó Bạch-xuân-Phương tiếp nói : “Vậy thì em phải sắm sửa đi theo hai ta, nếu cường lý bất tuân, thì lập tức ta phải mượn phép quan trên trừng trị.” Nói rồi bước ra kêu tên quán, biểu đi mượn một cỗ xe ngựa cho hẵn hoi, đợi chờ Thu Hà qua Thái-khê là chỗ của Vương-Bích và Bạch-xuân-Phương thuê ngụ. Chỗ ấy xa cách tỉnh thành chừng 50 dặm.

Một hồi lâu, nghe tiếng ngựa xe rần rần chạy tới, thấy hai người ngồi trước cỗ xe, một người mặc đồ xanh, và một người đầu đội một cái nón ngựa sụp xuống phủ mặt, và vai choàng một áo tơi dựng để che mưa.

Bạch-xuân-Phương ra hỏi : “Ngựa ấy chạy hay không ?”

Tên đánh xe kia nói : “Thưa Quan-nhơn ngựa này hay lắm.”

Bạch-xuân-Phương thấy ngựa vạm vỡ thì bằng lòng rồi vội vã trở vô biểu Thu-Hà ra xe tức tốc.

Triệu-nương thấy Thu-Hà ra xe, thì lật đật bước ra, ngó xem tứ phía, có ý kiếm anh là Triệu-Dũng, nhưng chẳng thấy Triệu-Dũng ở đâu, còn Thu-Hà thì bịn rịn Triệu-nương, chẳng chịu rời nhau, vì vậy nên Triệu-nương cũng phải lên xe đi theo, đặt chị em giúp đỡ nhau trong lúc hành trình cho có bạn. Còn Vương-Bích với Xuân-Phương hai người đều cỡi ngựa chạy theo sau xe mà hộ tống Tiểu-thơ.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Hai Mươi Năm

Lúc này trăng sáng mờ mờ, mưa tro pháy pháy. Thu-Hà với Triệu-nương ngồi trong than thở, và sắc mặt dăng phủ một lớp màn sầu, lớp thì lo cho Triệu-Dũng chẳng biết đi đâu, lớp thì thương cho Triệu-nương vị nghĩa theo mình, mà phải anh em phân rẽ, ngoài trước thì hai tên đánh xe làm thỉnh lắng lắng, chỉ lo giục ngựa chạy mau, trong lúc đường vắng canh khuya chẳng nghe chi lạ hơn là nghe những tiếng vó ngựa nó hòa với tiếng bánh xe, bỏ vận kịch kịch re re, chạy nghe rần rần rột rột, làm cho khách hồng nhan lạc bước, nghĩ tới khúc biệt hận ly sầu, thì ngơ ngẩn về đâu, rồi giọt lệ chứa chan, mà phải hồn tiêu phách lạc. Chẳng bao lâu xe đã ra khỏi tỉnh thành, và phăng phăng thẳng vào đồng nội, quanh qua lộn lại, chạy ước hồi lâu, ngựa đã đổ mồ hôi mà đường còn xa thăm-thẳm.

Khi chạy tới mé rừng, bỗng thấy một cái quán ở dựa bên đường, tên đánh xe nói : “Xin để ngừng xe nghỉ ngựa, một chút cho khỏe rồi sẽ đi.”

Vương-Bích và Bạch-xuân-Phương cũng đều xuống ngựa và dắt lại cột trong nơi mé rừng, rồi cả hai vô ngồi trong quán.

Nguyên hai người này là hai tay bợm rượu, đã quen theo cuộc tửu điểm trà đình, nên thấy trong quán có để ít hồ rượu ngon, hơi bay nức mũi, thì con trùng rượu trong bụng đã rọ rạy bò lên, làm cho hai cậu thấy rượu thì ngựa cổ bắt thèm, liền kêu tên quán biểu đem một hồ rót ra, rồi hai người chén tạc chén thù, và uống và chuyện trò rồn rảng.

Kế tên mặc áo tơ ngoài xe bước vô, lại trước hai cậu và nói : “Thưa nhị vị

Quan nhơn, ngựa của nhị vị hôm giờ chạy mệt, vậy để tôi dắt ra sau, kiếm cỏ cho ăn, đặng nghỉ một chút cho khoẻ rồi sẽ đi cũng chẳng muộn.”

Vương-Bích nghe tên kia hỏi vậy, thì nói : “Ừ, được vậy thì tốt.” Nói rồi day lại uống rượu và đàm đạo với Bạch-xuân-Phương.

Tên mặc áo tơ kia lật đặt lại mở hai con ngựa dắt ra phía sau rừng, rồi lấy roi dóc mỗi con một roi rất mạnh, hai con thất kinh nhảy sải vô rừng rồi chạy mất ; tên ấy liền trở ra xe nói nhỏ với Thu-Hà và Triệu-nương rằng : “Xin Tiểu-thơ và em ngồi cho vững, đặng tôi giục ngựa chạy mau, bây giờ phải tính kế thoát thân, dĩ đào vi thượng, thì mới khỏi.”

Hai cô nghe nói ngó lại, thấy tên ấy là Triệu-Dũng mà giả dạng mặc đồ theo mấy đứa đánh xe thì ngạc nhiên chừng hửng, Triệu-Dũng nói rồi liền nhảy lên ngồi trước cỗ xe, quất ngựa một roi, la chạy, ngựa ấy thành-linh bị quất một roi, thất kinh nhảy dựng hai chơn trước lên rồi mang xe vụt chạy.

Bạch-xuân-Phương và Vương-Bích đương ngồi chuyện trò uống rượu, bỗng thấy xe chạy, lật đặt bước ra kêu xe, xe ngừng lại, ngừng lại.

Triệu-Dũng nghe kêu càng quất ngựa chạy mau, hai người kêu thôi rất hòng, mà xe chẳng chịu ngừng, bèn chạy ra sau tính cỡi ngựa rượt theo, nhưng ngựa đã mất đâu chẳng thấy.

Hai người lính quính đương đứng ngơ ngẩn ngó mông một hồi rồi chạy tuôn vô rừng mà kiếm. Còn Triệu-Dũng ở trước xe, một tay cầm cương, một tay quất ngựa, xe chạy như bay. Tên đánh xe kia thấy Triệu-Dũng đánh ngựa thì nóng ruột nói : “Thôi anh, thôi anh, gò cương cho chạy chậm chậm kéo đường sá tối tăm, nếu rủi ro đụng hổ sục hàm, ắt chúng ta phải gãy tay lòi cẳng.”

Triệu-Dũng nói : “Không sao phòng sợ, ta biết cỡi ngựa cầm cương, có hề

chi mà mi ngại”, và nói và quất ngựa trót trót, rồi day lại kêu Tiểu-thơ và nói : “Xin Tiểu-thơ và em ngồi cho vững.”

Thu-Hà thấy Triệu-Dũng giả dạng và thiết kế mà cứu mình, thì khắp khởi mừng thầm, nhưng còn sợ một nỗi hai người kia rượt theo, nên và ngồi và day lại ngó chừng đằng sau, mà trong lòng rất phập phồng hồi hộp.

Khi ra khỏi rừng rồi, thì trời trong trăng tỏ, hai bên đường thì bụi cây lúp xúp triền núi thấp cao, chạy đặng một đôi xa xa, xảy thấy một cây đại-thọ sùm sề, và đường phân ba ngã ; một ngã chạy qua Nam-quan, còn một ngã chạy qua phía Tây-bắc. Triệu-Dũng đứng trước cỗ xe ngóng coi một hồi rồi nói : “Nếu chúng ta chạy ngã đại lộ Tây-bắc thì đường sá dễ đi, song sợ Vương-Bích và Xuân-Phương rượt theo, vậy phải chạy qua ngã Nam-quan ; đặng kiểm chỗ mà an thân đào nạn thì mới tiện.”

Tên đánh xe kia nói :

“Trời ôi ! đường qua Nam-quan, bụi bờ gay trở, rừng núi hiểm nguy lắm, nếu đi đường đó thì ắt xe gãy ngựa què, gia tài tôi có con ngựa với cái xe, để mà độ nhứt kiểm ăn, nếu anh biểu đi đường này, đặng hại tôi cho chết đói sao ? Tôi không đi đâu.”

Triệu-Dũng nghe nói nổi xung, trợn mắt lườm lườm như khu chén, ngó tên đánh xe kia và nói : “Xe mi đã cho ta mượn, thì ta đặng phép làm chủ trong lúc hành trình, ta biểu sao mi phải nghe vậy, nếu mi nghịch ý chẳng tuân ta đập mi xuống xe cho cọp ăn, chừng ấy mi đừng oán trách.” Nói vừa dứt, bỗng thấy trong bụi cây lúp-xúp, lộ ra hai ngọn đèn nhấp nháng sáng lòà, hồi đầu còn thấy xa xa, phút chốc đã lần lần đi tới.

Triệu-nương bèn kêu Triệu-Dũng và chỉ và la : “Anh, anh, đèn nhà ai lấp ló trong bụi kia cà, hay là đèn ma nó hiện ra đó vậy ?”

Triệu-Dồng với tên đánh xe vừa ngó lại, thì thấy hai ngọn đèn ấy quả thiệt lần lần đi tới, kể nghe rống lên một tiếng giầy đất vang rùng, chừng ấy mới biết hai ngọn đèn đó là hai con mắt cọp, nó phóng xạ hào quang nên chiếu ra như đèn thiệt kia vậy, tên đánh xe kia thất kinh la lên : “Trời ôi ! Cọp cọp kia kìa” và nói và run như thần-lăn đứt đuôi. Thu-Hà và Triệu-nương cũng đều kinh hãi.

Triệu-Dồng nói : “Có tôi đây không sao phòng sợ”, kể con ngựa nghe oai cọp rống, thì hoảng hồn vọt chạy như bay.

Triệu-Dồng đứng trước cỗ xe, hai tay nắm cương và nói : “Tiểu-thơ và em ngồi cho vững”, nói rồi day lại hai tay gò cương chừng nào, thì con ngựa càng nhảy rột rột chừng nấy, còn xe thì lắc lại nghiêng qua, vòng lên sụp xuống như tuồng muốn lật.

Tên đánh xe kia hoảng vía kinh hồn, mặt mày tái lét, kể cây gọng xe bên hữu sút ra, một đầu rớt xuống lòng thông dưới đường, đụng đất nghe khua lộp bộp. Con ngựa bị cây gọng lộp đập vào hông, lộp va vô cẳng, hoảng kinh ngóng cổ ngay đuôi rồi nhảy nghe vọt vọt như tên bay. Hai cánh tay Triệu-Dồng mạnh mẽ như thần, nhưng gặp nhằm con ngựa này là ngựa tơ, vóc dạng lớn cao, sức lực rất nên hùng tráng, chẳng kể yên cương, không kiêng kiêu khẩu, nên Triệu-Dồng gò cương trì lại chừng nào, thì càng lôi xe lướt bánh mà chạy chừng nấy, hai bàn tay Triệu-Dồng bị nắm cương kèm thúc, đã mỗi rục phồng da, và nóng hực như lửa, miện`g thì kêu tên đánh xe kia, biểu coi chừng, kéo đứt dây lôi, song tên kia sợ té, hai tay nắm xe chắc cứng, còn miệng thì la chết chết như gỗ thoi.

Thu-Hà và Triệu-nương trong xe thấy vậy cũng hoảng kinh, song hai người đều nóng trí dẫn lòng, lẳng lẳng làm thình, để cho Triệu-Dồng tỉnh tề đặng lo mà kèm chế con ngựa.

Lúc này ngựa đã chảy mập miếng mập mồm, và mình thì đổ mồ hôi như

tầm. Bỗng nghe Triệu nương kêu “Anh anh, phía sau có người ta cỡi ngựa rượt theo kia kia.”

Triệu-Dồng nghe nói ngó lại, thì thấy xa xa quả có hai người đương giục ngựa chạy tới như dông.

Thu-Hà thất kinh kêu Triệu-Dồng và nói : “Trời ôi ! nếu anh tôi và Vương-Bích rượt theo, thì chúng ta ắt không thể gì mà trốn khỏi.”

Triệu-Dồng nói : “Xin Tiểu-thơ chớ lo, tới đâu hay đó”. Kể thấy trước đường có một cái cầu bắc ngang qua sông, hai đầu cầu có xây bốn cây thạch trụ.

Triệu-Dồng bèn ráng sức gò cương dặng nhắm thế qua cầu, song gò cương chừng nào, thì ngựa cũng nhảy rột rột như giông chừng nầy. Triệu-Dồng thất kinh và tự nghĩ rằng nếu ngựa nhảy như vậy, thì qua cầu ắt có rủi ro nguy hiểm lắm, nhưng đương lúc tâm thần rối loạn, chẳng biết tính sao, chỉ lo sửa ngựa kèm cương, rồi đánh liều nhắm ngay giữa cầu mà chạy, và kêu Thu-Hà với Triệu nương biểu phải vịn xe cho chắc, hễ nghe la nhảy thì nhảy cho mau, còn phía sau hai người cỡi ngựa rượt theo, rần rần chạy tới, bỗng nghe tiếng kêu vắng vắng sau xa : “Xe xe, ngừng lại, ngừng lại.”

Thu-Hà thấy cái cảnh ngộ rấp tới sau lưng, và cái tiền đồ hung hiểm trước mắt, thì ngồi trong xe mà thầm than rằng : “Trời ôi ! cái cảnh ngộ gì mà bức trắc dan nan như vậy, trước thì có sông cầu cản trở, sau lại thêm người ngựa rượt theo, chẳng biết cái thân nầy có tội lỗi chi với tạo-hóa thiên công, nên ngày nay khiến cho nợ oan gia nó cứ theo mãi mãi.

Ở ngựa kia ôi ! ta cùng mi vốn không thù hận, có sao mà mi sanh chứng ác nghiệt dữ dằn ? Mi chạy đi đâu mà chẳng kể bờ bụi yên cương ? Mi chạy đi đâu mà chẳng kể tiền đồ nguy hiểm đó vậy ? Hay là mi quyết đem ta mà bỏ vào chốn cùng đồ tuyệt mạng, hay là mi quyết đem ta mà xô vào nơi vực

thăm sông sâu đó chẳng ? nên mi vội vã lướt dậm băng ngàn, mà nhảy không ngừng vó, đó vậy ?”

Thu-Hà than vừa dứt lời, thì thấy ngựa và xe đã nhảy lấn lên cầu, kể nghe bánh xe đung vô trụ đá cái rầm, Triệu-Dũng la nhảy một tiếng rất lớn, thì xe và ngựa đã nhào lặn xuống sông, xe văng một nơi, ngựa trôi một phía.

Ôi ! thảm thay cho Thu-Hà với Triệu-nương là hai gái, mình hạc xương mai, thân bồ vóc liễu, mà gặp một tai nạn rất dữ dằn xảy đến thành-linh, như sấm nổ sét văng, thì nghĩ sự chết sống con người, xem nhẹ như mây lông, và lệ đường nháy mắt.

Ôi ! thảm thiết thay cho Thu-Hà là một gái giai nhơn tuyệt sắc, mà bị cái thời ma vận quỉ, nó cứ đeo đuổi xui dục vào chốn biển nghiệt thành sầu, nó khiến cho gặp cái trở lực rất khốn khổ đảo điên, gặp một cảnh ngộ rất gian truân hung hiểm, lúc dưới biển thì bị sóng dồi gió đập, khi lên bờ thì bị cản trước ngăn sau, thương cho chút phận thơ đào, mới lên khỏi biển lại nhào xuống sông ! nên sách Tàu có câu rằng :

Ốc lậu cánh trùng liên dạ vũ

Thuyền trì hựu ngộ đã đầu phong.

(Nghĩa là nhà dột lại gặp mưa rào, ghe chậm lại gặp gió ngược)

Trong lúc tai lâm nạn chí, phách lạc hồn phi, kể hai người cỡi ngựa rượt theo vừa tới, bỗng thấy phía trước xe ngựa đều té nhào xuống sông, thì thất kinh giục ngựa sai đến như bay, chừng tới đầu cầu thấy một người té trên động cát, còn một người đương chơi với giữa sông, người cỡi ngựa ấy tức thì nhảy xuống lội ra, vớt đem vô bờ, và day lại nhìn mặt xem coi, thì sững sốt tâm thần, và rất nên kinh dị, rồi một tay ôm người ấy để trên đầu gối, còn chơ kia thì quì xuống bãi cát và la lên rằng :

“Ừa này Bạch-thu-Hà phải chăng ? Ủa này Tình-khanh phải chăng ? Thu-Hà nào đã trầm thân tự tử ? Còn Thu-Hà nào nay lại gặp đây ?”

Thu-Hà nghe hỏi dứt mình, ngó lại thì cái trí mơ màng kinh sợ khi nãy làm cho nàng ngơ ngẩn như giấc chiêm bao, rồi tức thì la lên : “Ủa Võ-đông-Sơ ! ủa Lang...” tới đây muốn kêu Lang quân thì ngập ngừng mà nín lại, rồi liền chồn vờn đứng dậy, lấy tay xô Đông-Sơ dang ra, và nét mặt lộ ra một cách rất lơ là buồn bực, dường như một người nguôi lòng rùn chí, bạc ước vọng tình, rồi cúi mặt làm thinh, chẳng nói chi hết.

Kế Triệu-Dũng dưới nước trời lên, thấy thì tướng Bạch-xuân-Phương với Vương-Bích nên lật đật bươn bả lội vô, chừng lại gần thấy Võ-đông-Sơ thì mừng quính và la lên rằng : “Ủa Võ-ân-huynh, ân huynh ở đâu rượt tới thành-linh, làm cho tôi thất kinh, tướng Bạch-xuân-Phương nên đánh xe chạy hoảng.”

Đông-Sơ thấy Triệu-Dũng và Triệu-nương thì mừng rỡ chào hỏi lảng xảng và nói : “Tôi đi tuần vắng phía Tây-bắc trở về, dọc đường thấy xe, ngỡ là xe bọn gian nhơn, nên giục ngựa rượt theo, chẳng dè ngày nay chúng ta thành-linh mà đặng nhứt trường tụ hội, thì cũng là một cuộc rất hân hạnh kỳ phùng, làm cho những sự mơ tưởng ước ao bấy lâu, nay thoát nhiên đổi ra một cảnh ngộ rất vui lòng toại chí.

Triệu-Dũng day lại Thu-Hà và hỏi : “Tiểu-thơ có hề chi chăng ?”

Thu-Hà nói : “Không sao”, kể nghe phía bên đầu cầu có tiếng rên la, Đông-Sơ với tên bộ-hạ và Triệu-Dũng lật đật chạy lại coi ai, thì thấy tên đánh xe nằm dưới đầu cầu, hai tay ôm chơn và rên và nói :

“Trời ôi ! thời vận mạt rồi, gia tài rụi hết, ý ôi ! ai khiến cho tôi rủi ro đến thế, gặp chi cái mối ác nhơn, ý ôi ! đã làm cho xe gãy ngựa què, mà còn bị quẹo tay lợi căng nữa chớ.

Trời ôi ! tôi đã nói đường đi gay trở, mà còn một hai cái sức chẳng nghe, may không chút nữa ngựa đạp xe đề, chắc phải dập sườn lòe ruột mà chết, ôi, ôi, hại tôi chi vậy, chuyến này tôi lãnh cái tay cán vá, với cái căng cà khêu này đem về mà báo hại vợ con, ắt nó chưởi nghe không hết.”

Triệu-Dồng nghe nói lật đật bước lại đỡ lên, thì thấy chẳng chi trọng bệnh cho lắm, duy thấy tay thì cong cong cán vá, căng thì nhắc nhắc cà khêu, lưỡi chắt chắt như thăn lăn, còn miệng la đau đau như seo-séo đó thôi.

Đó rồi Triệu-Dồng hỏi Đông-Sơ rằng : “Từ khi ân-huynh cách biệt đến nay, chẳng biết ân-huynh đi đâu, cho em rõ ?”

Đông-Sơ nghe hỏi thì trả lời rằng : “Từ khi tôi phụng mạng tuần dương, dẹp yên hải khấu, rồi trở về gặp hiền-hữu tại sông Nhĩ-hà. Đó rồi về Đông-kinh dừng địa-đồ tỉnh Quảng-Đông cho Lê-công, chẳng dè gặp thơ-dồng trao thơ cho tôi, nói rằng Tiểu-thơ bị anh là Bạch-xuân-Phương ép gả cho Vương-Bích, nên Tiểu-thơ không chịu bèn trốn qua Hải-ninh. Lúc đó tôi tính qua Hải-ninh đặng tìm Tiểu-thơ. Kế có thánh-chỉ sai tôi đi tuần thú Nam-quan. Khi đi ngang qua Quảng-yên, nghe nói Tiểu-thơ lạc vào sơn-động. Vì vậy nửa đêm tôi lên thám sơn-động đặng tìm kiếm Tiểu-thơ.”

Triệu-Dồng hỏi : “Khi ân-huynh lên sơn-động gặp Tiểu-thơ không ?”

Đông-Sơ nói : “Khi tôi lên sơn-động có gặp tên chủ sơn-động là Hoàng-nhứt-Lang. Người này cũng là một tay anh-hùng hảo hớn. Người bèn dắt tôi ra Thạch-đỉnh đặng hội diện cùng Tiểu-thơ, chẳng dè Tiểu-thơ để lại một phong thơ nói rằng nhảy xuống biển mà trầm thân tự tử. Vì vậy tôi tưởng Tiểu-thơ đã thác, bèn đến chùa Tây-hà, thiết lập bài vị đặng để phượng tự Tiểu-thơ. Chẳng dè Tiểu-thơ còn sống mà ngày nay đặng gặp tại đây. Vậy thì chưa rõ duyên cớ thế nào, xin hiền-hữu thuật lại cho tôi nghe thử.”

Triệu-Dồng bèn thuật khi cứu Tiểu-thơ tại Thạch-đỉnh rồi đưa thẳng qua

Hải-ninh tìm dì mà không gặp, bèn vào lữ-quán đình trú, kể đó lại gặp Bạch-xuân-Phương và Vương-Bích bắt Tiểu-thơ lên xe chở đi. Vì vậy tôi phải thiết kế giả làm tên đánh xe mà cứu Tiểu-thơ thoát khỏi.

Đông-Sơ nghe rồi lấy làm mừng rỡ và cảm ơn Triệu-Dũng vô cùng. Rồi nói : “Cảm phiền hiền-hữu kiếm coi nhà ai gần đây, đặt dắt Tiểu-thơ và Triệu-nường tạm vào ngơi nghỉ một chút.”

Triệu-Dũng liền bước lên cầu ngóng xem bốn phía, xảy thấy có một cái nhà ẩn ẩn trong chòm cây, ở gần mé lộ, thì chỉ cho Đông-Sơ, đó rồi các anh em đều dắt nhau vào nhà gõ cửa.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Hai Mười Sáu

Một lát kể cửa mở ra, thấy một lão-bà và một người gái trẻ, cầm đèn trong cửa bước ra, rảo mắt ngó xem mỗi người. Khi ngó tới Thu-Hà và Võ-đông-Sơ, thì người gái kia vùng la lên và nói : “Ủa cô, ủa Quan-nhơn”, rồi chạy lại ôm Thu-Hà và rưng rưng hai hàng giọt lệ.

Thu-Hà thấy thế-nữ Xuân-Đào, thì mừng và hỏi : “Sao mi ở đây ? Và ở đây với ai ?”

Xuân-Đào nói : “Từ khi tôi ở Thạch đình gặp Võ-quan-nhơn, nửa đêm đến đó kiếm cô, chẳng dè thấy thơ cô để lại thì tưởng cô có trầm thân tự tử nơi chốn vực thẳm biển sâu rồi, nên tôi theo Quan-nhơn về ở với mẹ tôi đây từ ấy đến nay, chẳng dè ngày nay cô cháu đang trùng phùng, và đang thấy Võ-quan-nhơn đây, thì mừng này biết sao mà nói đang.” Đó rồi mẹ con Xuân-Đào mời các anh em vào nhà và dọn một phòng riêng cho Thu-Hà ngơi nghỉ.

Thu-Hà vô giường thì cúi mặt làm thinh chỉ ngồi thêm thiếp, xem lại thì gương đào giã dươi, mây nguyệt nhả nho, vì đương so đo một mối tơ tình, nó xằng xít bên lòng, không vò mà rối.

Kể đó Võ-đông-Sơ bước vô lại đứng một bên và nói : “Ái-khanh bây giờ trong mình thế nào ? Sao xem sắc mặt có vẻ thảm đạm ưu sầu, hay là quý thể có đều chi chẳng yên, xin nói ra cho biết.”

Thu-Hà day lại thấy Đông-Sơ đứng kể một bên, thì lấy tay xô Đông-Sơ đang ra, rồi cúi mặt làm thinh, chẳng một lời chi đáp lại.

Đông-Sơ thấy vậy thì lấy làm lạ kỳ, rồi tiếp mà hỏi nữa : “Ái-khanh ôi ! bấy lâu kẻ chơn trời người góc biển, biết bao nhiêu là tháng đợi ngày trông, nay hai ta đặng gặp nhau đây, lẽ thì chẳng xiết vui mừng, nhưng cố sao ái-khanh lại nỡ làm thình, mà chẳng tỏ một lời hơn thiệt ? Thế thì ái-khanh đã quên những lời ngày xưa thệ ước, những lúc câu chuyện giọng tình, nên lẳng lẳng làm thình, mà tỏ rằng lòng kia lơ lửng đó chẳng ? Hay là ái-khanh đã quên cái người ôm ấp một khối chung tình từ ấy nhân nay với ái-khanh, rất thương yêu trứu mến đó chẳng ?

Ái-khanh ôi ! ái-khanh hãy ngó lại mà coi, cái người ấy bây giờ đương đứng trước mặt một kẻ rất trứu mến thương yêu đây, và người ấy bây giờ đương đứng mà ao ước trông mong, một điều phối hiệp lương duyên cùng ái-khanh, không cơn nào mà nguôi lòng đổi ý cho đặng, người ấy bấy giờ đây là Võ-đông-Sơ, kìa ai là Thu-Hà thì xin đoái tình mà thương lại ?”

Thu-Hà nghe rồi đứng dậy ngó Đông-Sơ cách lơ lảo và trả lời rằng : “Tôi chẳng phải là ái khanh của người ấy, và cũng chẳng phải là Thu-Hà của Đông-Sơ đó đâu, những lời ngày xưa thệ ước, nay đã xem như bọt nước chảy dòng sông ; cái khối chung tình ngày xưa, nay xem như một bóng dương quang nó làm tan giọt tuyết, người ấy tuy bây giờ đứng đó, nhưng tôi chẳng dám gần, người ấy tuy bây giờ ở đây, nhưng tôi không nhìn đặng.”

Nói tới đây liền lấy tay ôm ngực, và sắc mặt buồn xầu ; kẻ đám giặc nghi cụ ưu phiền lừng lẫy nổi lên, rồi đánh một trận với đám giặc ân tình trong trái tim, làm cho cả một tòa lương tâm đều phạm phùng hồi hộp, đó rồi Thu-Hà mặt mày cháng váng, té xỉu nơi giường. Còn Đông-Sơ nghe mấy nhiều lời, thì ngọn lửa phẫn khích trong lòng, hực hực xung lên, làm cho héo ruột xào gan, rồi cả và mình đều rướm rướm mồ hôi, đổ ra như tắm.

Đông-Sơ ngó Thu-Hà sững sờ một hồi, và tầm tư tự nghĩ rằng : “Lạ thay, từ khi tri ngộ Thu-Hà tại hoa-viên đến nay, ta chưa hề có đều chi phụ nghĩa bạc tình cùng nàng, và cũng chẳng có đều chi làm cho nàng phiền lòng mịch

dạ, cố sao nay lại buông lời lạt lẽo, xem ra như người đã bội nghĩa vong tình, hay là nàng đã gá cuộc như duyên với nơi nào, nên mới nở muôn những lưỡi búa lời dao, đặng mà cắt đứt dây tình xưa nghĩa cũ đó chăng ? Hay là nàng bị giang-hồ lưu lạc, đã nhiều phen họa dập tai đồn, làm cho nàng hoảng hốt tâm thần, mà ra kẻ kinh hồn lãng trí.”

Nghĩ vậy rồi bước tới và hỏi rằng : “Ái-khanh, tôi xin hỏi một lời : Khi tại sông Nhĩ-hà, ái-khanh có nhớ một người nào bơi thuyền cỡi sóng mà xông pha giữa chốn vạn trận phong đào, đem một sanh mạng mà liều với sông biển nước trời, chẳng kể cái cảnh ngộ hung hiểm gian nguy, chẳng kể cái tiền đồ cuồng phong nộ lãng. Chỉ biết lấy một lòng nhiệt thành ân ái, mà đối đãi với một kẻ yêu dấu tình như trong lúc ngộ nạn lâm nguy. Nếu mà chẳng may bị lượn sóng vô tình nó chôn dập đã chốn trường giang, thế thì ái-khanh cũng phải cảm động lòng thương và nhỏ một giọt nước mắt ân tình, ngổ khóc cho kẻ vì mình mà phải chịu oan hồn uổng tử đó chứ ? Nhưng may mà ngày nay cái sanh mạng của kẻ ấy hãy còn sống nơi cõi dương gian này và đương đứng trước mặt ái-khanh đây, là Võ-đông-Sơ, mà gấn bó kêu nài cùng ái-khanh một lời rất thiết yếu rằng : vì cố nào mà ái-khanh chẳng tưởng đến lời non thề biển hẹn ? Vì cố nào mà chẳng nhìn đến kẻ nghĩa cũ tình xưa ? Xin ái-khanh hãy tỏ hết cái tâm sự dấu diếm nơi lòng, và nói thiệt căn do cho tôi rõ, dầu mà hai ta chẳng phải như duyên trời định, khiến cho ái-khanh chẳng đoái tình thương, thì tôi cũng lấy một chí khí đại độ trượng phu, mà để cho người thông thỏa theo lòng sở dục. Còn như có điều chi bức ép hay là bị một thế lực mạnh mẽ nó buộc ràng, làm cho ái-khanh rùn chí phiền lòng, thì tôi sẽ hết sức gánh vác đỡ đần đương chẳng để cho ái-khanh phiền lòng cực trí chi hết. Nếu ái-khanh chẳng tưởng mà nói rằng Thu-Hà chẳng phải là người tình-nghĩa của Đông-Sơ này, vậy thì Thu-Hà là người của ai ? Xin hãy nói cho nghe thử ?”

Thu-Hà nghe Đông-Sơ gạn hỏi mấy lời, thì nghĩ mà đau lòng ly biệt, xót ruột ân tình, làm cho thỉnh thoảng trên má hồng nhan, đã chứa chan hai hàng

giọt lệ, rồi day lại mà nói với Đông-Sơ rằng :

“Bấy lâu tôi cũng ngỡ Thu-Hà này là một người vợ chưa cưới của Đông-Sơ ; chẳng dè ngày nay Thu-Hà thành ra một người vợ đã cưới rồi của Vương-Bích !

Bấy lâu cũng tưởng mượn bước giang-hồ lưu-lạc, đặt cho khỏi cái dây oan trái nó buộc ràng ; chẳng dè ngày nay cái kiếp đọa hồng nhan, nó chưa chịu nhả nhỡm, buông tha, hãy còn đeo đuổi mà bắt vào tay bức hiếp.”

Đông-Sơ nghe rồi nhú mày ngó sững Thu-Hà và hỏi : “Ái-khanh hãy nói cho tôi rõ : Vương-Bích ở đâu ? và vì cớ nào mà ái-khanh gọi rằng vào tay bức hiếp ?”

Thu-Hà nói : “Anh tôi và Vương-Bích mới gặp tôi nơi lữ-quán, nói rằng : Trong khi gả cưới, đã có hôn-thư bằng cớ, và hai bên thân tộc rõ ràng, rồi chiếu tờ tập nã của quan phê mà nói rằng : tôi bị tội bội ước đào hôn, nên người và anh tôi tìm theo mà bắt lại, may nhờ Triệu-quí-hữu thừa cơ rồi giả kế mà cứu tôi trong lúc giữa đường, song tôi nghĩ dầu cho cao chạy xa bay, thì sớm muộn cũng chẳng khỏi vào tay oan trái đó nữa.

Vì vậy tôi nay còn gì mà gọi rằng một người tình nghĩa yêu dấu của Đông-Sơ, vì tôi đã bị làm một người bức ép buộc ràng của Vương-Bích”, nói rồi thì mạch nước mắt chung tình đã cuộn cuộn tràn ra, làm cho hai tròng thu ba phải đầm đề hột lụy.

Đông-Sơ nghe rồi thì tơ tình rối ruột, trán đổ mồ hôi, thật là một việc rất rắc rối khó khăn, dầu cho ai thiết thạch tâm trường, gặp lúc như vậy, cũng phải sững sờ ngơ ngẩn, huống hồ Đông-Sơ là kẻ đã giao lời thệ ước, nặng gánh chung tình, lẽ nào nghe vậy mà chẳng xúc động tâm thần, bầm gan tím ruột.

Đó rồi Đông-Sơ làm thỉnh đứng sững, nghĩ nghĩ một hồi ; bèn day lại kêu Thu-Hà và hỏi : “Ái-khanh nói rằng Vương-Bích có chiếu tờ tập nã, và có dựng chứng hôn-thơ, nhưng chẳng biết trong giấy hôn-thơ, ái-khanh có ký tên hay chẳng ?”

Thu-Hà nói : “Tôi đã từ hôn chẳng chịu, lẽ đâu còn chịu ký tên ?”

Đông-Sơ nói : “Nếu ái khanh thiệt chẳng ký tên, thì can chi mà ái khanh còn nghi ngờ lo sợ. Dầu cho Vương-Bích quyết lòng ép buộc, mà đầu cáo cùng quan trên, thì ái khanh cứ thiệt khai ngay, quan trên cũng chẳng lý nào mà ép duyên chồng vợ đặng. Vả lại việc vợ chồng cưới gả, thì do nơi hai bên trai gái thuận tình, dầu cho cha mẹ cũng chẳng nỡ ép uống việc nhen duyên ; huống hồ anh em có quyền chi mà buộc ràng sự trăm năm tơ tóc. Nếu ái-khanh lòng còn nghi ngại, thì tôi xin Hoàng-thượng ngự bút tứ hôn cho hai ta, dầu cho Vương-Bích kiện tới thiên-đình, cũng chẳng làm chi hai ta cho đặng.”

Thu-Hà nghe mấy lời Đông-Sơ biện bạch, thì bao nhiêu những sự ưu sầu nghi cụ, chất chứa nơi lòng, tức thì chẳng đuổi mà tự nhiên tan đi, chẳng dầm mà tự nhiên tiêu mất, rồi đổi lại một tình trạng rất hân hoan vui vẻ, hiện ra một sắc diện rất đẹp đẽ mặt mày, mừng thay anh én gặp bấy, hết cơn ly hận tới ngày hiệp hoan. Cái mừng này nói ra khôn xiết, mà viết cũng chẳng hết lời, đó rồi Thu-Hà bước lại ôm Đông-Sơ mà thở thê giọng tình, và mừng và nói :

“Lang-quân ôi ! Lang - quân sẽ xin ngự bút tứ hôn cho đôi ta sao ?
Vương-Bích chẳng làm chi hai ta đặng nữa sao ?

Lang-quân ôi ! Lang-quân ôi ! Nếu mình chẳng hết lời phân trần cặn kẽ, thì tôi mảng bị một sự kinh hãi nghĩ sâu nó làm cho tôi rối loạn tâm thần ; mất cả trí khôn, hết đều tư tưởng chi nữa, đến đối gặp mà chẳng dám nhìn, xem dường một kẻ lãng hạnh vong tình, và một người ăn lời thệ ước kia vậy.

Lang-quân ôi ! Nay tôi mới thiệt là Thu-Hà của Đông-Sơ, nay tôi mới thiệt là vợ chưa cưới của Đông-Sơ, chớ chẳng còn nghi ngờ lo sợ chi nữa, vậy nay đôi ta đã đăng nhứt trường hội ngộ, thì xin tính sao cho trọn chữ ân-tình, trước là đẹp đẽ cuộc giai ngẫu lương duyên, sau là khỏi tay Vương-Bích và anh tôi, người theo buộc ràng ép uổng.”

Đông-Sơ day lại choàng tay qua vai Thu-Hà rồi kề môi dựa má, lấy giọng an ủi mà rằng : “Ái Khanh ôi ! Cũng bởi tôi đa mang việc nước, mà làm cho ái Khanh phải lạc bước giang hồ, cũng bởi cơn thời vận gian nan, nó làm cho cái vóc yếu điệu hường nhan, phải giảm bớt vài phần khí sắc.”

Ôi ! Trong lúc mai kề liễu dựa, mạn ấp đào ôm nầy, thì chẳng biết bao nhiêu mà vẽ cái tình trạng rất thân ái thương yêu, làm cho ngọn lửa ân-tình phưởng phất, lừng lên rồi cả hai đều hồn mê ruột rồi. Bỗng nghe trước cửa rần rần vó ngựa, rảng rảng lạc đồng, kể thấy Triệu-nương và thể-nữ Xuân-Đào, hơ hởi chạy vào, và kêu và nói :

“Tiểu-thơ, Tiểu-thơ, Vương-Bích và công-tử Bạch-xuân-Phương, hai người đương giục ngựa buông cương rần rần chạy tới kia kìa.”

Đông-Sơ nghe nói liền rút gươm vội vã bước ra, Thu-Hà thất kinh chạy theo níu lại và nói : “Lang-quân, xin Lang quân ở nơi phòng nầy với tôi, đừng để coi Vương-Bích cử động thế nào, rồi chúng ta sẽ tùy cơ ứng biến.”

Lúc ấy Triệu-Dũng đương đứng trước khách đường, xảy thấy hai người cỡi ngựa rầm rầm chạy tới, thì biết là Bạch-xuân-Phương và Vương-Bích, sợ chúng nó vô nhà thành-linh, thì gặp Thu-Hà ; liền lật đật chạy ra, đứng ngăn trước ngõ.

Vương Bích xuống ngựa chầm chỉ bước vô, thấy Triệu-Dũng mặc đồ võ trang, bộ coi nghiêm chỉnh, khác lúc giả dạng tên đánh xe, nên không nhìn đặng, bèn kêu mà hỏi rằng : “Tên kia, người có thấy hai người gái chạy vào

đây chẳng ?”

Triệu-Dũng nói : “Tôi chỉ thấy hai người trai là hai chú đó thôi, chớ không thấy ai nữa.”

Vương-Bích nghe Triệu-Dũng trả lời như vậy, bèn dòm vô nhà đặt coi có ai chẳng, xảy thấy có bóng đèn bà lấp ló phía trong, thì nghi và nói : “Người nói không ai, sao trong nhà có dạng đèn bà con gái đó vậy ? Người hãy tránh, để ta xét coi”, và nói và sẵn bước bước vô.

Triệu-Dũng nổi xung, lấy tay cản lại, và nói : “Người muốn xét thì phải xin phép cái cánh tay ta đây, bằng người ỷ thế làm ngang, thì nó không hề dễ cho mi bước tới một bước.”

Vương-Bích nghe nói thì mặt đỏ phừng phừng và nói : “Để ta bước vô coi mi làm chi ta cho biết.” Nói rồi xốc tới bước vô, Triệu-Dũng tức thì lấy tay nắm ngang ngực Vương-Bích, quăng ra xa một cái rất mạnh, làm cho Vương-Bích hổng chơn văng ra xa hơn năm thước rồi té nhào xuống đất, Triệu-Dũng nhảy lại đạp chơn trên lưng, muốn đánh thêm một thoi, cho rồi đời ngang ngược.

Bạch-xuân-Phương thấy Triệu-Dũng sức mạnh phi thường, xem thế ắt cao cường võ nghệ, thì chạy lại mà can rằng : “Xin tráng-sĩ bớt lòng thanh nộ, vì vương hữu trong cơn nóng nảy, mà ra sự lỗi lầm, nếu thiệt chẳng có hai gái vào đây, thì chẳng cần chi mà sanh đều tranh đấu”, nói rồi lại dắt Vương-Bích trở ra, rồi cả hai lên ngựa đi về một nước.

Triệu-Dũng mặt còn phừng phừng sắc giận, đương đứng trợn mắt ngó theo, xảy nghe có người phía sau bước tới vỗ vai một cái và nói rằng : “Mừng cho Triệu-quí-hữu đắc thắng.”

Triệu-Dũng day lại thì thấy Đông-Sơ và các chị em đều chạy ra mừng rỡ.

Thu-Hà nói : “Nhờ có Triệu-quí-hữu mau chơn ra cản trước ngõ, nếu không thì anh tôi và Vương-Bích, đã xốc vô nhà, gặp tôi và Lang-quân ở đây, ắt sanh đều đại sự.”

Kế đó Đông-Sơ day lại biểu tên bộ-hạ đi mượn một cỗ xe, rồi rước Thu-Hà và hai anh em Triệu-Dũng trở về tư dinh, và dọn dẹp một phòng cho Thu-Hà và Triệu-nương ngồi nghỉ, còn Đông-Sơ thì tính làm một tờ biểu chương, bày tỏ sự tình, dâng xin Hoàng-thượng ngự bút tứ hôn, ngõ cùng Thu-Hà vầy duyên can lẹ.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồi Thứ Hai Mười Bảy

Vùng ô thắm thoát phút lặng đài tây, gươm nguyệt lấp lò đã treo bóng thỏ, đoạn Võ-dông-Sơ và Thu-Hà đương ngồi trước Hoa viên đàm đạo, bỗng thấy một tên Ngự-lâm-quân, ngoài cửa vội vã bước vô, cúi đầu chào Đông-Sơ và nói : “Bẩm Đô-úy, có thánh chỉ dạy đòi, về việc binh tình khẩn cấp.”

Đông-Sơ nghe nói liền bước lại tiếp lấy thánh chỉ đọc coi, thì thấy nói như vậy :

“Nay như Thanh-triều ỷ thế, nước mạnh binh nhiều, muốn xâm phạm lấn lướt nước ta, vì vậy nên trẫm phải ngự giá thân chinh, quyết đánh cùng quân Tàu một trận, trước là bảo tồn giang-san của tổ quốc, sau là cho quân Mãn-châu biết ta là nước có ái-quốc tinh thần, chẳng phải một dân tộc chịu đè ép dưới cường quyền, để cho chúng nó buộc ràng hà khắc như mấy đời trước. Vậy truyền cho Đông-Sơ Đô-úy, lập tức đến tỉnh Lạng-sơn, đặt quân xuất các đạo võ-lâm-quân, và theo trẫm mà lãnh chức Ngự tiền Hộ giá.”

Đông-Sơ đọc rồi thì nét mặt có sắc buồn dàu, đứng ngó Thu-Hà một cách sững sờ và nói : “Ái Khanh ôi ! cũng tưởng hai ta đã hết cơn ly biệt, đến lúc trùng phùng, đặt cùng nhau vui cuộc lương duyên, cho toại chí lúc bình sanh sở nguyện, chẳng dè cái thời diên vận đảo, nó cứ theo đeo đuổi buộc ràng, hờn thay cuộc thế đa đoan, khiến cho gặp buổi nước nhà hữu sự, vì vậy nên Triều-đình hạ chỉ, đòi tôi ra hộ giá Thánh-hoàng, làm cho đôi ta phải rẽ phụng lìa loan, thì biết chừng nào mới đặt vầy vui giai-ngẫu.

Thu-Hà nghe nói thì động lòng ly biệt, càng thêm xót dạ ân tình, rồi nghĩ

cho nhà nước đương gặp buổi hoạn nạn truân chiên, thì gượng gạo lấy lời hơn thua mà tỏ bày khuyên nhủ, rồi nói :

“Lang quân ôi ! hai ta vẫn đương lúc tình nồng nghĩa mặn, mà thành-linh khiến cho én lạc nhận xa, thì dầu ai gan sắt dạ đồng, gặp lúc này cũng phải đau lòng đứt ruột, nhưng mà, tôi khuyên mình phải lấy chữ ân làm trước, rồi sau sẽ nói đến chuyện tình, ân là ân quốc gia thủy thổ, tình là tình thân ái vợ chồng, nay nước nhà đương gặp lúc hữu sự phân vân, và mấy vạn đồng bào ta đương đầu cật đầu lưng trong cõi chiến trường, mà xông pha giữa chốn lằn tên mũi đạn. Vậy thì Lang quân là một đứng nam nhi phận sự, lại thọ ơn tước lộc triều đình, thế phải ra mà đỡ vạt ngưng thành, lấy một gan đờm mà bồi đắp cho quê hương trong cơn nước lửa, đừng gọi rằng đền đáp cái ơn ngọn rau tấc đất của Việt-nam cho tròn chút nghĩa vụ của quốc gia thần tử. Tôi cũng ngày đêm khẩn vái, mà cầu chúc Lang quân đừng bình an vô dạng trong chốn mũi đạn lằn tên ; ngõ mau mau mà trở bước khai hoàn, chừng ấy đôi ta sẽ hiệp mặt phòng loan, và vui tình nệm gối, thì cũng chẳng muộn.”

Đông-Sơ nghe rồi day lại ôm Thu-Hà, hai mặt nhìn nhau cách thương yêu quyến luyến và nói : Ái-khanh ôi ! phận tôi đã đành ra chốn vòng binh mặt trận, thì chi nài cơn lướt đạn xông tên, thương là thương cho Ái-khanh một mình hiu quạnh nơi chốn phòng loan, cực lòng nỗi ngày trông đêm đợi. Vậy đêm nay là đêm tôi còn ngồi một bên Ái-khanh mà tay ấp má kề, giọng tình câu chuyện, song ngày mai là ngày đôi ta sẽ chia cái gánh chung tình này ra làm hai, nửa thì tôi ôm ấp đem theo, nửa thì Ái-khanh giữ gìn mà cất lại.”

Nói rồi thì kẻ vì ơn ly sầu biệt hận, nghĩ mà ruột héo gan xào, người thì bận nỗi duyên nợ tóc tơ, ngồi mà sững sờ bất tỉnh.

Kế một luồng gió hiu hiu thổi tới, làm cho cả hai đều mê mệt tâm thần, bỗng thấy một người y giáp rỡ ràng, kim bào ngọc đá, đi với hai tên bộ-hạ ngoài cửa bước vô, Đông-Sơ lật đật chạy ra thấy quả thiệt cha mình là Quận công Võ-Tánh, thì mừng và hỏi :

“Thưa cha, bấy lâu cha đã âm-dương phân cách, sao nay thành-linh mà phụ tử đặng trùng phùng, vậy xin cha có đều chi dạy bảo khuyên răn, thì nói cho con biết, đặng con vững lời nghiêm huấn.”

Quận-công Võ-Tánh nói : “Bấy lâu cha đã theo miền vân hạc, mà thông dong nơi cõi thọ thanh-nhàn, nay thấy nước nhà gặp lúc lửa giặc đao binh, nên cha phải về đây đặng tỏ cùng con ít lời dặn bảo.

Con ôi ! con phải biết con là phận đứng làm trai trong hoàn vũ, thì phải hết lòng ái quốc ưu quân, lấy gan đờm mà trau dồi cái gương trung liệt của nhà ta cho chói sáng, đặng treo ra giữa cõi Việt-nam, mà tỏ cái nghĩa vụ của một đứng nam nhi chí khí.

Con ôi, con hãy noi theo dấu cha mà tận trung báo quốc, cho rõ tấm nhiệt thành. Chẳng nên ràng buộc theo đám nhi nữ thường tình, mà làm cho tiêu ma cái chí khí của con nhà trung thần hiếu tử. Con phải lấy giang-san quê vức mà gánh vác ở đầu vai, phải lấy một phẩm giá hơn tài mà đúc rèn lòng thiết thạch, chẳng nên lui một bước giữa chốn kịch-liệt chiến trường, mà làm nhục cái danh của con nhà anh-hùng hào-kiệt.

Chốn chiến trường ấy là một chỗ danh dự rất vinh hiển của các đứng anh-hùng, thịt tuy nát, xương tuy tan, nhưng mà cái danh giá thơm tho hãy còn sống ngàn năm trong vũ trụ.

Vậy cha khuyên con một lời chót này, là con phải lấy một lưỡi gươm trung nghĩa mà chống cự với quân Tàu ; và nhiều một giọt máu anh-hùng mà rửa hờn cho tổ quốc.”

Nói rồi quày quả ra đi. Đông-Sơ lật đật chạy theo, vấp chơn té xuống ; dụt mình tỉnh lại, thì là một giấc chiêm bao. Ngó lại thì thấy Thu-Hà còn ngồi một bên, bèn đem sự chiêm bao thuật lại cho Thu-Hà nghe, đó rồi hai người

bị rịn cùng nhau một hồi, kể nghe canh gà đục sáng, và trống đã điểm năm, dường như tiếng gà nó hòa với tiếng trống canh, đặng mà thôi thúc hai đảng từ biệt.

Đông-Sơ bèn kêu Triệu-Dũng và nói : “Nay gặp lúc binh đao tranh chiến, Hoàng-thượng người đương trọng dụng nhưn tài, vậy Triệu-quí-hữu hãy theo tôi mà giúp đỡ nước nhà, đặng lập chút công danh với thế. Chẳng nên để cho mai một cái danh giá anh-hùng mà lỗi phận nam nhi trên đường nghĩa vụ.”

Triệu-Dũng nói : “Nếu ân-huynh có lòng dìu dắt, thì em cũng đành theo mà giúp đỡ tay chơn, vậy thì mau mau sắm sửa hành trang, đặng hai ta lên đường cho sớm.”

Nói rồi hai người liền bước vô từ giả Thu-Hà và Triệu-nương, rồi lên ngựa ra đi. Còn Thu-Hà với Triệu-nương cũng vội vã đưa theo, một đôi xa xa, mới quày chơn trở lại.

Khi Võ-đông-Sơ ra tới Lạng-sơn, vào bái yết Hoàng-thượng rồi tiến cử Triệu-Dũng làm chức Thiếu-úy, kể đó Hoàng-thượng hạ lệnh truyền cho các đạo binh, đều kéo tới Nam-quan, và giáp chiến với quân Tàu một trận rất oanh oanh liệt liệt. Còn Hoàng-thượng và có võ bá văn ban đều lên trên một toà núi cao, đặng đồn binh và khán trận.

Trong khi hai bên giáp chiến đánh nhau từ sớm mai tới trưa, súng nổ vang rền, tên bay như mưa bắc, thây nằm nhầy đất, máu chảy đỏ sông, bỗng thấy đạo binh của ta lần lần yếu thế, còn đạo binh của Mãn-Châu thì áp tới càng ngày càng sa số hăng hà, đông như kiến cỏ.

Hoàng-thượng đứng trên núi, thấy đạo binh ta ít, thế chịu không nổi với binh Mãn-Châu, và lại bị binh nó lần lần bọc quanh rồi phủ vây ba mặt, thì nhíu mày rồi ngó rảo các hàng võ tướng đương đứng xung quanh, và hỏi rằng : “Ai dám lãnh mạng xông ra vòng binh của Mãn-Châu, đặng kêu đạo binh tả

dực của ta đến đây mà tiếp cứu.”

Trong các hàng võ tướng văn quan nghe hỏi, đều lấy mắt nhìn nhau, không ai dám ra mà lãnh mạng.

Đông-Sơ thấy vậy liền bước ra khấu đầu phụng mạng tự quyết xin đi, kế Triệu-Dũng cũng bước ra xin theo Đông-Sơ mà trợ lực.

Hoàng-thượng thấy hai người tuổi nhỏ, mà can đảm phi thường, thì mừng và dặn rằng : “Cái trách nhiệm này là một trách nhiệm rất cần yếu hiểm nguy, hai người có đi, thì phải cho tận tâm kiệt lực.”

Đông-Sơ và Triệu-Dũng liền khấu đầu bái biệt, rồi lập tức giục ngựa thẳng xông, còn Hoàng-thượng đứng trên cao ngó ra mặt trận, thấy binh ta tuy sút, nhưng mà hàng ngũ chỉnh tề, đứng giữa mặt trận rất kịch liệt hung hăng, mà chịu với quân Tàu hơn hai giờ, không hề thối lui một bước. Quân Tàu tuy đông mà áp tới không nổi, chỉ có đem binh vây phủ ba phía mà thôi.

Hoàng-thượng và các tướng đương đứng ngóng trông tin tức Võ-đông-Sơ, bỗng thấy phía tả binh Mãn-Châu thành-linh rùng rùng vỡ tan, kéo nhau mà chạy, thì biết chắc có binh cứu viện đã tới, kế thấy một người mọp trên yên ngựa sải tới như bay, cả thấy đều chăm chỉ ngó coi, chừng lại gần thì mới biết là Đông-Sơ thoát khỏi trùng vây và trở về phục mạng. Khi Võ-đông-Sơ chạy tới trước mặt Hoàng-thượng, thì lật đặt xuống ngựa gượng gạo bước vô.

Hoàng-thượng và các quan ngó lại thấy Đông-Sơ mặt mày xanh lét, máu mủ đầy mình chảy ra nhỏ giọt, ai nấy đều kinh, song chưa biết bị thương nặng nhẹ thể nào. Kế Đông-Sơ bước tới và thở hào hển và nói ngập ngừng rằng : “Muôn, muôn tâu Hoàng-thượng, Triệu, Triệu-Dũng chết rồi, đạo binh tả dực, đã đến tiếp cứu và đương xáp trận với quân Tàu, nên thần hạ về đây phục mạng.” Nói rồi ngược mặt ngó Hoàng-thượng và tung hô lên rằng :

“Việt-nam vạn tuế, Thánh hoàng vạn tuế”, la vừa dứt lời, thì liền riu riu ngã xuống bên chũn Hoàng-thượng mà chết.

Hoàng-thượng thấy vậy cũng động lòng và rơi lụy, rồi truyền cho quan Tư-sự biểu coi tẩm liệm Đông-Sơ, quàn tại Tùng-đình đợi chờ giặc yên rồi sẽ lo tống táng.

Bữa nọ Thu-Hà đương ngồi trong tư phòng ngóng trông tin tức Võ-đông-Sơ. Bỗng đâu hai mí mắt dật lia, và trong lòng phập phồng hồi hộp. Thu-Hà chẳng biết cố chi, bèn bước ra xem hoa cho khuây lãng tâm thần, chẳng dè thỉnh không cây kim xoa đương dắt trên đầu, thoát nhiên rớt xuống gãy làm hai đoạn, điềm ấy chưa biết lành dữ thế nào, nhưng trong lòng Thu-Hà đã sanh một mối lo buồn nghi sợ. Kể đó có tên bộ-hạ của Đông-Sơ ngoài cửa bước vô bộ coi hơi hải, thấy Thu-Hà liền chạy lại và bẩm rằng : “Bẩm Quới nương, quan Đô-úy Võ-đông-Sơ và quan Thiếu-úy Triệu-Dũng đã bỏ mạng nơi chốn chiến trường, nên Hoàng-thượng sai tôi về đây bẩm lại.”

Thu-Hà nghe rồi té nhào xuống đất và bất tỉnh. Triệu nương lật đật chạy lại đỡ lên, chừng tỉnh lại thì hai người than khóc một hồi đầm dề hột lụy, đó rồi chị em dắt nhau thẳng ra Nam-quan, đợi tìm thi-hài Đông-Sơ và Triệu-Dũng.

Khi Bạch-thu-Hà với Triệu-nương đi gần tới địa phận Nam-quan, thì mặt trời đã hầu chen lặn. Xảy thấy một tòa nhà nhỏ, ẩn ẩn trong đám thanh tùng, tư bề thì núi non hiu quạnh, cây cỏ lờ mờ, bên rừng lại nghe tiếng vượn ru con, nỉ non dưới cội, kìa thì mây sầu mịt mịt, vằn vũ trên không ; nọ lại gió thảm rạo rạo phất phơ ngọn cỏ, đoan thì vài con bạch nhạn, đương kêu rêu thơ thần góc phương trời, lớp thì dế gáy re re, hòa với tiếng ve ngâm, giọng nghe buồn bã. Nào là thẩn lẩn chặt lưởi, chim ục cầm canh, nào là dưới bụi trên nhành sành kêu tích tích.

Ôi cái tình thâm ấy, cái cảnh quạnh hiu này, dường như tạo-hóa đã bố

trí sắp đặt ra đây, mà vây người vào trường ly hận ; và nhốt người vào trận mê hồn, làm cho Thu-Hà ngó đến thì ruột đứt gan xào, nghe vào thì càng đầm đầm giọt lụy. Đó rồi lần lần đi tới, thì thấy một đội quân đương đứng nhứt canh trước ngõ, và bốn phía xung quanh, dùi trống nhịp sanh, đánh nghe khoan nhặt.

Thu-Hà và Triệu-nương liền bước lại kêu một tên quân và hỏi thăm tin tức Đông-Sơ, xảy thấv tên đội trưởng phía trong cúi đầu chào Thu-Hà và hỏi : “Chẳng biết Quối nương ở đâu, đến đây có việc chi mà đêm hôm xông pha vào miền chiến địa như vậy ?”

Thu-Hà nói : “Tôi là vợ của quan Đô-úy Võ-đông-Sơ còn người này là em của Triệu-Dũng.”

Tên đội trưởng nghe nói thời đáp rằng : “Quan Đô-úy Võ-đông-Sơ đã chiến trường tử trận, Hoàng-thượng dạy đem linh cữu ngài về đây, đặt chờ ngày tống táng. Còn quan Thiếu-úy Triệu-Dũng thì chẳng biết thất lạc thi hài nơi nào, nay chưa tìm được.” Nói rồi lấy tay chỉ vô nhà nhỏ và thưa rằng : “Linh cữu của quan Đô-úy đương quàn tại Tùng-đình kia, xin Quối-nương theo tôi vào trong thì thấy.”

Thu-Hà nghe nói lật đặt bước vô, thì phía trước có chường một Hương-án nghiêm trang, nhưng mà đèn chong leo lét. Nhang đốt lờ mờ, chính giữa để một linh cữu với ít chậu bông hường, xem đã nhụy úa hoa tàn, dầu dầu nhánh lá, bên màn có treo một tấm minh-sanh (kêu là tấm triện) và có viết một hàng chữ phần như vậy : “Ngự-tiền hộ-giá Ngự-lâm-quân Đô-úy, Võ-đông-Sơ chi cữu.”

Thu-Hà thấy rõ là Võ-đông-Sơ đã chết, thì chạy lại ôm linh-cữu mà khóc một cách ai bi thê thảm rằng :

“Trời ôi ! Trời sao nỡ đem lòng nghiệt ác, mà cứ ghét ghen chi mãi phận

người, đã mấy phen làm cho kẻ góc biển, người đầu non, kẻ sâu đông người thăm bắc, làm cho mai gầy liễu ốm, phấn lợt hương tàn, làm cho duyên nợ lỡ làng, đồn kia chinh phím, ngày nay còn nông nổi gì mà khiến cho gái nợ mất chồng, trai này bỏ vợ ?

Ở quân Mãn-tặc kia ôi ! bấy cây chi những lẫn tên mũi đạn, mà làm cho đôi ta rẽ vợ phân chồng ; ở quân thù nghịch kia ôi ! bấy ý thế nước mạnh binh nhiều, mà làm cho đôi ta ngày nay phải keo tan hồ rã.

Lang quân ôi ! bấy lâu hai ta đã quan hà cách trở, biết bao là non nước lạc loài, nay mới cùng nhau vừa tạt mặt kề vai, cũng ngỡ là vợ chồng đăng vui tình nệm gối, chẳng dè ngày nay thiếp ra đến đây, thì màn sâu đã dượt, trưởng thảm hắt hiu, chỉ thấy cái linh cữu này là chỗ Lang-quân đã nằm đó mà thêm thiếp một giấc u hồn, thật là cách nhau trong gang tấc chẳng xa, nhưng mà dẫu kiếm ngàn năm cũng không trông thấy mặt.

Lang-quân ôi ! Nước non đó, quê hương ta đó, nữ bỏ đi, mà xuống chốn tuyền đài ; tình nghĩa đây, ân ái ta đây, đành nhắm mắt, mà theo miền dị lộ ?

Tình-quân ôi ! em nhớ thuở Lương-dinh hội ngộ, đã cùng nhau căn dặn đến đều, nay sao mà, nằm đó im lìm, chẳng cùng thiếp lời chi từ biệt ?

Ở các linh cữu kia ôi, mi là loài độc ác, cây ba thước ván, mà đây người trong nơi kín đáo, làm cho đó đây hai ngã phân lìa ; mi là giống vô tình, ý mấy tấc cây, mà dẫu người trong chỗ hẹp hòi, làm cho chồng vợ ngàn thu cách biệt.

Thu-Hà khóc một hồi, rồi dựa vào linh cữu, ngồi tưởng mơ màng, bỗng thấy một người xô cửa bước vô. Thu-Hà thất kinh lật đật thối lui vào trong, rồi hỏi : “Người là ai, đến đây việc chi, sao dám vào chỗ đồn bà con gái ?”

Người kia nói : “Ta là Võ-dông-Sơ đây, khanh quên sao ?”

Thu-Hà nghe nói liền bước tới thấy quả Võ-đông-Sơ thì mừng rỡ vô cùng và hỏi : “Lang-quân, giấc đã yên chưa mà Lang quân về đây ?”

Đông-Sơ nói : “Quân giấc chưa yên, song ngày nay là ngày kiết nhật, nên tôi về đây đây làm lễ nghinh hôn mà rước Ái-khanh đi động phòng hoa-chúc.”

Thu-Hà nghe nói thì mừng biết chừng nào, liền theo Đông-Sơ ra đi ước đây một đôi, kể thấy một cảnh Hoa-viên, bông trái tốt tươi, có cây xinh đẹp, phía trong lại có một toà nhà rộng rãi, đèn đuốc sáng loà, xảy nghe nhạc trỗi vang dậy, tiêu thiêu rập nhịp, Đông-Sơ day lại nói với Thu-Hà rằng : “Đây đã tới động phòng, xin Ái-khanh hãy bước vào buồng, đây hai ta vầy duyên can lệ”, đó rồi hai người dắt nhau vô phòng, đèn khêu tim đỏ, hoa ửng nhụy hồng, lửa đượm hương nồng, ân tình rất nên khăng khít ; kẻ kẻ môi, người dựa má, khi câu chuyện, lúc giọng tình, thật là toại thay người đẹp duyên xinh, càng mê vẻ ngọc càng nhìn sắc hoa.

Kể đó Đông-Sơ đứng dậy nói với Thu-Hà rằng : “Đêm này trời trong trăng tỏ, vậy hai ta ra sau Hoa-viên dạo xem phong cảnh và hứng gió chơi trăng cho giải khuây”, nói rồi dắt Thu-Hà đi quanh qua lộn lại trong vườn một hồi, khi ra khỏi Hoa-viên, thì thấy một cái biển rộng lớn minh mông, gió lộng sóng êm như tờ giấy trải.

Bỗng thấy một cái mống đỏ, hiện ra trên không, rồi lần lần hạ xuống, hóa ra một cái cầu dài bắc ngang trên mặt biển, trên cầu có một tấm bảng đề ba chữ “Ly hận kiều” lại có một bọn nam thanh nữ tú qua lại trên cầu, nhơ nhớn dập dìu, đương xem trăng hứng mát. Bỗng chốc thấy hai con rắn biển rất to, nổi trên mặt nước, mỗi con dài ước hơn hai chục trượng, mình đen như mực, mông đỏ tởm son, một con đực và một con cái. Hai con dờn với nhau dưới cầu, làm cho sóng nổi ba đào, nước văng trắng dã, rồi quấn đuôi vào nhịp cầu, và xô xà neo cùng nhau mà nhún tới đưa lui, trôi lên hụp xuống một hồi, làm cho nhịp giữa gãy ngang, cầu kia đứt làm hai đoạn, rồi lần lần dang ra. Xảy

nghe những người đương đứng trên cầu kêu la inh ỏi, kẻ kêu vợ người khóc chồng, kẻ lìa em người cách bạn, hai bên đầu cầu kêu khóc om sòm, nghe rất ai bi thảm thiết, còn hai đoạn cầu dang lằn ra xa, rồi đoạn thì trôi về hướng nam, đoạn lại trôi qua phía bắc, làm cho những người ở trên cầu ấy phải phân vợ rẽ chồng, biết bao là thảm sầu khổ não !

Đông-Sơ cùng Thu-Hà thấy vậy thì lấy làm một điều quái dị, đứng ngó sững sờ, rồi cũng đau lòng thương xót và muốn quày gót trở về, kể thấy trên mặt biển mọc lên một trụ đá to lớn, trên trụ lại có ba chữ : “Tình-nghiệt-hải” nghĩa là cái biển tình rất ác nghiệt dữ dằn

Kể đó lại thấy một thằng quỷ cao lớn, mặt xanh như chàm, mình mẩy vằn vện như cạp, ở trong trụ đá nháy ra, và lấy tay thò xuống biển vẫy nước trào lên, làm cho sóng nổi ùng ùng, khói bay mịt mịt, rồi hai chơn bước trên ngọn sóng, phăng phăng đi vô, đi tới đâu thì sóng gió ùn ùn tới đó, bỏ vôi cao lên như núi vậy.

Khi vô tới mé, thì nhảy lại chụp Đông-Sơ. Đông-Sơ trở qua rồi rút gươm chém thằng quỷ ấy một cái, thì thấy thằng quỷ há miệng phun ra một vòi máu làm cho Đông-Sơ mình mẩy và mặt mày đều vấy máu đỏ lôm.

Đông-Sơ nổi xung nhảy tới đâm thẳng quỷ ấy một gươm ngang lưng lũng vào tới ruột, tức thì trong lỗ đâm đó ló ra một cái đuôi dài hơn năm sải, rồi quăn ngang mình Đông-Sơ và kéo nhào xuống biển.

Thu-Hà thấy vậy hoảng kinh nhảy theo chụp Đông-Sơ níu lại, chẳng dè chụp nhầm cây gươm để thờ Đông-Sơ bên bàn hương-án, thì dứt mình tỉnh lại, té ra một giấc chiêm bao. Ngó lại thấy cây gươm còn nằm chặt khừ trong tay, thì đứng đó ngơ ngửng sững sờ một hồi, rồi tự nghĩ rằng :

“Thế thì đêm nay là đêm chót trong đời mình đây, nên khiến cho chiêm bao mà thấy một điềm rất nên kinh dị, và cây gươm này là gươm để cho mình

toan bề tự xử, đó chẳng ?”

Nghĩ rồi bước ra hương-án của Đông-Sơ lấy nhang đốt lên mà khóc rằng :

“Lang-quân ôi ! Hai ta mảng bị cái kiếp nhưn duyên trắc trở, mà sống chẳng đặng cùng nhau đồng tịch đồng sàng, vậy thì ngày nay là ngày thiếp đến đây, xin mượn cây gương này, mà xả mạng quyên sanh, đặng thác theo Lang-quân cho đồng quan đồng huyệt.

Lang-quân ôi ! Lang-quân đã biết lấy một lòng ái quốc, liều thân danh mà trả nợ nước nhà ; vậy thì thiếp đây cũng nguyện đổ một giọt máu chung tình, xuống địa-phủ mà đền ơn tri-ngộ.”

Nói rồi liền lấy gương cầm hòng và ngả bên linh-cữu của Đông-Sơ mà thác.

Triệu-nương đương ở phía sau bước ra thấy Thu-Hà nằm bên linh cữu và máu chảy đầm dề, thì thất kinh lật đật lại ôm Thu-Hà mà khóc một hồi, ngó lại thì thấy Thu-Hà đã thác.

Chỗ này là chỗ chung cuộc của Võ-dông-Sơ với Bạch-thu-Hà rồi, tới đây tôi muốn gác bút nghỉ ngơi và nói lớn một tiếng rằng : “Truyện này đã hoàn tất, nhưng e cho liệt quới khán quan xem đến đây thấy giọt máu chung tình lai láng ; cái hồn trung liệt quạnh hiu, thế thì cũng có lẽ phiền dạ ức lòng mà trách rằng : tác giả là người rất đoan hậu vô tình, lấy ngọn bút sát nhưn mà giết chết một vị anh-hùng với một trang liệt-nữ, rồi để đó tồi tàn, mà chẳng cho tổng táng.

Vì vậy nên tác giả xin nói tiếp thêm một đoạn sau đây cho được toàn thi toàn chung, kéo ức lòng kẻ đọc.

GIỌT MÁU CHUNG TÌNH

Tân Dân Tử
www.dtv-ebook.com

Hồ Thứ Hai Mươi Tám

Khi Bạch-thu-Hà liệu mình tự tử rồi, thì tên đội-trưởng ở tại Tùng-đình thấy vậy liền báo tin cho quan Tư-sự hay, tức thì quan Tư-sự bốn thân đến nơi, khám nghiệm thi hài xong rồi, liền viết một biểu chương dâng cáo báo sự ấy cho Hoàng-thượng rõ, và biểu đội trưởng coi lo tẩm liệm Thu-Hà rồi để riêng linh cữu nơi một nhà kia cách xa Tùng-đình chừng trăm thước, và quan đó mà chờ lệnh.

Đây nhắc lại khi đạo binh tả dực của ta đã đến cứu viện, và các đạo binh kia cũng đều kéo tới tiếp ứng, rồi hỗn chiến một trận với binh Mãn-châu rất dữ dội, làm cho binh nó đánh không lại, đều kéo nhau chạy tan, chẳng dám xâm lấn bờ cõi như khi trước nữa.

Lúc giặc yên rồi, Hoàng-thượng bèn hạ lệnh kéo binh về Lạng-sơn, rồi mở tiệc khao binh thưởng tướng. Kế có quan Tư-sự bước vô ra mắt Hoàng-thượng, và dâng một biểu chương tâu về việc Bạch-thu-Hà tự tử, linh cữu còn quan một bên Tùng-đình, và xin Hoàng-thượng liệu lượng lễ nào, dâng định ngày an táng.

Hoàng-thượng xem biểu chương rồi thì dậm chơn chặt lưỡi và nói :

“Trước khi đánh giặc Võ-đông-Sơ có gởi cho trăm một biểu chương, tỏ bày sự tích của Thu-Hà và xin trăm ngự bút tứ hôn, kế gặp lúc can qua chinh chiến, vì vậy nên trăm chưa kịp định hôn duyên cho hai chàng, chẳng dè ngày nay Thu-Hà lại vì chồng mà tự tử, thật đáng khen cho nàng là một gái tiết hạnh trung trinh trong đời ít có.” Nói rồi day lại hỏi quan Lễ bộ Thượng-

thơ rằng : “Theo ý khanh thì việc ấy phải liệu định lẽ nào ?”

Lễ-bộ Thượng-thơ tâu rằng :

“Theo ý thần hạ thì Võ-đông-Sơ với Bạch-thu-Hà tuy là gá nghĩa nhưn duyên, kết tình chồng vợ, nhưng mắc bị lưu lạc giang hồ nên chưa tính đặt việc hôn phối cho rõ ràng minh bạch, nay Thu-Hà đã giữ một lòng trinh liệt mà thác theo Đông-Sơ đặt cho trọn chữ ân tình, thì cũng là một người đờn-bà đáng phong đáng ngợi.

Vậy thì xin Hoàng-thượng ngự bút tứ hôn theo lời Đông-Sơ đã xin khi trước. Ngõ cho hai người đặt danh tiết rõ ràng, và cho khỏi miệng đời ngày sau dị nghị.”

Hoàng-thượng nghe rồi gật đầu, tức thì truyền cho Lễ-bộ lập một tờ kiết nhận hôn thơ, rồi Hoàng-thượng ngự bút chứng phê, và sắc phong cho Võ-đông-Sơ là Võ-hiền-hầu, phong cho Bạch-thu-Hà là Tiết-liệt nhứt phẩm phu-nhơn, còn Triệu-Dũng cũng đặt sắc phong là Khinh xa trung-úy. Đó rồi biểu Lễ-bộ Thượng-thơ lo sắp đặt các việc tang chế cho hoàn toàn và định ngày tống táng.

Bữa nọ quan Lễ-bộ Thượng-thơ truyền cho quân nhưn dọn dẹp Tùng-đình sạch-sẽ, và chưng bông thắt tui, đèn đuốc rõ ràng, liễn cần màn thêu, treo coi rực rỡ, đó rồi truyền đem linh cữu Bạch-thu-Hà về để một bên linh cữu của Võ-đông-Sơ và bảo lấy hai cây gấm đỏ và hai vóc lụa điều phủ trên quan tài, xem như một đám cưới kia, chàng rể với nàng dâu, kẻ áo đỏ người quần điều, hai gã song song ra giữa từ đường mà phối hiệp lương duyên đó vậy. Lại thấy giữa Tùng-đình màn treo trướng xủ, đèn thắp sáng trưng, thắt tui kết bông, xem tợ một chỗ động phòng hoa chúc.

Kế đó quan Lễ-bộ Thượng-thơ ra đứng trước hai linh cữu và đọc tờ Hôn-thơ của Hoàng-thượng ngự bút tứ hôn như vậy :

NGHE RẰNG :

Có ly loạn mới rõ tôi hiền chúa thánh, gặp gian nguy mới biết vợ nghĩa chồng tình.

Trai như Đông-Sơ, đáng một trai khí phách anh-hùng ; gái như Thu-Hà, vẫn một gái trung trinh liệt-nữ.

Đã lắm lúc giang-hồ lưu lạc, cũng giữ một niềm son sắt chẳng nguôi lòng.

Lại nhiều phen tai nạn dập dồn, cũng gìn một nghĩa keo sơn không đổi dạ.

Lời thệ ước xưa đã nặng, phú thân danh chứng có đất trời.

Nghĩa tóc tơ nghĩa cũ còn ghi, đem vàng đá liệu cùng mạng vận.

Xét những lúc non cao vực thẳm, cũng nguyện cùng nhau sanh tử chữ đồng ;

Nghĩ cho khi én lạc nhận xa, cũng quyết một dạ thi chung như nhút.

Rủi cho Đông-Sơ, gặp lúc nước nhà hữu sự, nên khiến ra duyên phận lỡ làng ;

Thương thay Thu-Hà, vì cơn mạng vận đảo điên, xui đến nỗi sắt cầm lỗi nhịp.

Trai địch khái, chiến trường vẫn mạng, phận kim cung đã rõ mặt đứng trung thần ;

Gái thuyền-quyên vị nghĩa quyên sanh, lòng khảng khái cũng nên danh trang liệt-nữ.

Xét cho tội âm dương đồng nhút lý, sống nhưn duyên thì thác cũng nhưn

duyên.

Nghĩ mà coi nam nữ hệ thân tình, trước chồng vợ há sau không chồng vợ.

Vậy nên, nay lập hôn thê một bức, đặt định cho duyên phận hai đàng,

Trước đặt câu danh tiết rõ ràng, sau khỏi tiếng thị phi dị nghị,

Vậy thì phong cho hai gả phu vinh thế quý, gởi du tiên một giấc phỉ tình chung.

Phán cho hai hồn sanh thuận tử an, miền vãn hạc ngàn năm vầy trưởng phụng.

Độc rồi thì thấy trước linh cữu, màn bay phất phất, đèn chớp lòa lòa, dường như hai hồn nay đặt phối hiệp lương duyên thì trong trưởng mừng rỡ bước ra, mà cảm ơn Hoàng-thượng. Đó rồi hai bên các quan tài ai nấy thấy vậy cũng đẹp lòng và đôi buồn làm vui, truyện trò hơn hởi.

Bữa nọ trong lúc canh gà dục sáng, gương ác rặng hồng, hột sương mai còn mờ mịn trên không ; chim thức bạn đã lú lờ bên nhánh, bỗng thấy trước Tùng-đình nháng ra một ánh hào-quang chớp sáng, và phun lên một làn khói mịn mù, kể nghe ba tiếng súng đại bác thần công, phát ra ùng ùng như trời gầm sấm nổ, lại nghe ba hồi đại cổ, một chập mã la, hai tiếng hòa nhau, giọng nghe rền rĩ, dường như nó kêu người mà báo tin cho biết rằng : giờ ấy là giờ động quan, ngày nay là ngày tống táng đó vậy.

Kể thấy một đội nhạc binh đi trước, trống kèn inh ỏi, sáo quuyến rập rình, kể đó một đạo võ lâm quân kéo theo, mỗi người đều cầm cờ tang, sắp đi hai hàng, xem rất tề tề chỉnh chỉnh.

Kể thấy bên hữu thì linh cữu Võ-đông-Sơ, bên tả thì linh cữu Bạch-thu-Hà, tàn che bốn phía, trưởng xú xung quanh, một cặp song song, khiêng đi tề

chính.

Kế nữa thì Hoàng-thượng ngự giá tống hành, với văn võ bá quan đều áo mũ nghiêm trang, đi có lớp lang thứ tự ; lại có một đạo binh mã kỵ, rút gươm giàn hầu theo sau mà hộ giá Hoàng-thượng, còn hai bên đường nào là trẻ già lớn bé, dắt đến xem coi, nào là xe ngựa nhộn nhàng, đón đưa chật nít, thật là một đám tang có thể thống nghiêm trang, xem rất vinh vang trọng thể.

Khi đi tới núi kia, thì thấy một tòa miếu võ, mới cất dựa gò cao, đồ sộ nguy nga, tàng cây mát mẻ, trước cửa có treo một tấm biển sơn son thếp vàng và chạm bốn chữ : “Công-thần võ miếu”.

Phía sau thì thấ xây một vòng sơn ly thạch trụ, có chạm hình sư tử kỳ lân, chính giữa lại xây một cái huyệt đều cần đá xanh, tư bề rộng rãi, và phía trước dựng một tấm mộ bia cao lớn. Có khắc một hàng chữ như vậy :

“Trung liệt song-phần, Võ-đông-Sơ Bạch-thu-Hà chi mộ.”

Đó rồi khiêng hai linh cữu đem vô để giữa miếu đường, tế lễ xong rồi, đem ra chôn chung một huyệt : còn trong miếu thì lập ra ba bàn hương-án, một bàn thì thờ Đông-Sơ, một bàn thì thờ Thu-Hà, và một bàn nữa thì để thờ Triệu-Dũng và cất một nhà hậu sở để cho Triệu-nương và thể-nữ Xuân-Đào ở đó sớm tối phụng thờ, mỗi tháng vua có cấp bổng phát lương, đặt giữ việc lửa hương tế tự.

Còn hai bên thạch trụ trước miếu có chạm hai câu liễn chữ vàng như vậy :

Phận đứng anh-hùng, một thác ơn đền non nước Việt,

Tấm gương liệt-nữ ngàn thu danh rạng đất trời Nam.

Từ đây về sau thiên-hạ như dân trong xứ ấy ai ai đi ngang qua miếu này thấy tên Võ-đông-Sơ và Bạch-thu-Hà trên tấm mộ bi, thì đều đem lòng kính

vì sùng bái, và nhớ lại trong lúc Tùng-đình thì ngùi ngùi cảm khái và nhắc nhở hai người luôn luôn, nên sau người ta có đặt một câu tục diêu mà hát như vậy :

Thảm thay giọt máu chung tình,

Thương người trung liệt Tùng-đình ngày xưa.

CHUNG